

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phú Yên, tháng 04 - 2024

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

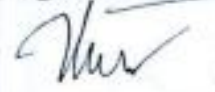



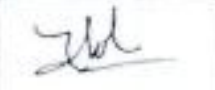



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Phú Yên, tháng 04-2024

XÂY DỰNG DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG,
(Kèm theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHXDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024
MIỀN TRUNG của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Phan Văn Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2.	Lê Đức Thương	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3.	Nguyễn Kim Cường	TS, Trưởng khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Thành viên - Trưởng ban thư ký	
5.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên	
6.	Nguyễn Nguyễn Khang	ThS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
7.	Dương Văn Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên	
8.	Nguyễn Văn Thành	ThS, Phụ trách Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên	
9.	Phạm Ngọc Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Thành viên	
10.	Lê Đàm Ngọc Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
11.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên	
12.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
13.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên	
14.	Lê Trọng Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
15.	Đinh Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên	
16.	Lê Đức Quân	ThS, Phó Trưởng bộ môn Cầu đường	Thành viên	
17.	Lê Vy	Sinh viên lớp D19CD	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	9
PHẦN I. KHÁI QUÁT	10
1.1. Đặt vấn đề.....	10
1.2. Tổng quan chung.....	13
1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	13
1.2.2. Tổng quan về Khoa Kỹ thuật Hạ tầng – Công nghệ	20
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	24
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	24
Mở đầu.....	24
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	25
Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	29
Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	31
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	34
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	34
Mở đầu.....	34
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật	35
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	37
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	41
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	42
Mở đầu.....	42
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR	42
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng	44
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	50
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	50

Mở đầu.....	50
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	51
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.....	53
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.....	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	60
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	61
Mở đầu.....	61
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	61
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.....	64
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	68
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập	74
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....	76
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	78
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên	79
Mở đầu	79
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	79
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	82
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	86
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá	89

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	91
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	94
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	98
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	103
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	103
Mở đầu	103
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	104
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	106
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	108
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	110
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	111
Kết luận về tiêu chuẩn 7	113
Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học	114
Mở đầu.....	114
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.....	114
- Lấy ý kiến phản hồi của đối tượng người học về các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường.....	117
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá	117
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	121

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.	124
Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.....	129
Kết luận về tiêu chuẩn 8	132
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	132
Mở đầu.....	132
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	133
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	135
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	138
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	140
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....	143
Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....	145
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	146
Mở đầu.....	146
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	146
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.....	151
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	154
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....	157
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	165
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	168
Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....	170
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	171

Mở đầu.....	171
* Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	171
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	173
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	176
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	179
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	182
Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....	184
PHẦN III. KẾT LUẬN	186
3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.....	186
3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	194
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	200
3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016	204
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	207
PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TĐG CTĐT	230
PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT	243

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CDR	: Chuẩn đầu ra
CSGD	: Cơ sở giáo dục
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐATN	: Đồ án tốt nghiệp
ĐH	: Đại học
DHXDMT	: Đại học Xây dựng Miền Trung
GDDH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVCV	: Giảng viên cố vấn
KHCN	: Khoa học công nghệ
KH&HTQT	: Khoa học và Hợp tác quốc tế
KLTL	: Khối lượng kiến thức tích lũy
KTXDCTGT	: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
KTHT-CN	: Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
NH	: Người học
PGS	: Phó Giáo sư
SV	: Sinh viên
TBCHK	: Trung bình chung học kỳ
TBCTL	: Trung bình chung tích lũy
TC	: Tín chỉ
THPT	: Trung học phổ thông
TS	: Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và các lĩnh vực kinh tế khác; nghiên cứu khoa học phục vụ cho yêu cầu phát triển đào tạo nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (KTXDCTGT) là ngành truyền thống, có quá trình phát triển cùng với Nhà trường từ thời kỳ Trung Cấp, Cao đẳng. Từ năm 2013, Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ bắt đầu đào tạo ngành KTXDCTGT trình độ đại học, trong đó chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành Kỹ thuật cấp thoát nước nói riêng và của Nhà trường nói chung. Với mục tiêu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực KTXDCTGT, xây dựng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, nên Nhà trường đã tự nguyện đăng ký kiểm định và đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành KTXDCTGT theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông qua việc đăng ký kiểm định, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã tiến hành tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTXDCTGT, từ đó giúp Nhà trường, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ tự rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT và đề ra các giải pháp, xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành KTXDCTGT, Ban lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo sâu sát, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan, như: khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, các phòng, trung tâm chức năng trong Nhà trường, giảng viên, nhân viên, người học và cựu người học, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Về cấu trúc và nội dung: Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXDCTGT được hoàn thiện căn cứ theo những hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể: Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT gồm 04 phần, với các nội dung chính như sau:

- Phần I. Khái quát: Giới thiệu chung về bản tự đánh giá của ngành ngành KTXDCTGT.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí.

- + Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT;
- + Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT;
- + Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học;
- + Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
- + Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học;
- + Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;
- + Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên;
- + Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học;
- + Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị;
- + Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng;
- + Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

- Phần III. Kết luận: Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và phương hướng hành động để khắc phục các điểm tồn tại trong quá trình đào tạo.

- Phần IV. Phụ lục

Cách mã hóa minh chứng: Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo hướng dẫn của Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự, bao gồm 01 chữ cái, ba dấu chấm và 07 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H - viết tắt của “Hộp minh chứng”;

n - số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11);

ab - số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

cd - số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);

ef - số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (minh chứng thứ 1 viết 01, thứ 10 viết 10).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ 1 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H8.10.03.12: là MC thứ 12 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

Mục đích của quá trình tự đánh giá: Đây là quá trình giúp Nhà trường nói chung, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ nói riêng tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm:

- Đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành KTXDCTGT, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KTXDCTGT;

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính sau

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

- Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Nhà trường đã tiến hành xem xét theo các nội dung sau:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của CTĐT ngành KTXDCTGT;

- Phân tích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại;
- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng CTĐT;
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là Trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN.

Các giá trị cốt lõi: Kế thừa - Phát triển; Năng động – Sáng tạo; Tận tụy - Trách nhiệm; Chia sẻ - Hợp tác.

- Kế thừa – Phát triển: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn tôn trọng và kế thừa các giá trị truyền thống trong quá trình phát triển Nhà trường, đồng thời luôn ưu tiên đầu tư để phát triển mở rộng ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo và trình độ đào tạo. Kế thừa các giá trị truyền thống là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

- Năng động – Sáng tạo: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tôn trọng sự khác biệt, đa dạng trong quản trị, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

- Tận tụy – Trách nhiệm: Sự tận tụy và trách nhiệm là chìa khóa cho mọi thành công, là tiêu chuẩn mà Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn luôn đặt ra và yêu cầu mỗi thành viên của Trường phải hướng đến, đây là yếu tố quyết định để Nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Chia sẻ - Hợp tác: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn luôn chia sẻ tri thức, kinh nghiệm cho người học, đồng thời luôn coi trọng sự hợp tác với tất cả các

đối tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, kết nối cộng đồng.

Để đạt được mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chính sách chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng, cụ thể như sau:

Về cơ cấu tổ chức: để đạt được mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chính sách chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng, cụ thể như sau:



Hình 1. Bộ máy Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (Trước 2024)

Ngày 18/12/2023 Nhà trường đã có Quyết định số 1082/QĐ-ĐHXDMMT ngày 18/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành ban hành cơ cấu tổ chức bộ máy mới trong đó Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Ban Giám hiệu (gồm 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng), có 20 đơn vị thuộc, trực thuộc gồm: 07 phòng, 05 khoa, 06 trung tâm, 01 viện và 01 phân hiệu tại thành phố Đà Nẵng.

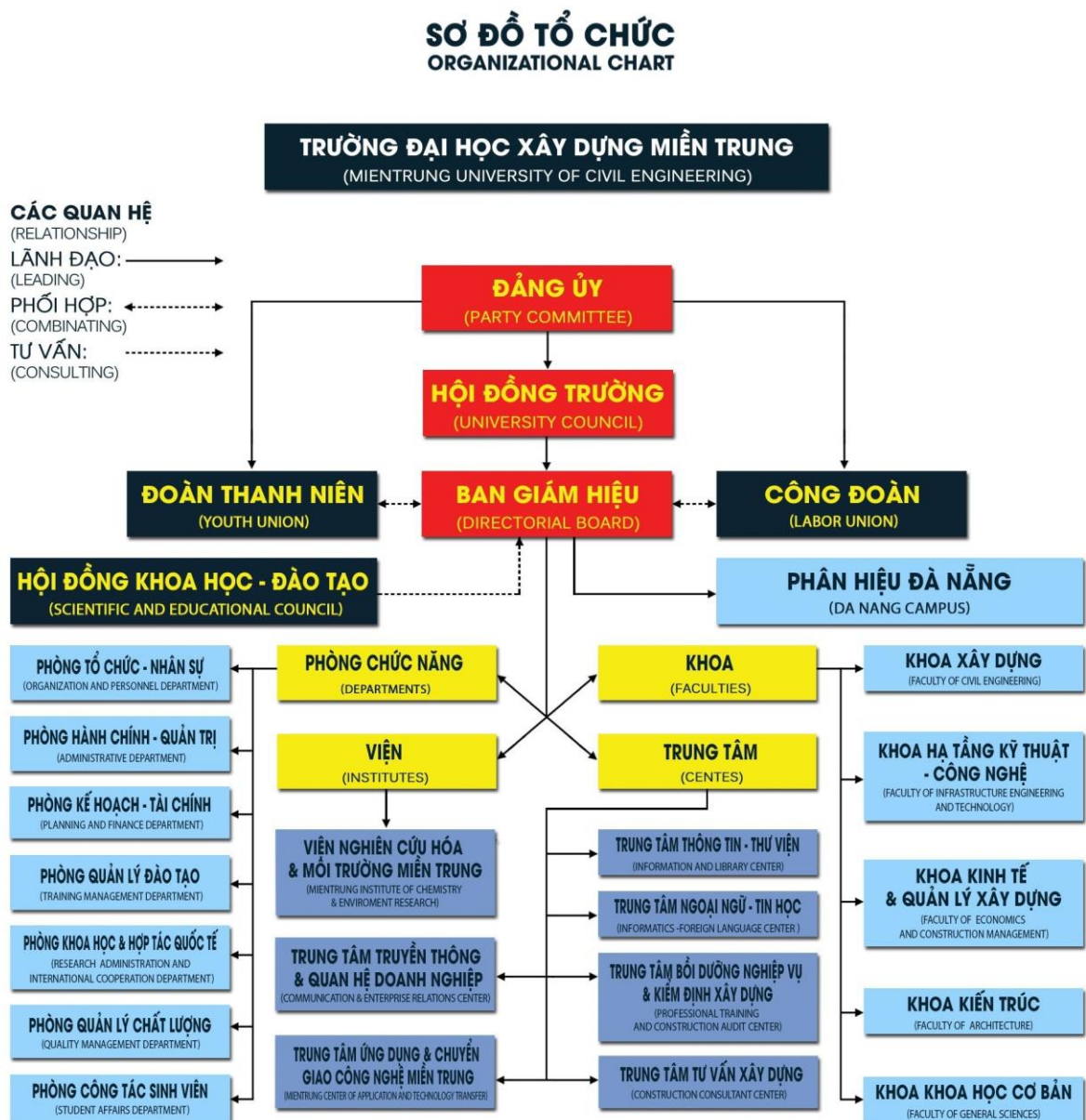
Về chính sách chất lượng:

- Việc tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục là công tác thường xuyên, quan trọng và đi vào thực chất;

- Chất lượng giáo dục là vấn đề then chốt, là trách nhiệm của cả hệ thống, của các cấp lãnh đạo, tất cả các bộ phận, của mỗi cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên toàn trường;

- Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục, có những điều chỉnh kịp thời và cần thiết để đảm bảo triển khai thành công các kế hoạch đã đề ra trong chiến lược;

- Xác định ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng là nguồn thông tin quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT, hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động hỗ trợ đào tạo của Nhà trường.



Hình 2. Bộ máy Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện nay

Về nhân lực: Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường 245 người; trong đó giảng viên cơ hữu 169 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 34 người và nhân viên 76 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Nhà trường hiện có 03 Phó Giáo sư, 36 Tiến sĩ, 124 Thạc sĩ và 6 đại học.

Về đào tạo: Nhà trường hiện có 16 CTĐT trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ thạc sĩ.

Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục 180.060 m², diện tích nơi làm việc 10.515 m², diện tích nơi học 20.230 m², diện tích nơi vui chơi giải trí 36.878 m², diện tích phòng học 9.611 m², tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy 3,83 m²/SV, tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện 865 đầu sách với 25.522 bản.

Về nghiên cứu khoa học: Cùng với hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu Trường. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã thực hiện 03 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ và tương đương, 130 đề tài cấp trường (bao gồm đề tài trọng điểm, nhiệm vụ biên soạn bài giảng, tài liệu học tập, sáng kiến cải tiến, ngân hàng đề thi), 53 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế (có 17 bài trong hệ thống ISI/Scopus) và hơn 71 bài được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được tính điểm GS/PGS. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia/quốc tế, như: Hội thảo Khoa học “Những tiên bộ trong Xây dựng và kiến trúc” ACEA 2018, Hội nghị khoa học toàn quốc “Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên”, ACEA-VIETGEO 2021, Hội thảo “Di sản & Kiến trúc trong phát triển bền vững đô thị du lịch biển” ngày 21/4/2022 trong chuỗi chương trình Liên hoan Sinh viên Kiến trúc toàn quốc lần thứ XIII từ 20-24/4/2022; Hội nghị khoa học Cơ học Thủy khí toàn quốc lần thứ 26. Thông báo KH-CN của Nhà trường đã được đăng ký chỉ số ISSN 2615-9546, dự kiến năm 2024 sẽ xúc tiến nâng cấp thành Tạp chí khoa học của Trường. Số lượng đề tài khoa học do sinh viên thực hiện là 91 đề tài. Nhiều sinh viên đạt giải thưởng quốc tế, quốc gia và trong khu vực, như: giải thiết kế nhà do UNDP tổ chức, giải kiến trúc của Đại học Kitakyushu Nhật Bản, giải Loa Thành, giải Kiến trúc xanh, giải Eureka, giải triển lãm khu vực.

Về hợp tác trong nước và quốc tế:

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã thiết lập, xây dựng 37 mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác như Trường Đại học Khoa học ứng dụng Leipzig, Trường Đại học Savannakhet, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ quốc gia Hàn Quốc - Seoul Tech, Viện Công nghệ quốc gia (thuộc Gifu College), Tổ chức tình nguyện quốc tế Solidarités Jeunesses tại Việt Nam (SJ Việt Nam), Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả,

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (THACO), Công Ty TNHH phần mềm FPT Miền Trung...

Nhà trường đã ký kết 37 biên bản thỏa thuận hợp tác với các đối tác, các trường, doanh nghiệp, tổ chức tại Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Việt Nam... về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên sinh viên, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, chuyên đề, trao đổi thông tin, tài liệu. Hiện nay, Nhà trường duy trì mối quan hệ với 28 đối tác trong và ngoài nước.

+ Về đào tạo quốc tế: Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường tiếp nhận và đào tạo 18 Lưu học sinh Lào. Trong đó, 12 sinh viên nhập học chính thức hệ đại học, cao đẳng vào đợt tháng 9/2016 (có 2 sinh viên hệ đại học, dạng học bổng Hiệp định) với các chuyên ngành Kinh tế Xây dựng, Quản lý Xây dựng, Kế toán, Kỹ thuật Xây dựng, Kiến trúc. Tháng 9-10/2020, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận 6 học sinh Lào đến học tập khóa dự bị tiếng Việt. Đến tháng 9/2021, 6 LHS này nhập học chuyên môn. Tính đến tháng 12/2023, Nhà trường đang đào tạo 5 Sinh viên Lào khóa 2021-2026 với các chuyên ngành Xây dựng, kế toán, kiến trúc.

+ Về Trao đổi sinh viên/giảng viên: Trong 5 năm qua, Nhà trường và Viện Công nghệ Quốc gia (thuộc Gifu College) đã tổ chức thành công 2 chương trình trao đổi thực tập ngắn hạn dành cho sinh viên của 2 trường. Ngày 8/7/2019 đến 29/7/2019, 02 Sinh viên MUCE có chuyến trao đổi thực tập ngắn hạn tại Viện Công nghệ Quốc gia. Trong thời gian thực tập, các em đã được tham gia nghiên cứu tại Phòng thí nghiệm, học hỏi nhiều kiến thức chuyên môn bổ ích, trải nghiệm và tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, khám phá ẩm thực... Ngày 17/8/2023 đến 7/9/2023, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung tiếp nhận 02 em sinh viên năm 2, chuyên ngành kỹ thuật xây dựng từ Viện Công nghệ Quốc gia, Nhật Bản đến thực tập tại trường.

Bên cạnh đó, Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tiếp đón 33 đoàn khách nước ngoài đến và làm việc với Nhà trường. Các đoàn đến từ nhiều quốc gia khác nhau như Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Pháp, Đức... Trong 5 năm qua, Nhà trường cũng đã triển khai 8 đoàn ra. Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên, cán bộ đi học tập, trao đổi kinh nghiệm, làm việc và ký kết các chương trình hợp tác quốc tế; đi tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế như Hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability and Disaster prevention, ESDP 2018” tại Nhật Bản; hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability, Disaster Prevention and Reduction, and Engineering Education (ESDPR&EE 2019)” tại Nhật Bản ; hội thảo ICBMC 2019 tại Singapore; hội thảo Geo-Congress 2022 tại Mỹ.

Về phục vụ cộng đồng:

Từ năm học 2018-2019 đến nay có khoảng 2000 lượt viên chức và sinh viên

tham gia hiến máu nhân đạo. Đội hiến máu dự bị của Đoàn trường đã hiến gần 100 đơn vị máu và luôn sẵn sàng hiến máu cho Bệnh viện Đa khoa và Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Yên để kịp thời cấp cứu bệnh nhân.

Hàng năm, Nhà trường cử viên chức cùng sinh viên tham gia chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện nhằm giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, như:

- Năm 2019, thực hiện công trình Nhà Nhân ái với diện tích gần 35m², tổng giá trị công trình là 60 triệu đồng; hỗ trợ thi trấn Phú Hòa thi công công trình bồn hoa thanh niên trên đường dẫn vào UBND thị trấn Phú Hòa với diện tích 250m²; Thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non thị trấn Phú Hòa với diện tích vẽ hơn 200m², tổng giá trị công trình là 12 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên Thắp sáng đường quê tại thị trấn Phú Hòa với chiều dài thực hiện 500m, giá trị thực hiện công trình là 10 triệu đồng; tổ chức Đội hình trực tiếp sức người bệnh vào các ngày thứ 2 và thứ 6 hàng tuần từ ngày 6/7/2019 đến 1/8/2019, kết quả đã hỗ trợ được hơn 2500 lượt người nhà và bệnh nhân;

- Năm 2020, tổ chức vẽ hơn 60m² tranh tường tại kè chắn sóng khu vực phường Phú Thạnh, kinh phí thực hiện hơn 50 triệu đồng; tổ chức thực hiện công trình thanh niên “Sắc cờ quê hương” đoạn đường 27/7 vào nghĩa trang liệt sĩ tỉnh với kinh phí thực hiện hơn 20 triệu đồng; thực hiện công trình sửa chữa nhà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Ánh tại xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình là 40 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non xã Hòa Quang Nam với diện tích vẽ gần 100m² và tổng giá trị công trình là 10 triệu đồng;

- Năm 2021, thành lập 5 đội hình tình nguyện hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid với các nội dung hỗ trợ: công tác nhập giữ liệu cho sở Y tế tại CDC đường Lý Thái Tổ; hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC đường Trần Hưng Đạo; tham gia hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC tại nhà; phối hợp Thành Đoàn Tuy Hòa thực hiện các nội dung công việc như: làm hơn 5000 mũ chắn giọt bắn để tặng cho lực lượng tuyến đầu chống dịch, tham gia hỗ trợ vận chuyển nhu yếu phẩm đến cho người dân trong vùng cách ly, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch cho người dân và đoàn viên sinh viên nhà trường;

- Năm 2022, thực hiện công trình sửa chữa nhà nhân ái cho bà Nguyễn Thị Sỹ tại thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình hơn 110 triệu đồng;

- Năm 2023 thực hiện công trình khu vui chơi thiếu nhi với 6 dụng cụ trò chơi, tổng trị giá 24,4 triệu đồng, Công trình thắp sáng đường quê tại Thôn Định Trung 3 với chiều dài 500m, tổng kinh phí hơn 22,5 triệu đồng, Công trình vẽ tranh tường tại

Trường mầm non xã An Định với hơn 100m² tranh tường có tổng kinh phí là 15 triệu đồng; phối hợp với Huyện Đoàn Tuy An, Đoàn thanh niên và bà con xã An Định thực hiện công trình Sắc cờ quê hương tại 2 thôn Phong Hanh và Phong Hậu với chiều dài 3,5km, tổng kinh phí cho công trình này là hơn 16 triệu đồng.

Trường cũng tổ chức các chiến dịch Xuân tình nguyện mang niềm vui đến cho các em thiếu nhi vùng sâu, vùng xa bằng những phần quà và các hoạt động văn hóa văn nghệ:

- Năm 2019, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện năm 2019 tại các xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, xã Hòa Hiệp Nam huyện Đông Hòa và xã Cà Lúi huyện Sơn Hòa với các nội dung thực hiện như: mua tôn sửa lại mái nhà cho cụ Dương Thị Xờ xã Hòa Quang Bắc với tổng diện tích mái gần 35m² trị giá 3.2 triệu đồng; tặng 82 suất quà và học bổng cho các gia đình chính sách, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Hòa Quang Bắc, xã Hòa Hiệp Nam và xã Cà Lúi với tổng giá trị là 35,9 triệu đồng;

- Năm 2020, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại các huyện Tuy An, Đông Xuân, Phú Hòa, với các hoạt động: sửa chữa nhà cho hộ neo đơn, giao lưu văn nghệ, tặng quà và các suất học bổng với tổng giá trị các phần quà là 38 triệu đồng;

- Năm 2021, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện tại 3 huyện Phú Hòa, Sơn Hòa và Sông Hinh, kết quả đã vận động được 61 triệu đồng để tổ chức chiến dịch và tặng các suất quà, học bổng cho gia đình khó khăn, trẻ em nghèo vượt khó;

- Năm 2023, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại thị xã Đông Hòa, tặng 70 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 27,5 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Phú Yên, tặng 115 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 10 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Ea Trol huyện Sông Hinh, trao tặng 40 suất quà tết và 10 suất học bổng cho học sinh vượt khó học tốt, tổng kinh phí 15 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Xuân Quang huyện Đông Xuân, trao tặng 40 suất quà tết, tổng kinh phí 13.5 triệu đồng;

- Năm 2024 tổ chức chương trình Xuân tình nguyện 4 địa điểm: Xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa; Xã Ea Bá, huyện Sông Hinh; Xã An Định, huyện Tuy An và Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, kết quả vận động kinh phí tặng quà tết và các suất học bổng cho các em thiếu nhi với tổng kinh phí 109 triệu đồng.

Đảng bộ cùng với viên chức Nhà trường hàng năm thường xuyên đóng góp cho quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xoá đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai,....

1.2.2. Tổng quan về Khoa Kỹ thuật Hạ tầng – Công nghệ

Năm 2008 khoa Kỹ thuật hạ tầng đô thị được thành lập trên cơ sở tách ra từ khoa Kỹ thuật Xây dựng của Trường Cao đẳng Xây dựng số 3, với 3 Bộ môn gồm: Cấp thoát nước; Kỹ thuật hạ tầng; Cầu đường, có nhiệm vụ đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng các ngành: Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng đô thị và Cầu đường.

Ngày 28 tháng 7 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1279/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Trung trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 thuộc Bộ Xây dựng. Sau 5 năm hình thành và phát triển, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, ngày 04 tháng 7 năm 2012 Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ra Quyết định số 426/QĐ-ĐHXDMMT thành lập khoa Cầu đường.

Thực hiện sứ mệnh của Nhà trường giai đoạn 2025- 2030, đáp ứng nhu cầu phát triển của Đất nước và trong khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Đảng ủy, Hội đồng trường đã thực hiện việc tái cấu trúc bộ máy các đơn vị trong trường. Do đó, khoa **Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ** (HTKT-CN) được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMMT ngày 16/1/2024, TS Nguyễn Kim Cường là Trưởng khoa. Khoa được hình thành từ sát nhập từ 02 khoa Cầu đường và khoa Kỹ thuật hạ tầng đô thị cùng với bộ môn Công nghệ thông tin. Hiện nay, Khoa HTKT-CN có đào tạo trình độ đại học với 6 ngành và 10 chuyên ngành chi tiết như sau:

- Ngành Kỹ thuật công trình giao thông

- + Chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng cầu đường;
- + Chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong Cầu đường;
- + Chuyên ngành Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông.

- Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

- Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

- Ngành Công nghệ thông tin

- + Chuyên ngành Công nghệ thông tin;
- + Chuyên ngành Công nghệ phần mềm;
- + Chuyên ngành Quản trị mạng và an toàn hệ thống thông tin.

- Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

- Ngành Kỹ thuật cơ điện tử

- Ngành Kỹ thuật Xây dựng

- + Chuyên ngành Kỹ thuật Địa chính Xây dựng;
- + Chuyên ngành Hệ Thống Kỹ thuật Cơ điện công trình.

* Cơ cấu tổ chức của khoa bao gồm:

- Có 1 Chi bộ, 1 chi ủy;

- Cấp chính quyền có 1 trưởng khoa; 4 Trưởng Bộ môn; 1 thư ký và 2 trợ lý khoa; Có 4 bộ môn

- Nhân sự Khoa bao gồm: 31 người trong đó

+ Trình độ Tiến sỹ: 11 người

+ Thạc sỹ: 18 người

+ Đại học: 2 người

Trong đó, có nhiều giảng viên đã và đang theo học đúng ngành nghề ở các nước có nền giáo dục phát triển. Ngoài ra, tuổi đời trung bình hiện nay của đội ngũ giảng viên Khoa HTKT-CN là 35 tuổi, đây là độ tuổi khá lý tưởng đảm bảo về kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe để công tác.

Ban đầu do sự dịch chuyển cơ cấu nhân sự, nhiều Thầy/Cô đi học nâng cao trình độ, dẫn đến khoa chưa đủ nhân sự để đào tạo toàn khóa học. Một số thầy cô đảm nhiệm nhiều vị trí, giảng dạy nhiều học phần khác nhau. Tuy nhiên hiện nay, nguồn nhân lực khoa tương đối mạnh với 11 Tiến sỹ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước với chuyên môn phù hợp đứng chủ trì các ngành trong khoa, trong đó có một số giảng viên đi nghiên cứu sau Tiến sỹ để cập nhật tiếp cận trình độ kiến thức các trường trên thế giới với chương trình đào tạo trong Nhà trường. Do đó, số lượng giảng viên tương đối ổn định có thể đảm nhận hầu hết các học phần chuyên ngành và một số học phần cơ sở ngành.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực Xây dựng, Công trình hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật ô tô, kỹ thuật điều khiển tự động hóa có trình độ kỹ sư chính quy cho khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và trong cả nước, có khả năng học tập nâng cao trình độ Thạc sỹ, Tiến Sỹ trong và ngoài nước. Khoa HTKT- CN không ngừng nỗ lực và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cập nhật phương pháp giảng dạy. Trong quá trình hoạt động, Khoa luôn luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường, bên cạnh đó tập thể giảng viên trong khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, luôn đoàn kết gắn bó, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phần lớn giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tốt. Một số kết quả nổi bật các hoạt động của Khoa trong thời gian bắt đầu đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Xây dựng Công Trình Giao Thông (KTXD-CTGT) đến nay như sau:

Đến nay Khoa đã đào tạo 5 khóa tốt nghiệp đại học ngành KTXD-CTGT .

Quy mô tuyển sinh:

Năm học	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Sinh viên	77	94	137	46	66	34	18	40	24	28

- Số lượng đã tốt nghiệp kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông là 417 sinh viên đã tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư.

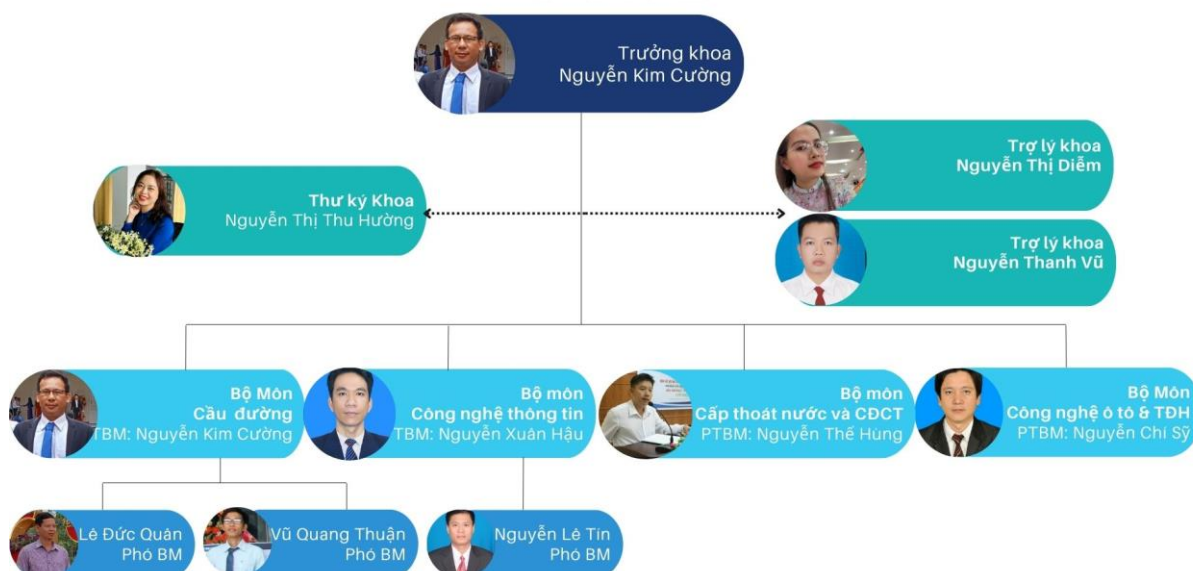
- Về nghiên cứu khoa học: Hàng năm giảng viên Khoa HTKT-CN đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu được mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Khoa HTKT-CN đã giao nhiệm vụ cho các bộ môn triển khai biên soạn hầu hết các tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã từng bước xây dựng các ngân hàng đề thi nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng.

- Định hướng các năm tới khoa thành lập và triển khai các nhóm nghiên cứu tiềm năng và nghiên cứu giảng dạy, các câu lạc bộ sinh viên, giúp sinh viên tiếp cận, có sân chơi trong các nghiên cứu khoa học theo định hướng, hướng dẫn của giảng viên trong khoa. Tạo động lực, khuyến khích các em tìm kiếm đam mê trong nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra khoa còn kết nối doanh nghiệp, các tập đoàn lớn về xây dựng công trình giao thông như Tập Đoàn Đèo Cả, Apave châu Á thái Bình Dương, Hòa Bình tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại các dự án lớn thực tế, học hỏi trau dồi học hỏi thêm kiến thức chuyên môn thực tế tại các công trường lớn. Hơn nữa, Khoa cũng có kết nối nhiều doanh nghiệp địa phương trong đó có các doanh nghiệp về tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, và các doanh nghiệp tổ chức thi công công trình. Thường xuyên tổ chức hội thảo, tọa đàm tư vấn cho người học kinh nghiệm chuyên môn, phỏng vấn, và nhu cầu việc làm. Người học có nhiều sự lựa chọn trong việc thực hành, thực tập và có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp.

KHOA HẠ TẦNG KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Khoa Hạ tầng Kỹ thuật – Công nghệ

Với sự phấn đấu, đoàn kết tập thể, cùng sự nhiệt tình quyết tâm của các giảng viên trong khoa. Hàng năm khoa HTKT-CN cũng đạt được nhiều thành tích trong thi đua khen thưởng như:

Tập thể khoa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu lao động xuất sắc qua các năm học 2018-2019; 2019-2020, 2021-2022. Thầy TS Nguyễn Kim Cường, trưởng khoa HTKT-CN nhận bằng khen của bộ Xây Dựng. Chi bộ Khoa HTKT-CN có nhiều cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và Chi Bộ trong nhiều năm liền liên tiếp được đánh giá tập thể trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đảng Ủy, Ban giám hiệu nhà trường giao phó. Hơn nữa, Công đoàn khoa HTKT-CN được Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng nhiều bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn. Chi đoàn giảng viên Khoa HTKT-CN được Tỉnh đoàn Phú Yên tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học qua các năm).

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông là đào tạo ra lớp kỹ sư Cầu đường có chất lượng, cung cấp nhân lực cho khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và trong cả nước. Đến nay khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã đào tạo 5 khóa tốt nghiệp ngành KTXD-CTGT ra trường, bắt đầu khóa đào tạo đầu tiên từ năm học 2013-2014 với số lượng 40 sinh viên đến nay có tổng số sinh viên 419 sinh viên đã tốt nghiệp. Chương trình đào tạo được thiết kế có mục tiêu cụ thể rõ ràng định lượng được, điều này giúp người học có định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng có thể đề ra kế hoạch chiến lược học tập phù hợp với từng năng lực cá nhân. Ngoài ra mục tiêu CTĐT cũng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường nói riêng, và phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục đại học của cả nước nói chung.

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, chi tiết và bao quát thỏa mãn các yêu cầu chung của xã hội, của ngành nghề đào tạo chung với cả nước. Hơn nữa, CĐR cũng phù hợp với yêu cầu chuyên biệt để người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

Nội dung của chuẩn đầu ra, chương trình tổng quát và chương trình đề cương chi tiết được xây dựng một cách thống nhất. Các nội dung của chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo là sự tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được cung cấp đến người học thông qua các kênh thông tin như trang web của Nhà trường, của Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, sổ tay sinh viên và qua việc giảng dạy các học phần của giảng viên.

Với sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước” và tầm nhìn “đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là Trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng; có uy tín trong lĩnh vực xây dựng; từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN” có thể khẳng định rằng nội dung chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra hoàn toàn có thể đáp ứng và phù hợp với chức năng cũng như các nguồn lực hiện có của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (KTXD-CTGT) thuộc khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung quản lý, được phép đào tạo từ năm 2013 đến nay đã đào tạo được 7 khóa đào tạo chính quy ra trường từ khóa D13CĐ-D19CĐ và 6 khóa liên thông đào tạo ra trường. Ngành KTXD-CTGT bao gồm 3 chuyên ngành đào tạo chính: chuyên ngành Xây dựng cầu đường (XDCĐ), chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường (UDCNTT-CĐ) và năm 2023 mở thêm một chuyên ngành mới ” Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông”.

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường [H1.01.01.01]. Để xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và viết tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá [H1.01.01.02], biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.03] được công bố rõ ràng bằng văn bản chính thức của nhà trường được đăng trên cổng thông tin, trên website của trường [H1.01.01.04] đề cập đến mục tiêu của CTĐT, và trong sổ tay sinh viên của trường [H1.01.01.05].

Ngoài ra, mục tiêu của chương trình đào tạo được viết cụ thể, rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường thông qua Quyết định ban hành [H1.01.01.06] của trường ĐHXDMT và thể hiện đầy đủ trong chương trình dạy học đại học [H1.01.01.07].

Nội dung của sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường rõ ràng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của trường là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đảm bảo trình độ kỹ sư chính quy phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là trường đại học kỹ thuật đa ngành nghề theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, khoa học công nghệ và từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN. Nội dung sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo, thể hiện ở bản mô tả chương trình đào tạo và bản mô tả các học phần [H1.01.01.08], và trong nội dung đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.09]. Sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường còn được thể hiện trong các đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.10], đề án phát triển trường Đại học Xây dựng Miền Trung từ

giai đoạn 2017- 2021 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.11], các văn bản về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT và chuẩn đầu ra [H1.01.01.12], các quyết định(QĐ) ban hành CDR CTĐT ngành KTXDCTGT và QĐ ban hành CDR tin học, ngoại ngữ [H1.01.01.13]. Hơn nữa, CDR của CTĐT có liên hệ mật thiết với nhau thông qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.14].

Bên cạnh đó, mục tiêu chung của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được xác định tuân theo mục tiêu chung của Luật giáo dục đại học [H1.01.01.15], Thông tư 07 năm 2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.16]. Hơn nữa, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được quán triệt trong Nghị quyết Đảng bộ Nhà trường [H1.01.01.17] và trong báo cáo tổng kết hàng năm của từng năm học [H1.01.01.18].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT được sự ủng hộ chủ trương của Đảng bộ, Ban giám hiệu nhà trường, tập thể lãnh đạo, giảng viên khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ cũng như các phòng, khoa liên quan. Mục tiêu CTĐT được xây dựng bám sát các văn bản thông tư nghị định của các Bộ GDĐT, Bộ Xây Dựng; được cập nhật, lấy ý kiến từ các Tập đoàn lớn về lĩnh vực xây dựng Công trình giao thông như Tập đoàn Đèo Cả, tập đoàn Hòa Bình. Mục tiêu CTĐT cũng được đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cao tốt nghiệp tại các trường đại học uy tín trong cả nước, và nghiên cứu sinh của khoa đang học tập tại nước ngoài tham gia đóng góp ý kiến.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn về mục tiêu CTĐT còn nhiều khó khăn so với quy định về luật giáo dục đại học sửa đổi luật số 34/2018/QH 14. Mục tiêu CTĐT được gửi đến từng sinh viên, nhưng một số sinh viên còn thờ ơ, chưa chủ động nắm bắt mục tiêu CTĐT để có định hướng học tập đúng đắn.

4. Kế hoạch hành động

Đổi mới phương pháp đào tạo, tận tình dạy dỗ đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra như mong muốn. Không ngừng nâng cao trình độ trong mỗi giảng viên, bên cạnh cập nhật các dự án CTGT thực tế. Tăng cường mối quan hệ các doanh nghiệp, các Tập đoàn lớn tạo điều kiện thuận lợi sinh viên tham quan, thực tập cuối khóa từ năm 2023. Thu thập ý kiến các bên liên quan hàng năm để cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, và định hướng ứng dụng. Tăng cường, mở rộng nhiều hội thảo chuyên môn cấp khoa, tạo sân chơi trí tuệ cho sinh viên thường xuyên.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý mới của các bộ ngành liên quan đến mục tiêu CTĐT	- Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ - P.QLĐT	9/2024	Theo dõi và tìm hiểu các văn bản pháp lý về CTĐT đại học có cập nhật bổ sung
		Thường xuyên khảo sát doanh nghiệp để cập nhật rà soát mục tiêu CTĐT	P.KHTQT Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	Tham gia hội thảo, Seminar chương trình đào tạo các trường có mời doanh nghiệp báo cáo, tham luận.
		Đối sánh mục tiêu CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và nước ngoài	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ		Đưa giảng viên đi học trao đổi giao lưu với các trường trong nước và nước ngoài
2	Phát huy điểm mạnh	Mục tiêu CTĐT được cập nhật theo cơ sở pháp lý hiện hành, và được lấy ý kiến từ lãnh	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	Cập nhật mục tiêu CTĐT theo luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018 số 34/2018/QH14

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đạo, đội ngũ tri thức trình độ cao và cựu sinh viên sau khi ra trường			
		đạo, đội ngũ tri thức trình độ cao và cựu sinh viên sau khi ra trường			
		Mục tiêu CTĐT cập nhật phù hợp với yêu thực tế khi hợp tác với Tập Đoàn Đèo Cả	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	10/2024	Thành lập tổ chuyên gia
		Tăng cường mối quan hệ các doanh nghiệp địa phương về ngành KTXD-CTGT và Hội Cầu đường	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	Có chương trình, theo kế hoạch hàng năm cụ thể

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được xây dựng bài bản, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.02.01] là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước; đến năm 2030 Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là Trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN.

Chuẩn đầu ra là văn bản cụ thể hóa của mục tiêu đào tạo nên được cung cấp rõ ràng và đầy đủ trong văn bản ban hành chương trình đào tạo [H1.01.02.02] và được Hiệu trưởng ký ban hành các quyết định về CDR CTĐT ngành KTXD CTGT và CDR tin học, ngoại ngữ [H1.01.02.03]. Các kênh thông tin công khai chuẩn đầu ra hiện nay của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, đó là trang thông tin điện tử của nhà trường [H1.01.02.04], sổ tay sinh viên của Nhà trường [H1.01.02.05] và tài liệu quảng bá CDR trong tờ tuyển sinh hàng năm [H1.01.02.06].

Trước khi tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ dựa trên Thông tư 07 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ [H1.01.02.07]. Kết quả khảo sát và lấy ý kiến về chương trình đào tạo của các bên liên quan [H1.01.02.08], [H1.01.02.17].

Chuẩn đầu ra đảm bảo cụ thể hóa được kiến thức, kỹ năng, và trách nhiệm đối với người học sau khi tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, được thể hiện rõ ràng trong bản mô tả chương trình đào tạo [H1.01.02.09], ma trận các kỹ năng [H1.01.02.10], chương trình giảng dạy, chương trình đào tạo trình độ đại học [H1.01.02.11] và nội dung đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo [H1.01.02.12]. Với mục tiêu hướng đến nhu cầu của xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, nhà trường thường xuyên thu thập thông tin để kịp thời điều chỉnh, rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Công tác này được cụ thể hóa thông qua thông báo về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.13]. Các biên bản liên quan đến việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.14], các quyết định ban hành CĐR và CTĐT của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông sau khi điều chỉnh [H1.01.02.15] và các nội dung tương ứng của CTĐT [H1.01.02.16] sau khi điều chỉnh cùng với biên bản lấy ý kiến của các bên liên quan của CTĐT [H1.01.02.17] theo CĐR.

2. Điểm mạnh

CĐR chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện tại đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng như kỹ sư tư vấn thiết kế, kỹ sư thi công, kỹ sư giám sát công trình, kỹ sư quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng mà nhu cầu xã hội đang cần.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được bao quát và đầy đủ về CĐR. Một số CĐR phù hợp với đặc thù công việc của người học khác nhau. Lý do là vì người học sau khi tốt nghiệp đi làm việc ở nhiều vị trí khác nhau. Ngoài ra, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học trong công việc chưa thật sự tốt khi so sánh với người học tốt nghiệp tại các thành phố lớn.

4. Kế hoạch hành động

Qua phân tích điểm mạnh điểm cần khắc phục, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ xác định cần tập trung phát huy những mặt tích cực và không ngừng điều chỉnh và cải tiến những tồn tại để chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên thu thập thông tin cựu sinh viên	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ; Phòng công tác sinh viên	9/2024	Xem cựu sinh viên là đầu mối trong việc kết nối với nhà tuyển dụng Giữ liên lạc

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
					thường xuyên với cựu sinh viên
		Nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin	Trung tâm ngoại ngữ tin học Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ; Đoàn Thanh niên	9/2024	Đảm nhận một số học phần giảng dạy bằng tiếng Anh - Tăng cường khả năng sử dụng công nghệ thông tin
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật, kiến thức kỹ năng nghề nghiệp	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	Cập nhật CTĐT theo luật Giáo dục đại học

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7**

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được tiến hành rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, sự phát triển kinh tế xã hội vùng miền cũng như quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trước khi tiến hành xây dựng chương trình đào tạo, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ căn cứ vào các nội dung trong Thông tư 07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H1.01.03.06]. Từ những quy định này, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H1.01.03.07], tổ chức các hội thảo nhằm thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, đặc biệt là nhà sử dụng lao động [H1.01.03.15], so sánh kết quả xếp loại tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá [H1.01.03.08].

Sau đó, Khoa từng bước xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo và có sự tham gia góp ý từ giảng viên trong Khoa, các đại diện từ các đơn vị có liên quan trong trường và được Hội đồng khoa học và Đào tạo thông qua [H1.01.03.14]. Chuẩn đầu ra về CTĐT ngành KTXD-CTGT và CĐR tin học, ngoại ngữ sau đó được Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.03.01] kèm theo CTĐT được duyệt. Tiếp theo, chương trình tổng quát được xây dựng có mô tả các ma trận kỹ năng [H1.01.03.13] thể hiện mối liên hệ giữa các CĐR về mục tiêu kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tập đề cương chi tiết [H1.01.03.12] được phân công cho các giảng viên có kinh nghiệm và phụ trách bộ môn biên soạn. Trên cơ sở chuẩn đầu ra này, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ tiến hành xây dựng bản đặc tả chương trình đào tạo [H1.01.03.03], chương trình dạy học [H1.01.03.04], nội dung đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo [H1.01.03.05]. Trong quá trình xây dựng CĐR của chương trình đào tạo, khoa có tiếp thu, tổng hợp ý kiến của tập thể giảng viên trong các bộ môn và ý kiến tập thể lãnh đạo khoa, các bên liên quan. CĐR của chương trình đào tạo sau đó được trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo xin ý kiến phê duyệt. Sau khi thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chương trình đào tạo được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học [H1.01.03.02].

Trong giai đoạn từ 2017-2022, chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được rà soát, điều chỉnh vào năm 2017 và 2018. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo thông báo và kế hoạch cụ thể của nhà trường [H1.01.03.09]. Công tác này được tiến hành trước khi khoa tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT [H1.01.03.07]. Quá trình điều chỉnh, rà soát chuẩn đầu ra CTĐT cũng được xây dựng từ cấp khoa, tranh thủ ý kiến đóng góp từ các đơn vị trong trường, ý kiến đơn vị sử dụng lao động [H1.01.03.15] và cuối cùng được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua. Nội dung chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản đặc tả cũng như đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H1.01.03.10].

2. Điểm mạnh

- Chuẩn đầu ra đã cập nhật trong chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo;
- Có tham vấn ý kiến của giảng viên chuyên ngành trong đơn vị, các doanh nghiệp sử dụng lao động kỹ sư cầu đường, cựu sinh viên, các sở ban ngành và các trường đại học có cùng chuyên ngành đào tạo;
- Chương trình đào tạo được cập nhật rà soát điều chỉnh hàng năm để phù hợp với nhu cầu của xã hội;
- Chuẩn đầu ra CTĐT công khai trực tiếp trên cổng thông tin nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Việc tiếp nhận thông tin phản hồi của người học sau khi ra trường, doanh nghiệp còn chưa rộng rãi, bao quát đa dạng;

- Một số CDR của chương trình đào tạo là hơi nặng so với sinh viên có học lực trung bình yếu

4. Kế hoạch hành động

Từ những điểm mạnh và tồn tại, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ xác định cần tiếp tục tập trung phát huy những thế mạnh hiện có và không ngừng bổ sung, khắc phục những tồn tại để việc xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên thu thập thông tin các đơn vị có sử dụng sinh viên tốt nghiệp khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ Phòng Công tác sinh viên	9/2024	Lập ban liên lạc với cựu sinh viên; thường xuyên liên lạc kết nối với các doanh nghiệp địa phương
		Thường xuyên cập nhật Tiêu chuẩn quy trình mới, những công nghệ mới của các doanh nghiệp	Phòng khoa học & hợp tác quốc tế Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	Tăng cường hợp tác với các tập đoàn lớn về hạ tầng giao thông
2	Phát huy điểm mạnh	Thông tin về chuẩn đầu ra ở nhiều kênh khác nhau	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	11/2024	Đăng tin trên các trang mạng xã hội Trang web của khoa

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Mục tiêu đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông kèm với chuẩn đầu ra là yếu tố quan trọng. Trong quá trình đào tạo, tập thể khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ luôn bám sát, theo dõi kịp thời chỉnh sửa cập nhật cho phù hợp với yêu cầu xã hội.

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra là cơ sở để kết nối với doanh nghiệp, hội nhập với các trường đại học có đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Là căn cứ giúp người học có kế hoạch học tập, đạt chuẩn về kỹ năng, kiến thức, trách nhiệm sau khi tốt nghiệp.

- Trong suốt quá trình đào tạo, khoa luôn chú trọng đến chất lượng nội dung chương trình đào tạo. Thường xuyên trao đổi chuyên môn, cập nhật quy trình quy phạm. Tham gia các hội nghị, hội thảo các chuyên đề có chuyên môn sâu về công trình giao thông, cầu đường, ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường.

- Luôn bám sát sứ mạng, tầm nhìn định hướng của nhà trường "Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên: phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp về lĩnh vực xây dựng; có tư duy và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân" cơ bản đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế: chuyên gia đầu ngành ít, chất lượng đầu vào thấp khó khăn trong việc theo đuổi chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra. Nguồn giảng viên cơ hữu ít, một số đi học tập nâng cao trình độ, nên giảng viên còn lại gánh vác nhiều môn học khác nhau. Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng chưa thực sự đa dạng, khách quan.

Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó có 01 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 4,67/7

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được xây dựng trên cơ sở tham khảo từ nhiều trường đại học có uy tín trong nước và được ban hành lần đầu vào năm 2013. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông cung cấp các

thông tin về chương trình đào tạo, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí và yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Bản mô tả đảm bảo công tác triển khai giảng dạy và học tập tất cả các đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo.

Trong quá trình vận hành, bản mô tả và đề cương chi tiết luôn được định kỳ điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nhu cầu của xã hội và điều kiện thực tế của nhà trường. Bản mô tả và đề cương chi tiết được công bố công khai, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào tạo [H2.02.01.03] là một tài liệu rất quan trọng trong quá trình xây dựng cũng như điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Thông qua bản mô tả này, các thông tin như cơ sở đào tạo, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, kế hoạch dạy học, phương pháp dạy học và đánh giá,... được thể hiện đầy đủ các nội dung cho người học.

Ngoài ra bản mô tả chương trình đào tạo có bố cục tỷ lệ các học phần giáo dục đại cương, giáo dục cơ sở ngành và chuyên ngành phù hợp với đào tạo theo định hướng ứng dụng. Tỷ lệ phần trăm này kết hợp giữa khung cứng CTĐT đại học với ý kiến khảo sát của bên liên quan trong quá trình xây dựng để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Sau khi xác định được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, chương trình tổng quát của chương trình đào tạo và bản mô tả các học phần [H2.02.01.01] được xây dựng đầy đủ thông tin nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được thiết kế. Tiếp đến, để chương trình đảm bảo tính liên kết giữa các khối kiến thức, sự linh hoạt trong việc phân bổ nguồn lực của nhà trường, chương trình dạy học đại học [H2.02.01.04] được cập nhật bổ sung những vấn đề mới nhất có liên quan đến CDR và bản mô tả CTĐT. Tiếp theo, công tác triển khai xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo sẽ được tiến hành [H2.02.01.02]. Nội dung đề cương chi tiết phải thể hiện được mức độ đóng góp và tính khả thi trong việc xác định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trước khi được ký ban hành, từng nội dung trong bản đặc tả được sự góp ý và cho ý kiến từ phía đội ngũ giảng viên trong Khoa, các đơn vị trong Trường, đơn vị sử dụng lao động và người học [H2.02.01.07]. Khi chương trình đưa vào áp dụng, các nội dung trong bản đặc tả chương trình đào tạo được thể hiện trên tài liệu quảng bá về CTĐT, trong các học

phần, bản tin của nhà trường [H2.02.01.05]. Ngoài ra, bản đặc tả chương trình đào tạo được công khai trên trang điện tử của Khoa và Nhà trường [H2.02.01.06] nhằm công khai với người học và xã hội về những nội dung trong chương trình đào tạo sẽ đạt được.

Tương tự nội dung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo cũng được rà soát, điều chỉnh vào năm học 2018-2019, năm học 2020-2021, năm học 2022-2023. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo thông báo và kế hoạch cụ thể của Nhà trường [H2.02.01.08], [H2.02.01.10]. Công tác này được tiến hành trước khi Khoa tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT [H2.02.01.09]. Nội dung chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản đặc tả cũng như đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H2.02.01.01.04] sau khi thông qua hội đồng khoa học đào tạo của nhà trường

2. Điểm mạnh

- Bản đặc tả CTĐT đại học được làm đúng theo hướng dẫn của bộ giáo dục đào tạo đầy đủ thông tin; Người học thấy được lộ trình của toàn khóa học các kiến thức từ đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, các học phần tích lũy kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành, thực hành thực tập, thực tập cuối khóa và đồ án tốt nghiệp qua trang thông tin điện tử của nhà trường, sổ tay sinh viên, tờ rơi, tài liệu quảng bá về CTĐT, qua đề cương chi tiết của các học phần đào tạo.

- Bản đặc tả CTĐT thường xuyên được cập nhật thông qua ý kiến khảo sát của các bên liên quan, kết quả đối sánh

3. Điểm tồn tại

Bản đặc tả cần cập nhật những nội dung mới và có kế hoạch rà soát điều chỉnh từng giai đoạn cụ thể. Cần hướng dẫn cụ thể cho người học nắm được bản đặc tả chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Sau khi phân tích điểm mạnh, điểm còn tồn tại, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đề ra kế hoạch hành động cụ thể như sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chỉnh sửa, cập nhật nội dung mới trong bản	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, Giảng viên có	9/2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đặc tả	kinh nghiệm		
		Cô đọng nội dung trong bản đặc tả để sinh viên dễ hiểu	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung theo những quy định mới của Bộ giáo dục đào tạo	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	9/2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7**

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần phải đầy đủ thông tin, rõ ràng giúp sinh viên nắm được mục tiêu của học phần, số tiết học, số tín chỉ, nội dung chi tiết kiến thức học phần, cách đánh giá học phần, phương pháp giảng dạy, bài tập thực hành trên lớp, và phần tự học của sinh viên. Thể hiện vai trò của người dạy và người học trong học phần đó, được thiết kế bài bản lộ trình các học phần trước, học phần song hành, kiến thức tích lũy từ đơn giản đến phức tạp, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra và mục tiêu của học phần. Đồng thời đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trong quá trình xây dựng, khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã bám sát những văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục đào tạo [H2.02.02.02], tham khảo các tài liệu liên quan từ các trường đại học khác.

Đề cương các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin gồm: thông tin chung về học phần; mô tả tóm tắt học phần; mục tiêu học phần; chuẩn đầu ra học phần; nội dung đánh giá học phần; điều kiện dự thi kết thúc học phần; kế hoạch và nội dung học phần; tài liệu tham khảo; và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các chuẩn đầu ra đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng

học phần có số tín chỉ và thời lượng giảng dạy xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định [H2.02.02.03], [H2.02.01.02]. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần do các bộ môn quản lý học phần đảm nhiệm. Quá trình biên soạn nội dung đề cương các học phần dựa vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H2.02.02.04], tranh thủ ý kiến của các giảng viên nhiều kinh nghiệm, ý kiến phản hồi của sinh viên trong các buổi tổ chức seminar thông qua đề cương [H2.02.02.05]. Sau đó, toàn bộ nội dung đề cương học phần sẽ được hoàn thiện và có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan thể hiện trách nhiệm trong việc xây dựng [H2.02.02.06]. Toàn bộ nội dung đề cương các học phần sau khi hoàn chỉnh sẽ được tập hợp thành một bộ tương ứng với chương trình đào tạo đã được phê duyệt [H2.02.02.01], [H2.02.02.07].

Trong quá trình triển khai đào tạo, nhà trường có ban hành các thông báo và kế hoạch rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với từng thời điểm [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Thông thường có hai hình thức điều chỉnh đề cương: hình thức điều chỉnh, thay đổi lớn (thay đổi số tín chỉ, số tiết,...) sẽ gắn với đợt điều chỉnh, bổ sung mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo; hình thức thay đổi nhỏ (không thay đổi về số tín chỉ có thể thay đổi số tiết, một số nội dung giảng dạy, hình thức đánh giá,...). Tất cả các hình thức thay đổi đề cương chi tiết các học phần đều có văn bản, biên bản họp chỉnh sửa từ phía bộ môn trình Ban giám hiệu xét duyệt [H2.02.02.09], [H2.02.02.10]. Để sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động tiếp cận được nội dung đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản, trên website của Trường và Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ và bắt buộc giảng viên cung cấp cho sinh viên trước khi bắt đầu giảng dạy học phần [H2.02.02.08].

Đề cương chi tiết được rà soát, cập nhật bổ sung hoặc thay đổi theo định kỳ phù hợp với yêu cầu thực tế và theo kế hoạch của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được viết rất cụ thể. Đề cương có nhiều cập nhật về nội dung phù hợp với chuẩn đầu ra sau khi lắng nghe góp ý của các chuyên gia, doanh nghiệp có sử dụng lao động, cập nhật cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết vì đáp ứng chuẩn đầu ra nhu cầu xã hội ngày càng yêu cầu cao. Do đó để đáp ứng được CDR, nhà trường và khoa cần quan tâm thêm việc nâng cao chất lượng đào tạo như: Đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường kỹ năng thực hành, thực tập. Đưa sinh viên thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp tham gia các dự án thực tế để trau dồi thêm kỹ năng làm việc, chăm sóc sinh viên kỹ năng học tập đại

học, tạo sân chơi học thuật, thể thao kết nối, đầu tư trang thiết bị máy móc thực hành, thực nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật đề cương chi tiết đa dạng thực hành thực tập nhiều hơn	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ Giảng viên có kinh nghiệm	11/2024	
		Đổi mới phương pháp giảng dạy	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	11/2024	Giảng những khái niệm kỹ thuật mới từ kiến thức cũ sinh viên đã biết
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung kiến thức mới phù hợp với nhu cầu của xã hội	Nhà Trường Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	11/2024	Thường xuyên giao lưu kết nối doanh nghiệp, các trường đại học lớn để trao đổi chuyên môn

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường, Hiệu trưởng ký ban hành bản mô tả chương trình đào tạo [H2.02.03.01]. Để người học, đơn vị sử dụng lao động,... tiếp cận được nội dung chương trình đào tạo của nhà trường một cách dễ dàng, bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H2.02.03.04]. Ngoài ra, các nội dung này còn được cung cấp trong sổ tay sinh viên [H2.02.03.03] để họ có thể tra cứu và chủ động trong việc đăng ký kế hoạch học tập.

Các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo sẽ được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo. Cũng giống như bản mô tả, đề cương chi tiết các học phần [H2.02.03.02] phải được phê duyệt trước khi đưa chương trình vào áp dụng chính thức.

Để người học tiếp cận được nội dung các học phần, đề cương chi tiết các học phần được giảng viên cung cấp cho sinh viên trong buổi đầu lên lớp. Bên cạnh đó, nội dung đề cương chi tiết của chương trình đào tạo còn được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H2.02.03.04] để các đơn vị sử dụng lao động, người học,.. dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua sổ tay sinh viên, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do giảng viên cung cấp trực tiếp đến sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nội dung bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần chưa thực sự nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ cập nhật thường xuyên bản đặc tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần. Sau khi được phê duyệt, Khoa cập nhật trên trang web điện tử của khoa và trên mạng xã hội để các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận thông tin một cách nhanh chóng:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế điều chỉnh bảng khảo sát rõ ràng hơn	Giảng viên Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ được phân công Phòng Quản lý Đào tạo	9/2024	
		Gửi bảng khảo sát trực tiếp đến từng người	Giảng viên Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ được	9/2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
			phân công Phòng Quản lý Đào tạo		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật bản đặc tả chương trình đào tạo lên web khoa nhà trường	Giảng viên Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ được phân công Phòng Quản lý Đào tạo	9/2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được trình bày cụ thể rõ ràng, được công bố công khai trên các kênh thông tin liên quan, đảm bảo người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng hoàn toàn có thể tiếp cận và tham chiếu một cách dễ dàng.

Các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo thể hiện rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra, các ma trận liên quan giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra học phần, ma trận liên quan giữa chuẩn đầu ra với các phương pháp giảng dạy, đánh giá,... và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của chương trình.

Đề cương chi tiết các học phần được chuẩn hóa theo quy định của của nhà trường và của Bộ giáo dục và đào tạo. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả chương trình đào tạo, đến học phần; cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, công khai trên các kênh thông tin để sinh viên, phụ huynh, nhà tuyển dụng có thể chủ động trong học tập, lựa chọn và tham khảo. Bản mô tả chương trình đào tạo thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu xã hội và điều kiện thực tế của nhà trường về lĩnh vực xây dựng.

Quá trình điều chỉnh, cập nhật các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được Khoa quan tâm và tiếp nhận các thông tin, ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường, Hội đồng khoa học của Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà khoa học. Mặc dù có nhiều nỗ lực nhằm đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu của xã hội nhưng vẫn còn một số tồn tại như: thông tin về bản mô tả

chương trình đào tạo và nội dung các đề cương chi tiết học phần vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; các bên liên quan như nhà tuyển dụng, phụ huynh chưa tiếp cận các thông tin của bản đặc tả và đề cương chi tiết một cách thường xuyên, đầy đủ.

Một số đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo chưa có hệ thống bài giảng, giáo trình chuẩn để sinh viên có thể tham khảo, học tập. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo, các đề cương chi tiết học phần còn khiêm tốn và chưa thật sự khách quan

Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: 4,0/7

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được xem như là phần cốt lõi của chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông tại trường Đại học Xây dựng Miền Trung. Nó chứa đựng đầy đủ các thông tin liên quan đến mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo của chương trình; chuẩn đầu ra các học phần, nội dung và thời lượng các học phần; các phương pháp dạy học; các phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên. Nội dung chương trình dạy học được thiết kế nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Trong đó, hệ thống các học phần có những đóng góp nhất định trong việc định lượng các chuẩn đầu ra và được cung cấp trong các ma trận liên hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần (thể hiện trong từng đề cương chi tiết các học phần) hoặc liên hệ giữa chuẩn đầu ra với các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Có thể thấy nội dung chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ chương trình đào tạo. Đồng thời, chương trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông liên tục được rà soát một cách định kỳ nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội và cập nhật trong từng học phần cụ thể và ở chương trình đào tạo tổng quát

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thiết kế nhằm đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách

nhiệm cho chương trình đào tạo. Bản mô tả chương trình dạy học [H3.03.01.01] chứa đựng các nội dung về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Nội dung cụ thể từng phương pháp dạy học và công cụ đánh giá được thể hiện cụ thể trong bản mô tả các học phần [H3.03.01.02]. Thông qua nội dung các phương pháp giảng dạy và các công cụ đánh giá, các chuẩn đầu ra của từng học phần trong chương trình đào tạo được định lượng một cách cụ thể. Hơn nữa, giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần có sự liên hệ với nhau một cách chặt chẽ.

Đặc biệt các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và phương pháp đánh giá kiểm tra người học phải phù hợp với đối tượng người học để đạt được CDR của chương trình đào tạo. Các mối liên hệ này thể hiện qua ma trận kỹ năng tương ứng [H3.03.01.04].

Nguồn lực của nhà trường để đảm bảo thực hiện đồng bộ các phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá được thể hiện trên kế hoạch học tập hằng năm [H3.03.01.03]. Trong khi xây dựng bản mô tả các học phần, giảng viên đã nghiên cứu kỹ bản mô tả chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H3.03.01.06]. tham khảo ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, ý kiến của cựu sinh viên, sinh viên đang học [H3.03.01.07] trước khi trình ký ban hành. Quá trình chuẩn bị, cách thức thực hiện cũng như kết quả đạt được của các nội dung được mô tả trong đề cương chi tiết học phần được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên [H3.03.01.05]. Ngoài ra, các báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh [H3.03.01.08] cũng là minh chứng thuyết phục cho thấy chương trình dạy học được xây dựng bám sát chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đại học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của từng học phần phù hợp, góp phần đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số CDR của CTĐT còn mang nặng hình thức cần tinh gọn nhằm tập trung đáp ứng yêu cầu CDR về kiến thức nền tảng, chuyên môn, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, mức tự chủ và trách nhiệm.

Kỹ năng mềm tự lập kế hoạch, tự học đại học của CTĐT còn thiếu, chưa giúp sinh viên định hình được phương pháp học tập hiệu quả để đạt được CDR của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ tăng cường đổi mới cập nhật bổ sung và tinh gọn

yêu cầu CĐR của CTĐT cụ thể như sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tinh gọn CĐR theo cụm kiến thức.	Khoa HTKT-CN P. QLĐT	9/2024	
		Bổ sung, cập nhật thêm các học phần mang tính định hướng trau dồi về kỹ năng mềm.	Giảng viên Khoa HTKT-CN P.QLĐT	9/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, đổi mới tổ hợp phương pháp giảng dạy và học nhằm giúp sinh viên đạt CĐR.	Khoa HTKT-CN P.QLĐT	9/2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7.**

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Chương trình tổng quát ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H3.03.02.02] được xây dựng chứa đựng các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra đã công bố.

Các khối kiến thức của chương trình đào tạo được chia thành các học phần. Nội dung các học phần chứa đựng một lượng kiến thức nhất định và đảm bảo có sự tương thích về nội dung một cách chặt chẽ giữa các học phần trong chương trình đào tạo và sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Sự liên hệ này của các học phần trong chương trình đào tạo được thể hiện rõ ràng thông qua bản mô tả học phần trong CTĐT [H3.03.02.03] và kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.02.06].

Nội dung cụ thể từng học phần được thiết kế đảm bảo đạt được một số chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện rõ qua các ma trận liên hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo trong chương trình tổng quát (ma trận kỹ năng) [H3.03.02.05] và bản mô tả chương trình dạy học [H3.03.02.01].

Thông qua bản mô tả CTDH [H3.03.02.01], các nhóm biên soạn chương trình đề cương chi tiết các học phần sẽ nghiên cứu, phân công các giảng viên trong cùng bộ môn viết, sau đó họp bộ môn thảo luận góp ý để đi đến thống nhất. Trong đó mỗi đề cương chi tiết đều thể hiện rõ vị trí tương quan của các học phần, điều kiện học trước song hành, các học phần hỗ trợ nhau để đạt mục tiêu cụ thể của học phần. Hơn nữa trong mỗi đề cương chi tiết cũng mô tả ma trận quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của từng học phần có liên quan mức độ (Cao, trung bình, thấp) với mục tiêu chung của chương trình đào tạo nhằm hướng tới đạt CDR của CTĐT.

Quá trình xây dựng chương trình dạy học và đề cương chi tiết từng học phần được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, có tổ chức hội thảo cấp bộ môn hoặc cấp khoa để tranh thủ các ý kiến đóng góp của các chuyên gia cùng lĩnh vực trước khi trình Hội đồng Khoa học cấp khoa thông qua [H3.03.02.08], [H3.03.02.09].

Sự phân bổ kế hoạch giảng dạy trong từng học kỳ và nguồn lực tương ứng đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo được trình bày trong kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện CTĐH [H3.03.02.06]. Ngoài ra, sự liên hệ giữa các phương pháp giảng dạy và học và phương pháp đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhằm đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện rõ ràng trên ma trận các kỹ năng [H3.03.02.05].

Để đảm bảo tính khách quan và khoa học, bản mô tả chương trình dạy học [H3.03.02.01] và bản mô tả học phần trong CTĐT [H3.03.02.03] được công khai trong các tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học [H3.03.02.04] nhằm tranh thủ các ý kiến góp ý, phản hồi của các bên liên quan [H3.03.02.07]. Thông qua các bên liên quan, Khoa HTKT-CN tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Từ đó, kịp thời rà soát chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, chương trình dạy học, nội dung bản mô tả các học phần,... để chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội. Ngoài ra, các báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh [H3.03.02.10] cũng là minh chứng thuyết phục cho thấy đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rất rõ ràng và có sự tham khảo với các trường đại học khác trong cả nước.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng có quan hệ mật thiết với nhau. Có sự tương thích điều kiện học phần trước, song hành, điều kiện tiên quyết. Bảo đảm các học phần có tính khoa học, không trùng khớp.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp giảng dạy, đánh giá người học ở các học phần còn tính chủ quan của người biên soạn học phần. Ngoài ra quy trình giám sát, thực thi nội dung giảng dạy từng học phần chưa được đảm bảo thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Khoa HTKT-CN xây dựng thêm các kênh phản hồi về việc xây dựng và triển khai thực hiện bản mô tả chương trình các học phần trong thời gian tới một cách thường xuyên và đầy đủ hơn.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phương pháp giảng dạy và học cần cập nhật bổ sung để giúp người học đạt được CDR nhanh nhất	Khoa HTKT-CN Phòng. QLĐT	9/2024	Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút sự tập trung của người học. Tăng cường năng lực GVCV giúp người học có kế hoạch học tập phù hợp, rõ ràng để đạt được mục tiêu đề ra.
		Đổi mới phương pháp đánh giá hiện đại của giảng viên	Giảng viên Khoa HTKT-CN P. QLĐT	9/2024	Phương pháp đánh giá chuyên đề, thảo luận, làm việc nhóm...
2	Phát huy điểm mạnh	Bảo đảm các học phần có bổ sung nội dung tính mới, tính khoa học, liên hệ mật thiết không trùng	Khoa HTKT-CN P.QLĐT	9/2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		khớp			

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7.**

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Chương trình dạy học [H3.03.03.01] được xây dựng có cấu trúc trình tự logic, theo quy định [H3.03.03.11] để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách tối ưu và khoa học nhất.

Thật vậy, nội dung tổng quát của chương trình thuộc chương trình dạy học được cấu trúc thành hai khối kiến thức chính, đó là khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức đại cương chứa đựng nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên, kiến thức về ngoại ngữ, tin học, kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kiến thức về lý luận chính trị và kiến thức về pháp luật Việt Nam.

Tùy thuộc vào sự tương đồng nhất định về kiến thức, nhà trường giao cho khoa quản lý ngành đặt hàng các đơn vị, bộ môn liên quan xây dựng chương trình giảng dạy các học phần trong khối kiến thức này.

Đối với khối kiến thức chuyên nghiệp, nội dung bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Để học kiến thức cơ sở ngành, sinh viên cần trang bị nền tảng kiến thức đại cương.

Tương tự, để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành, sinh viên cần học xong kiến thức cơ sở ngành và nền tảng kiến thức đại cương. Điều này thể hiện rõ trong bản mô tả môn học/học phần trong chương trình đào tạo [H3.03.03.02]. Trước khi thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo, nội dung chương trình tổng quát cũng như nội dung các khối kiến thức và sự liên hệ giữa các khối kiến thức với nhau, sự ràng buộc của từng học phần trong chương trình đào tạo được khoa quản lý ngành KTXD-CTGT và thông qua các cuộc họp, hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan [H3.03.03.06], được lưu trữ thành các biên bản cuộc họp về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT [H3.03.03.08], để đảm bảo CTĐT luôn có nội dung cập nhật bổ sung kịp thời với định hướng ứng dụng.

Việc bố trí các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo tính khả thi, phát huy được các nguồn lực hiện có của nhà trường, đạt được chuẩn đầu ra trong chương

trình đào tạo. Sự hợp lý trong việc bố trí các học phần thể hiện qua kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H3.03.03.05]. Ma trận thể hiện sự liên hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các học phần, ma trận liên hệ giữa các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H3.03.03.04]; bản mô tả học phần trong chương trình đào tạo [H3.03.03.02].

Chương trình dạy học được định kỳ bổ sung, rà soát cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần để đảm bảo tính tích hợp lý, kịp thời cập nhật nhu cầu xã hội. CTĐT và toàn bộ nội dung đề cương các học phần được Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường nghiệm thu [H3.03.03.09], Hiệu trưởng ký ban hành sẽ được công bố công khai đến người học, và xã hội theo các kênh như tài liệu quảng bá chương trình [H3.03.03.03], trang thông tin điện tử của Trường và Khoa HTKT-CN [H3.03.03.07]. Thông qua các kênh thông tin phản hồi từ người học và các bên liên quan [H3.03.03.06], Trường sẽ giao nhiệm vụ cho Khoa quản lý ngành tiến hành đánh giá, rà soát chương trình dạy học theo thông báo và kế hoạch của Trường [H3.03.03.08].

Bên cạnh tham khảo các ý kiến từ người học, các đơn vị sử dụng lao động, Khoa HTKT-CN tham khảo chương trình dạy học của một số trường đại học trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp thông qua bảng đối sánh chương trình dạy học của nhà trường và của các CSGD khác [H3.03.03.10].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học thường xuyên được rà soát, bổ sung và đánh giá theo định kỳ 2 năm 1 lần. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo đối sánh với chương trình dạy học một số trường uy tín trong nước có cùng chuyên ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

CTĐT còn chưa được tích hợp linh hoạt theo nhu cầu của thời đại, còn nặng về kiến thức đại cương, kiến thức ngoại ngữ tin học được dạy trong CTĐT với thời lượng hơi ít so với một số CTĐT của các CSGD khác. CTĐT chưa đối sánh được với một số CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

Khoa HTKT-CN nghiên cứu đề xuất cấu trúc chương trình dạy học, phương pháp dạy học và một số đổi mới công cụ đánh giá để khả năng đạt chuẩn đầu ra đạt hiệu quả nhất.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật bổ sung một số học phần phục vụ cho định hướng của chính phủ BXD như BIM, VLXD xanh, bê tông tính năng cao...	Khoa HTKT-CN P. QLĐT	11/2024	Định hướng nghiên cứu cập nhật bổ sung nhanh chóng
		Tăng cường thời lượng các học phần về khoa học máy tính, xử lý dữ liệu, ngoại ngữ chuyên ngành, giảng dạy một số HP bằng tiếng anh	Giảng viên Khoa HTKT-CN P. QLĐT	11/2024	Quyết liệt cập nhật đổi mới mang tính toàn cầu
		Tham chiếu một số CTĐT đại học ở các nước tiên tiến	Giảng viên Khoa HTKT-CN P. QLĐT	3/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực rà soát bổ sung, cập nhật tối thiểu 2 năm 1 lần CTĐT nhằm đảm bảo tính tích hợp, logic theo kịp thời	Khoa HTKT-CN P. QLĐT	11/2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đại			

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7**

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học do Khoa HTKT-CN quản lý được thiết kế với các học phần có nội dung bám sát các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Khoa HTKT-CN chú trọng đến tính logic, khoa học và tính tích hợp trong các học phần của chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho sinh viên tiếp cận được các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức chung cho các nhóm ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho sinh viên trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Nội dung của các học phần cơ sở ngành và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học đảm bảo đánh giá được năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ giảng viên của Khoa luôn ý thức trong việc cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo trong mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sinh viên trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đảm bảo tính đặc thù ngành nghề, khu vực địa lý, sâu sát đến từng dự án công việc thực tế.

Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 4,0/7

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ xác định, phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò rất quan trọng trong đào tạo đại học. Nó giúp cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập. Khoa chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học, các hoạt động ngoại khóa, các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trong Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã xác định việc xây dựng chương trình và hoạt động giảng dạy cần dựa trên kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học. Đây được xem là triết lý giáo dục ban đầu của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (Quyết định số 442/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/9/2015) [H4.04.01.02]. Năm 2017, Nhà trường tổ chức buổi họp cán bộ chủ chốt nhằm thảo luận và điều chỉnh triết lý giáo dục cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục đại học. Trên cơ sở kết luận cuộc họp, Nhà trường chính thức ban hành triết lý giáo dục của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, đó là “Kiến thức, Kỹ năng, Trách nhiệm” (Quyết định Số 460a/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/9/2017) [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục cùng với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường được phổ biến đến tất cả cán bộ, GV và NH thông qua Quyết định số 195/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/4/2018 và công khai trên trang điện tử muce.edu.vn [H4.04.01.06]. Triết lý giáo dục cũng đã được trình bày trong báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung năm 2019 đã giúp cho cán bộ, GV, NH biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Mục tiêu giáo dục của khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ là đào tạo kỹ sư xây dựng Cầu đường có trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ cao với các kỹ năng cần thiết; có năng lực tư duy, năng lực hợp tác và cạnh tranh; có khả năng tự học để nâng cao suốt đời và phát triển toàn diện về thể lực, trí lực, đạo đức và văn hóa. Với mục tiêu giáo dục đó, khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã xây dựng bản đặc tả chương trình đào tạo các chuyên ngành trong đó quy định rõ chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Đề cương các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được chuẩn đầu ra, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.02.01]. Mục tiêu giáo dục của Khoa cũng được phổ biến rộng rãi thông qua trang Web Khoa, trong niên giám chương trình đào tạo, sổ tay sinh viên... để cho GV, SV, cộng đồng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H4.04.02.12].

Trong quá trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông từ năm 2013, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá, bổ sung, cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn xã hội. Các hoạt động giảng dạy và học tập của Khoa được đánh giá phục vụ cải tiến chất lượng hàng năm trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ nhiều nguồn khác nhau

[H4.04.02.14]. Mặt khác, trong phiếu khảo sát thể hiện cụ thể các nội dung cần khảo sát như: Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân,...Cụ thể một số kết quả khảo sát người học như: Khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H4.04.03.13]; Kết quả khảo sát ý kiến của SV về GV năm 2018-2023 [H4.04.02.14]; Kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp [H4.04.01.09]; Kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về nhu cầu tuyển dụng lao động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường [H4.04.01.09].

Trên cơ sở kết quả các khảo sát việc làm, Khoa và Nhà trường đã đánh giá lại mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp. Từ đó có những kiến nghị cải tiến trong công tác mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, kết nối doanh nghiệp với Nhà trường [H4.04.03.19]. Bên cạnh đó, dựa trên kết quả khảo sát các doanh nghiệp khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên phục vụ mở ngành đã cho thấy một số tồn tại của Khoa và Trường ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Khoa đã kịp thời đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.03.19].

Hàng năm, Khoa cùng với Nhà trường tổ chức ngày “Open day” là một dịp để học sinh các trường Trung học phổ thông tham gia, thu hút sự chú ý của học sinh và xã hội. Thông qua đó, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ tích cực quảng bá, tư vấn cho học sinh chọn ngành, nghề và các thông tin tuyển sinh liên quan. Nhờ đó, thông tin về ngành học cũng như mục tiêu giáo dục được truyền tải đến các bên liên quan [H4.04.01.10].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến người học, GV và cộng đồng, xã hội.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục tuy được phổ biến rộng rãi, tuy nhiên vẫn còn nhiều cán bộ, GV và người học chưa hiểu rõ hết ý nghĩa và mục tiêu giáo dục của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giải thích cho GV, SV thông qua các buổi chào cờ, tọa	Cán bộ phụ trách truyền thông của Trường, Khoa Hạ tầng kỹ	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đàm, kênh phát thanh của Trường. Phổ biến cho doanh nghiệp và xã hội thông qua các kênh fanpage, website, lễ kỷ niệm của Trường.	thuật- Công nghệ		
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, đăng tải thông tin, triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục trên trang web Khoa cần được tiến hành thường xuyên và chuyên nghiệp hơn nữa.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7**

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả

Ngay từ khi SV nhập học, khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã tổ chức gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm học tập giữa sinh viên khóa mới với sinh viên của các khóa cũ và với giảng viên trong khoa. Các CTĐT của ngành bao gồm các nội dung bắt buộc và các nội dung tự chọn xen kẽ nhau trong suốt quá trình triển khai chương trình học đảm bảo cho SV vừa tiếp thu kiến thức chuyên môn, vừa học tập được các kỹ năng phục vụ cho hoạt động học tập và làm việc sau này [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Những năm qua, các hoạt động dạy và học của GV và SV ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp

người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Các hoạt động dạy/học tập tại Khoa như sau:

Hình thức dạy/học lý thuyết: Các học phần lý thuyết trong chương trình đào tạo được bố trí với nhiều hình thức tổ chức dạy/học đa dạng và phong phú như: giảng lý thuyết, thảo luận, báo cáo chuyên đề. Chú trọng đến các hoạt động dạy/học theo hướng tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm [H4.04.02.01].

Bài tập lớn/Đồ án học phần: Những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo, bên cạnh việc giảng dạy kiến thức, Nhà trường còn chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng làm việc, giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc ngay trong quá trình đào tạo [H4.04.02.01].

Tham quan thực tế công trình: trong quá trình học được tổ chức thường xuyên theo đề xuất của giảng viên, bộ môn, khoa quản lý. Qua những buổi tham quan, sinh viên được tiếp xúc với công việc thực tế, môi trường làm việc thực tế, con người làm việc thực tế. Từ đó SV sẽ kết nối được kiến thức học với kiến thức thực tế cần, học hỏi thêm nhiều kiến thức từ môi trường thực tế, yêu thích ngành nghề mà mình lựa chọn, hình thành thái độ đúng đắn. Điều này sẽ giúp SV có thêm động lực học tập và rèn luyện trên giảng đường H4.04.02.06.

Thực tập công nhân: mỗi ngành nghề đào tạo tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đều được bố trí học phần thực tập công nhân để sinh viên làm quen với những công việc thực tế mà mình sẽ gặp trong thực tế công tác sau khi ra trường. Qua học phần này sẽ giúp sinh viên có tay nghề cơ bản, có nhận thức đúng đắn và hiểu biết rõ ràng hơn về nghề nghiệp, về môi trường làm việc từ đó sẽ hình thành thái độ chuẩn mực đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường [H4.04.03.06].

Thực tập tốt nghiệp: là giai đoạn học tập rất hữu ích không chỉ cho quá trình tự rèn luyện kiến thức và kỹ năng đã tích lũy được tại Trường mà còn thúc đẩy và giúp SV hình thành khả năng tự học hỏi, học tập và định hướng tương lai, tạo lập quan hệ tạo mạng lưới về chuyên môn, giúp ích việc phát triển chuyên môn và việc làm sau này [H4.04.02.06].

Thư viện của Trường có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Trường có các trung tâm đào tạo, tư vấn, sản xuất và các câu lạc bộ học thuật để cung cấp cho SV một môi trường đa dạng trong học tập ngoài kiến thức tiếp thu do GV cung cấp, cụ thể: Trung tâm Thông tin Thư viện; Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ và thí nghiệm; Câu lạc bộ Kỹ

thuật xây dựng cầu đường; Câu lạc bộ Ngoại ngữ; Câu lạc bộ Kỹ năng; các câu lạc bộ sở thích [H4.04.02.07].

Tạo môi trường thuận lợi và tăng tính chủ động để sinh viên dễ dàng đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Nhà trường đã thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học có chức năng đào tạo, sát hạch chuẩn đầu ra và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật; Nhà trường cũng chấp nhận những văn bằng, chứng chỉ do những cơ sở đào tạo khác cấp theo quy định và phù hợp với quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, không yêu cầu sinh viên phải sát hạch lại [H4.04.02.11], [H4.04.02.12]. Trong chương trình đào tạo còn có học phần ngoại ngữ phục vụ chuyên ngành, giúp sinh viên có thể tự nghiên cứu, tự mở rộng kiến thức trên nền tảng kiến thức phong phú, đa dạng của nhân loại trên thế giới [H4.04.02.01].

Trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay thì việc giao lưu trao đổi văn hóa, chuyên môn học thuật là điều tất yếu. Một số SV xuất sắc của Khoa đã được Nhà trường cử đi du học, đi giao lưu học thuật với các trường đại học trên thế giới [H4.04.03.05].

Sinh viên yêu thích sáng tạo, nghiên cứu được khuyến khích tham gia NCKH, tham dự các hội thảo chuyên môn dưới sự hướng dẫn của các GV có kinh nghiệm. Hội nghị NCKH SV cấp Khoa và Trường được tổ chức hàng năm là nơi để SV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học [H4.04.03.04]. Bên cạnh đó, SV còn được khuyến khích tham gia các kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp quốc gia [H4.04.03.05]. Câu lạc bộ Tiếng Anh Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là nơi tạo cho SV có môi trường để thực hành, nâng cao khả năng nói và làm việc, giúp ích cho ngành nghề trong tương lai [H4.04.03.07].

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Hội nghị học tốt là nơi SV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp học, hình thành các nhóm bạn học tốt [H4.04.02.17].

Đầu mỗi học kỳ, các Bộ môn thông báo cho GV về việc cập nhật đề cương học phần, thay đổi và đổi mới phương pháp giảng dạy, cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp thị trường lao động và sự phát triển của khoa học công nghệ, theo định hướng trường đại học ứng dụng [H4.04.02.03]. Các hoạt động giảng dạy và học tập được lựa chọn và áp dụng cho từng học phần, qua từng nội dung bài học, thông qua các phương pháp giảng dạy và học tập khác nhau để mang lại hiệu quả cao nhất cho người học, đồng thời lồng ghép được mục tiêu của mỗi bài học, mỗi học phần và toàn bộ chương trình đào tạo. Trong suốt năm học, Bộ môn tổ chức triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT

thông qua các buổi dự giờ GV, kiểm tra giáo án bài giảng [H4.04.02.04]. Kết quả các hoạt động giảng dạy và học tập của Khoa được thể hiện qua kết quả khảo sát người học như: khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H4.04.02.14].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cố vấn phương pháp học tập và nghiên cứu ở môi trường đại học. Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm học tốt cho sinh viên năm đầu cũng như toàn khoa.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ và Nhà trường phối hợp với Cố vấn học tập các lớp.	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030.	
2	Phát huy điểm mạnh	GV khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, GV khoa	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về các tiếp cận trong dạy và học theo tiêu chuẩn mới, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tạo môi liên hệ tốt với thế giới việc làm.			

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã xác định quan điểm giáo dục lấy SV làm trung tâm, hướng đến chuẩn đầu ra, người học được đào tạo toàn diện, học xong có thể làm việc được ngay ở nhiều vị trí việc làm của ngành xây dựng Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ khu vực Miền Trung - Tây Nguyên cũng như trong cả nước. Vì thế, nội dung của từng khối kiến thức và kỹ năng được điều chỉnh phù hợp cho từng chuyên ngành thông qua các học phần cụ thể hoặc các môn học bổ trợ, hoạt động định hướng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Đề cương chi tiết toàn bộ các học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập. Bên cạnh đó, chương trình còn xen kẽ những học phần thực tập công nhân kỹ thuật, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào làm một dự án cụ thể và bảo vệ dự án đó. Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. 100% đề cương chi tiết các học phần có mô tả rõ việc sử dụng các phương

giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm [H4.04.03.01].

Đầu năm học, Khoa thông báo đến các Bộ môn để triển khai việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung đề cương chi tiết, hình thức thi, cách đánh giá của các học phần trong chương trình đào tạo. Đồng thời thông báo cho giảng viên rà soát, biên soạn lại giáo án bài giảng, điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.02.02], [H4.04.02.03]. Công tác giảng dạy của giảng viên luôn được Khoa, Bộ môn kiểm tra, cải tiến thông qua các buổi dự giờ [H4.04.02.04]. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy còn được thực hiện thông qua kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên khi kết thúc môn học [H4.04.03.13] và tại các buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường tổ chức theo định kỳ [H4.04.03.14]. Những ý kiến phản hồi của SV là một kênh quan trọng để Khoa tiếp thu, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Sau mỗi kỳ khảo sát hay gặp mặt SV, Khoa quán triệt thông báo đến toàn thể GV kết quả khảo sát, biên bản cuộc họp đáp ứng công tác cải tiến hoạt động giảng dạy.

Chương trình đào tạo luôn được Khoa coi trọng để điều chỉnh, cập nhật để đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, hướng đến khả năng tự học của người học. Nội dung các CTĐT được thiết kế, triển khai và hỗ trợ để người học có thể tự học; 100% đề cương chi tiết các học phần đều có mô tả hoạt động tự nghiên cứu/tự học của sinh viên [H4.04.03.01]. Khoa hàng năm đều lên kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện cập nhật chương trình đào tạo để chỉnh sửa, cải tiến cho phù hợp với thực tiễn, thay thế hoặc xóa bỏ một số học phần không còn phù hợp nhằm đạt chuẩn đầu ra [H4.04.03.19]. Giáo viên cố vấn sẽ tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, hỗ trợ SV đăng ký các học phần sao cho phù hợp với khả năng của từng SV [H4.04.03.11]. Các lớp học cải thiện luôn được Khoa tổ chức thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho SV đăng ký học [H4.04.03.15]. Trong môi trường học tập của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, chương trình đào tạo được cải tiến sao cho SV có khả năng học tập chuyên đổi linh hoạt trong các lĩnh vực đào tạo có liên quan đến chuyên ngành. Có khả năng tự học tập và nghiên cứu tài liệu để nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới trong công việc. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học tiếp các khóa đào tạo để lấy các văn bằng khác trong nước hoặc ngoài nước theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV.

Trong quá trình học tập, SV khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ được trang bị đầy đủ các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Thư viện của Trường có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử. Đầu năm

học, thư viện thông báo cho GV, NH số lượng danh mục sách, báo, tài liệu và các sách mới dự kiến sẽ bổ sung [H4.04.03.10]. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Bên cạnh đó, Khoa còn được trang bị các phòng máy tính thực hành được cài các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy và học tập [H4.04.03.12].

Một trong những kênh quan trọng trong việc hỗ trợ SV học tập là cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, SV được cung cấp một tài khoản riêng và hướng dẫn cách quản lý trong suốt thời gian học tại trường. Với tài khoản này, SV sẽ dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin của cá nhân và Trường như: CTĐT, các biểu mẫu, thư viện số, điểm học tập, điểm rèn luyện, tài tài liệu học tập,... [H4.04.03.10].

Kết quả hoạt động dạy và học được đánh giá hàng năm thể hiện trong báo cáo tổng kết của Khoa và một phần trong báo cáo tổng kết của Nhà trường [H4.04.03.18]. Để thúc đẩy nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tổ chức cho giảng viên tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, để nâng cao kiến thức chuyên ngành và thực tế cho GV, hàng năm Khoa đều cử GV đi thực tập ngắn hạn tạo các công trình, công ty xây dựng [H4.04.03.16]. Với người học, khoa kết hợp với nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng về cơ hội việc làm, kinh nghiệm làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp cho sinh viên [H4.04.03.17].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin.

Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học. Cố vấn cho SV tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu. Tăng cường số lượng đề tài NCKH SV.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, CVHT, và GV hướng dẫn NCKH SV.	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới, cập nhật đề cương chi tiết các học phần theo hướng nâng cao tính thực hành, theo xu hướng trường đại học ứng dụng.	Bộ môn, GV giảng dạy.	Bắt đầu từ năm 2024, định hướng tới 2030	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng trong những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 5,0/7

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một việc quan trọng trong đào tạo đại học, có tác động lớn đến việc học tập và nghề nghiệp của NH. Đồng thời qua đó cũng xác định được mức độ kiến thức và năng lực của người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Việc đánh giá kết quả học tập của NH của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông trên cơ sở quy định chung của Nhà trường nhằm đo lường được mức độ đạt được CDR của ngành, bao trùm được cả thái độ, nhận thức, kiến thức chung và kỹ năng chung, kiến thức chuyên ngành của NH. NH được thông báo công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập thông qua sổ tay SV lúc mới nhập học. Bên cạnh đó, trước khi bắt đầu mỗi học phần, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá trong học phần đó. Đồng thời kết quả học tập được thông báo đến NH một cách kịp thời, giúp cho NH tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ luôn đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, cải tiến, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định về quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.01.01]. CDR của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông nói riêng và các ngành nói chung cũng được thông báo rộng rãi đến NH, làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả học tập SV [H5.05.01.02].

Việc đánh giá kết quả học tập là một quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của SV trong suốt quá trình dạy học. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định rõ trong chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03].

Trường ĐHXDMT bắt đầu đào tạo theo hình thức tín chỉ từ năm 2010. Trong đó, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông trình độ đại học bắt đầu từ năm 2013. CTĐT của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ luôn được cập nhật, đổi mới vào các năm 2015, 2017, 2018, 2022 [H5.05.01.03]. Cùng với đó là các phương pháp đánh giá kết quả học tập được sửa đổi phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá

về mức độ tiến bộ của SV cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học, phù hợp với yêu cầu CĐR [H5.05.01.05]. Không chỉ đánh giá về mặt chuyên môn, việc thiết kế CTĐT và cách đánh giá cũng giúp NH đáp ứng được đầy đủ các mục tiêu của CĐR như kỹ năng mềm, ngoại ngữ, ý thức kỷ luật [H5.05.01.03]. Kế hoạch và quy trình đánh giá được Nhà trường ban hành trong quy chế thi và kiểm tra của Trường ĐHXDMT năm 2015 và được điều chỉnh, bổ sung vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2022 [H5.05.01.05]. Đầu mỗi năm học, phòng Quản lý Đào tạo gửi kế hoạch đào tạo theo từng lớp học phần, trong đó có thời gian kiểm tra cuối học phần và danh mục hình thức thi kết thúc học phần của từng năm về Khoa [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

Với những môn học cơ sở, việc đánh giá SV có thể thực hiện qua các câu hỏi tương ứng trong bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong kỳ thi cuối kỳ. Hình thức đánh giá chủ yếu là thi viết, với đề thi được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom, giúp NH biết, hiểu và bắt đầu vận dụng được kiến thức. Trong một số môn học như tin học, ngoại ngữ thường áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan để kiểm tra CĐR [H5.05.01.04]. Với những môn học cơ sở ngành, yêu cầu SV có thể vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề đơn giản, việc đánh giá SV có thể qua các câu hỏi kiểm tra/thi dạng viết hoặc vấn đáp. SV phải giải quyết vấn đề trong thời gian kiểm tra/thi với yêu cầu nhất định [H5.05.01.04].

Với các môn chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá SV qua quá trình thực hiện các bài tập lớn trong môn học, đồ án môn học... hình thức đánh giá chủ yếu là vấn đáp, thuyết trình đồ án [H5.05.01.04].

Đối với các CĐR thuộc về các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, việc đánh giá có thể qua quá trình SV thực hiện các bài thực hành/thí nghiệm và kết quả đạt được, NH phải bảo vệ báo cáo thí nghiệm [H5.05.01.04].

Đối với SV ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, ĐATN là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu SV vận dụng toàn bộ kỹ năng đã được học tại Trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo, ứng dụng thực tế nghề nghiệp sau này. Do vậy hình thức đánh giá là ĐATN, trong đó quy định rõ về: tổ chức và quản lý quá trình làm đồ án; nội dung, hình thức đánh giá đồ án; nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng tốt nghiệp và các tiểu ban; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ hướng dẫn; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của SV,... [H5.05.01.07].

Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã hoàn thành tất cả đề cương chi tiết các học phần, quy định rõ ràng về yêu cầu và cách thức kiểm tra đánh giá. Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả NH được các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thực

hiện thống nhất theo hướng dẫn trong Quy chế thi và kiểm tra đã được ban hành để đảm bảo yêu cầu về CTĐT, CĐR [H5.05.01.05]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan, công tâm, tạo thuận lợi cho GV chấm thi, Nhà trường đã ban hành quy định chấm thi theo hình thức tập trung [H5.05.01.05].

Trong công tác đánh giá kết quả học tập của NH, nhằm mục đích đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác, công bằng, giảm thiểu sai sót trong công tác thi, thống nhất chuẩn mực trong đánh giá các học phần theo CĐR, đảm bảo hoạt động dạy và học theo đúng đề cương chương trình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định biên soạn, nghiệm thu, quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần [H5.05.01.06].

Để có thể đạt được CĐR của CTĐT cũng như công tác kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã thành lập Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng (nay là Phòng Quản lý chất lượng), là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra, đánh giá độc lập với công tác đào tạo [H5.05.01.08]. Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của NH là khách quan, chính xác và công bằng.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến NH về đánh giá kết quả học tập cho thấy SV đồng ý với hình thức và nội dung đánh giá của GV, khuyến khích việc vận dụng kiến thức đã học, tổng hợp được kiến thức quan trọng của học phần, khích lệ khả năng vận dụng sáng tạo của NH. Những SV có kiến nghị về kết quả học tập, thi đã được Khoa, Nhà trường tạo điều kiện tiếp cận quy trình khiếu nại và giải quyết thỏa đáng đúng với quy định [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với NH của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Chưa áp dụng mạnh mẽ những hình thức kiểm tra, thi thể hiện tư duy độc lập, phát triển tính sáng tạo tích cực của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần - Tổ chức hội thảo về các hình thức đánh giá phát triển tính sáng tạo của NH.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng, phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7**

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được Khoa Hạ tầng kỹ thuật-Công nghệ thực hiện theo đúng văn bản quy định về phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường, cũng như quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHXĐMT [H5.05.02.01], chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H5.05.02.02]. Hình thức thi và thời gian thi do bộ môn, Khoa đề xuất, Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai từ đầu năm học cho NH [H5.05.02.03]. Quy chế, quy trình tổ chức thi kết thúc học phần, hướng dẫn đánh giá đồ án tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp được thông báo công khai cho NH về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập [H5.05.02.04] trên website của phòng Quản lý chất lượng [H5.05.02.06]. Các hình thức và loại hình đánh giá đều được xác định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo [H5.05.02.02] và được công bố trong sổ tay SV [H5.05.02.07], được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân

SV hàng năm, ngoài ra các thông tin này cũng được đưa lên trang web Khoa để NH biết và thực hiện [H5.05.02.09].

Đối với mỗi học phần lý thuyết, thực hành hay đồ án,.. có các phương pháp đánh giá khác nhau [H5.05.02.02]. Thang điểm đánh giá các phương pháp được quy định cụ thể trong rubric đánh giá của CTĐT [H5.05.02.05], trọng số của các cột điểm được quy định trong quy chế đào tạo [H5.05.02.01] và được thể hiện rõ trong bảng điểm các học phần [H5.05.02.10].

Điểm đánh giá học phần đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và bài tập lớn như sau:

- Điểm thứ 1 (trọng số 10%): Đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập;
- Điểm thứ 2 (trọng số 10%): Đánh giá mức độ chuyên cần;
- Điểm thứ 3 (trọng số 20%): Thi giữa học phần hoặc bài tập lớn (trong học phần lý thuyết);
- Điểm thứ 4 (trọng số 60%): Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận.

Đối với học phần đồ án, bài tập lớn: điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm thứ 1 (trọng số 30%): Hướng dẫn đồ án, hướng dẫn bài tập lớn;
- Điểm thứ 2 (trọng số 70%): Bảo vệ đồ án, bảo vệ bài tập lớn.

Đối với học phần thực hành, thực tập: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành.

Đối với học phần thí nghiệm: SV phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thí nghiệm.

Đối với học phần Tham quan: điểm học phần là điểm chấm báo cáo thu hoạch.

Đối với học phần Thực tập cuối khóa: điểm học phần là điểm chấm báo cáo thực tập và kiểm tra vấn đáp.

Thi giữa học phần:

- Thi giữa học phần được đánh giá theo hình thức thi viết, trắc nghiệm, báo cáo tiểu luận, bài tập trên lớp, thực hành,...

- SV không dự thi giữa học phần thì bị tính điểm 0 cho điểm thi giữa học phần của học phần đó.

- Các quy định về đánh giá học phần phải được ghi đầy đủ vào đề cương chi tiết của từng học phần [H5.05.02.02].

NH được dự thi kết thúc học phần khi vắng học không quá 20% số tiết theo đề cương học phần; và phải hoàn thành đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà trường [H5.05.02.04].

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận ngoại trừ điểm thi kết thúc học phần. SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhận điểm 0 và là điểm đánh giá học phần với ghi chú rõ trong bảng điểm quá trình.

Kết quả học tập của SV được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà SV đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) là điểm trung bình chung có trọng số của các học phần mà SV đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D mà SV đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng.

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (KLTL), SV được xếp hạng năm đào tạo: SV năm thứ nhất, SV năm thứ hai, SV năm thứ ba, SV năm thứ tư, SV năm thứ năm. Tùy thuộc vào khối lượng của từng chương trình giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo được quy định cụ thể theo từng trình độ đào tạo.

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL), SV được xếp hạng về học lực như sau:

- Hạng bình thường: nếu điểm TBCTL đạt từ 2,00 trở lên; trong đó:

+ Loại xuất sắc : Điểm TBCTL từ 3,60 đến 4,00;

+ Loại giỏi : Điểm TBCTL từ 3,20 đến 3,59;

+ Loại khá : Điểm TBCTL từ 2,50 đến 3,19;

+ Loại trung bình : Điểm TBCTL từ 2,00 đến 2,49.

- Hạng yếu: nếu điểm TBCTL đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng SV về học lực.

Đề tính điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) và điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL), mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số [H5.05.02.01].

Điểm TBCHK để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ và chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Điểm TBCHK và điểm TBCTL để xét thôi học, xếp hạng học lực SV, xếp hạng tốt nghiệp và được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Vào đầu học kỳ, giảng viên nhận “Bảng điểm quá trình – danh sách dự thi kết thúc học phần” từ các khoa quản lý SV để quản lý lớp học phần. GV giảng dạy học phần phải công bố công khai danh sách SV không được dự thi kết thúc học phần cho lớp chậm nhất 3 ngày trước ngày thi. Điểm thi được Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ công bố chậm nhất 17 ngày sau khi thi. Những trường hợp NH không đồng ý với kết quả thi được công bố có thể làm đơn phúc khảo với mẫu đơn được cung cấp trên website phòng Quản lý chất lượng. Thời hạn nộp đơn không muộn quá 07 ngày từ ngày công bố kết quả thi [H5.05.02.02]. Đối với SV năm cuối làm ĐATN, kết quả đánh giá được thực hiện theo Quy định tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp trình độ ĐH tại trường ĐHXDMT [H5.05.02.04].

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của NH [H5.05.02.11] về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của phòng Quản lý chất lượng cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được giảng viên thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học, đa số NH đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đều đáp ứng yêu cầu.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

3. Điểm tồn tại

Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa thể thống nhất tập trung về thời gian, nội dung giữa các lớp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó có bố trí thời gian thi giữa kỳ của các học phần. - Các bộ môn trong Khoa lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thống nhất trong cùng một học phần giữa các lớp. 	Phòng Quản lý Đào tạo Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Hằng năm Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện và công khai các quy chế kiểm tra, tổ chức thi; quy chế đào tạo, chương trình đào tạo - Lấy ý kiến phản hồi của NH về các quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập 	Phòng QLĐT, Phòng QLCL, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	Hằng năm Hằng kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ thực hiện theo đúng văn bản quy định về phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường, cũng như quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHXDMT [H5.05.02.01], chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H5.05.02.02]. Hình thức thi và thời gian thi do bộ môn, Khoa đề xuất, Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai từ đầu năm học cho NH

[H5.05.02.04]. Hằng năm, trường thông báo, phổ biến, nhắc nhở thực hiện nhiệm vụ đào tạo vào đầu năm học [H5.05.02.03].

Tùy thuộc đặc trưng kiến thức học phần, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá về mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học. Hệ thống các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.03.19] được áp dụng trong chương trình đào tạo [H5.05.03.02] bao gồm:

- Đánh giá nhận thức và thái độ: Nhận thức và thái độ học tập của sinh viên là một tiêu chí quan trọng trong quá trình học tập để đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra. Việc đánh giá nhận thức và thái độ được thực hiện dựa trên các tiêu chí về mức độ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, mức độ tham gia vào quá trình dạy/học tại lớp và thái độ nghiêm túc trong lớp học. Việc đánh giá về nhận thức và thái độ được thực hiện theo Rubric 1;

- Đánh giá chuyên cần: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong các buổi học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khoá học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 2;

- Đánh giá đồ án: Đối với các học phần đồ án, việc sinh viên tham gia các buổi hướng dẫn thực hiện và duyệt bài theo tiến độ của giảng viên sẽ góp phần đảm bảo sinh viên thực hiện tốt các nội dung và đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Tiêu chí đánh giá được thể hiện trong Rubric 3;

- Đánh giá thuyết trình: Một số học phần trong chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên được thể hiện trong Rubric 4;

- Kiểm tra viết: sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu của chuẩn đầu ra và được đánh giá dựa trên đáp án và thang điểm được thiết kế sẵn;

- Kiểm tra trắc nghiệm: tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn;

- Bảo vệ và thi vấn đáp: Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể được thể hiện trong Rubric 5;

- Đánh giá báo cáo: Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể được thể hiện trong Rubric 6;

- Đánh giá làm việc nhóm: Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Các tiêu chí đánh giá cụ thể được thể hiện trong Rubric 7.

Các thang điểm đánh giá các phương pháp được quy định cụ thể trong rubric đánh giá của CTĐT [H5.05.03.07].

Với các phương pháp đánh giá Nhà trường có các quy trình kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.05] Hình thức thi kết thúc học phần tùy thuộc vào đặc trưng kiến thức của học phần nhằm đảm bảo NH đạt chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm 3 hình thức thi: thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm [H5.05.03.05]. Hình thức thi của từng học phần do bộ môn phụ trách học phần đó đề xuất và ghi rõ trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.03.04]. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, Nhà trường cũng thông báo cập nhật danh mục và hình thức thi kết thúc các học phần trên cơ sở đề xuất của Khoa, Bộ môn [H5.05.03.19]. Đề thi của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thiết kế theo quy trình để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị như sau: Bộ môn thống nhất các nội dung về kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.19] và phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề thi và đáp án với nội dung đã thống nhất; Đề thi phải được lãnh đạo bộ môn/ khoa duyệt và tuân thủ quy định về biên soạn, nghiệm thu, quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần trình độ đại học của trường [H5.05.03.06].

Để đảm bảo tính chính xác, cập nhật của đề thi và hạn chế việc SV tự thu thập đề thi và chuẩn bị trước, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã chỉ đạo các bộ môn và cán bộ giảng dạy thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần trên cơ sở có tham khảo ý kiến của giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần đó. Các đề thi khi đưa ra đều được đánh giá độ tin cậy để đánh giá được năng lực của SV. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai giảng viên chấm gồm một giảng viên chấm thi và Trưởng bộ môn hoặc phó bộ môn hoặc lãnh đạo đơn vị xem xét toàn bộ bài đã chấm và xác nhận vào bài thi. Đối với hình thức thi vấn đáp bố trí 02 giảng viên để đồng thời hỏi thi và đánh giá cho một thí sinh.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần [H5.05.03.05] được tổ chức theo đúng quy chế thi và kiểm tra của Trường ĐHXĐMT [H5.05.03.06].

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. SV dự thi kết thúc học phần theo lịch thi và hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường.

+ Đối với từng học phần, mỗi lần học SV chỉ được dự thi một lần. Nếu điểm học phần chưa đạt, SV phải học lại.

+ SV vắng thi không có lí do chính đáng phải nhận điểm 0 đối với học phần vắng thi và phải học lại học phần đó.

- Phòng Quản lý Đào tạo gửi kế hoạch thi tới Phòng Quản lý chất lượng và Khoa đào tạo trước ngày thi học phần đó ít nhất năm ngày.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định và hướng dẫn tổ chức kỳ thi kết thúc học phần để thực hiện thống nhất trong toàn trường.

Hình thức thi kết thúc học phần và đề thi: Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, báo cáo, thi thực hành trực tiếp trên máy tính. Các khoa đào tạo đề nghị Hiệu trưởng duyệt và công bố hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

- Đối với hình thức thi tự luận và trắc nghiệm: số lượng câu hỏi thi khác nhau tối thiểu phải đảm bảo 10 đề thi gốc. Nội dung câu hỏi của mỗi đề thi phải bao gồm khoảng 60% câu hỏi có mức độ đánh giá trung bình, 25% câu hỏi ở mức đánh giá khá, 15% câu hỏi ở mức đánh giá giỏi.

- Đối với hình thức thi vấn đáp: số lượng câu hỏi chính phải nhiều, đảm bảo không trùng đối với một lượt bốc thăm đề. Số lượng câu hỏi chính bình quân là 20 câu/tín chỉ. Nội dung câu hỏi phải rõ ràng, không mang tính đánh đố, phù hợp với thời gian chuẩn bị và trả lời của SV.

Bộ môn xây dựng bảng trọng số câu hỏi cho từng chương/phần, thống nhất loại câu hỏi... Trường bộ môn tổ chức duyệt và hình thành câu hỏi thi với các câu hỏi độc lập về nội dung, trong cùng một nhóm thì các câu hỏi thi phải tương đương về mức độ khó.

Thang điểm của đáp án phải chi tiết đến 0,25 điểm đối với phần bài tập; 0,5 điểm đối với phần lý thuyết và hình vẽ. Một số học phần đặc thù có hình vẽ không thể chia nhỏ thang điểm (học phần hình họa vẽ kỹ thuật, vẽ phối cảnh...) thì thang điểm có thể lớn hơn nhưng không quá 1,0 điểm. Tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm.

Quy định thời gian làm bài thi với các hình thức thi như sau:

- Đối với hình thức thi tự luận và trắc nghiệm:

+ Học phần có 1 tín chỉ: Thời gian thi 45-60 phút;

+ Học phần có 2-3 tín chỉ: Thời gian thi 60-90 phút;

+ Học phần có từ 4 tín chỉ trở lên: Thời gian thi 90-120 phút.

(với hình thức thi trắc nghiệm có thời gian trung bình mỗi câu trả lời 1 phút).

- Đối với hình thức thi vấn đáp: Thời gian cho mỗi SV gồm thời gian chuẩn bị trả lời 5-10 phút và thời gian trả lời 5-7 phút.

Đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi. Nhà trường có văn bản hướng dẫn và triển khai xây dựng đề thi học phần.

Đầu học kỳ cuối khóa, sau khi học xong tất cả các học phần lý thuyết và thực hành, nhà trường tổ chức cho SV thực tập cuối khóa trước khi xét điều kiện làm ĐATN theo quy định. SV phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng CTĐT trừ các học phần: Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất; đồng thời điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 và không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trở lên thì được làm ĐATN.

- Giao ĐATN:

+ Phòng Quản lý Đào tạo xem xét và lập danh sách SV đủ điều kiện làm ĐATN, đề nghị Hiệu trưởng xét duyệt. Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, Trưởng khoa thông báo cho SV thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên do khoa phân công [H5.05.03.05].

+ Giảng viên hướng dẫn, tổ bộ môn và Khoa có trách nhiệm theo dõi tiến độ và đánh giá đối với SV trong thời gian làm ĐATN [H5.05.03.05].

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập NH của Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ được đánh giá là công bằng, khách quan thể hiện ở trong các biên bản lãnh đạo Nhà trường đối thoại với SV [H5.05.03.16], [H5.05.03.17]. Mọi ý kiến phản ánh từ phía SV đều được giải đáp và phản hồi nhanh chóng. Hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần cũng được Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ thể hiện trong báo cáo và phương hướng hàng năm, làm tiền đề cho công tác cải tiến đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.03.14]

Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của NH là khách quan, chính xác và công bằng. Một trong các chức năng của Phòng Quản lý chất lượng là giám sát và kiểm tra trong đánh giá kết quả học tập của NH, kết quả được phòng tổng kết và báo cáo từng kỳ, năm [H5.05.03.12], [H5.05.03.15].

- Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa thực hiện tổng kết báo cáo đối sánh kết quả học tập của NH, đồng thời thực hiện rút kinh nghiệm giảng dạy [H5.05.03.13].

- Kết thúc mỗi học kỳ, trường tiến hành kiểm tra, thanh tra công tác thi, chấm thi và báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm [H5.05.03.15]. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đánh giá kết quả NH, phòng Quản lý chất lượng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H5.05.03.16] và khảo sát ý kiến phản hồi của người học về khoá học [H5.05.03.17] đồng thời báo cáo tổng kết và rút kinh nghiệm [H5.05.03.18].

Trên cơ sở báo cáo tổng kết công tác ra đề, báo cáo của Ban Thanh tra, số liệu thống kê đơn từ của SV về điều chỉnh điểm, Nhà trường, phòng Quản lý chất lượng, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ xem xét và cải tiến phương pháp đánh giá cho phù hợp đảm bảo sự đa dạng, tin cậy và công bằng.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả NH của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa các chuyên ngành trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, nội dung đề án các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ môn xây dựng ngân hàng các đề thi giữa kỳ, cuối kỳ, phân công cán bộ hỗ trợ cùng cán bộ giảng dạy trong kiểm tra, đánh giá giữa kỳ. - Kiểm tra, rút kinh nghiệm các điểm còn tồn tại và khắc phục kịp thời trong các phương pháp đánh giá 	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hoá các phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác trong đánh giá năng lực của NH - Hoàn thiện, phát triển 	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		ngân hàng đề thi			

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Bảng điểm đánh giá quá trình của NH được giảng viên công bố cho NH trước khi nộp cho Khoa quản lý và Phòng Quản lý chất lượng; cũng như kết quả thi, kết quả học tập được công bố theo hướng dẫn trong các quy chế đào tạo [H5.05.04.01], quy chế thi và kiểm tra [H5.05.04.02], của Nhà trường đã ban hành.

Kết quả học tập của NH được tổng hợp thành hồ sơ lưu trữ tại văn phòng Khoa và báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa [H5.05.04.05]. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ, giúp SV có kết quả học tập kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp đúng thời hạn đào tạo theo quy định, và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.14], [H5.05.04.16].

Kết quả học tập của NH được các Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: kết quả học tập được công bố kịp thời, công khai đến NH và được gửi về gia đình, thông qua các buổi họp lớp [H5.05.04.18] và trang web của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để NH có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập. SV có thể tra cứu điểm trên tài khoản cá nhân hoặc cổng thông tin của Nhà trường [H5.05.04.11]. SV cũng có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo quy định của Nhà trường [H5.05.04.02].

Hàng năm, khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ tổ chức báo cáo đối sánh kết quả học tập của NH [H5.05.04.06], báo cáo tổng kết và phương hướng công tác hàng năm của Khoa [H5.05.04.07] để tìm ra điểm mạnh, yếu, nguyên nhân – kết quả của kết quả học tập của NH nhằm tìm ra biện pháp cải thiện kết quả học tập NH kịp thời.

Kết quả học tập của NH được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa đào tạo, phòng Quản lý chất lượng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ, phòng Quản lý chất lượng đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH

về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.08], [H5.05.04.09], [H5.05.04.10].

Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ sử dụng để cải thiện việc học tập trong các học kỳ tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của NH. Các thông tin về kết quả học tập của NH [H5.05.04.12] được công bố trên hệ thống website của Trường [H5.05.04.11] giúp NH nắm bắt kịp thời kết quả học tập.

Mỗi lớp được Nhà trường bố trí 01 giảng viên làm cố vấn (GVCV). Theo đó, GVCV tổ chức họp lớp định kỳ hàng tháng để nắm tình hình học tập và rèn luyện của từng SV, đồng thời Nhà trường cũng tổ chức họp giao ban với ban đại diện lớp để nắm tình hình giảng dạy, học tập, công tác phục vụ, hỗ trợ,... từ đó sẽ có biện pháp xử lý kịp thời [H5.05.04.15] [H5.05.04.16] [H5.05.04.17]

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của NH được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của NH

CVHT quan tâm đến tình hình học tập của NH, nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập của NH nên tư vấn kịp thời cho NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý học phần, đăng ký học phần nên việc giải quyết các vấn đề học vụ như rút học phần, đăng ký học phần cho SV học cải thiện còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thường xuyên tổ chức tập huấn công tác CVHT - Cần có phần mềm quản lý các công tác liên quan đến học vụ như đăng ký, hủy đăng ký học phần cho sinh viên	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cập nhật, lưu trữ và thông báo kịp thời kết quả học tập của NH - Thường xuyên tổ chức	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		tập huấn công tác CVHT cho đội ngũ CVHT	nghệ		

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Việc tổ chức thi được thực hiện theo đúng với các quy định của quy chế đào tạo [H5.05.05.01], quy chế thi [H5.05.05.03] [H5.05.05.04], hình thức thi của từng học phần [H5.05.05.02]. Sau khi có kết quả học tập được công bố đến NH, việc khiếu nại về kết quả học tập nếu có, được Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ thực hiện theo quy định của quy chế đào tạo [H5.05.05.01], quy chế thi [H5.05.05.03] [H5.05.05.04].

Kết quả học tập của SV được thông báo công khai rõ ràng trên trang web của Khoa [H5.05.05.07]. Khoa luôn tạo điều kiện tốt nhất để SV dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH khi cần thiết thông qua các thông báo, quy định về phúc khảo điểm thi [H5.05.05.08]. NH khi có nhu cầu khiếu nại về kết quả học tập có thể nhận mẫu đơn đề nghị phúc khảo [H5.05.05.08] tại phòng Quản lý chất lượng hoặc có thể download tại trang web của phòng Quản lý chất lượng [H5.05.05.07]. Quy trình và thời gian xử lý khiếu nại về kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy định trong quy chế của Nhà trường [H5.05.05.03] [H5.05.05.04] và được công bố rõ ràng trong sổ tay SV [H5.05.05.06]. Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc khảo khiếu nại kết quả học tập, cụ thể:

- Đối với điểm quá trình học tập (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học. SV có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp, và nộp cho phòng Quản lý chất lượng.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, NH nếu thấy điểm do Khoa công bố không chính xác thì SV làm đơn phúc khảo đề nghị xem xét lại gửi Phòng Quản lý chất lượng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Phòng Quản lý chất lượng có trách nhiệm tra cứu bài thi và bàn giao hồ sơ bài thi phúc khảo cho khoa (hoặc bộ môn) quản lý học phần để chấm phúc khảo. Kết quả phúc khảo được công bố cho thí sinh chậm nhất sau 12 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký phúc khảo.

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa giữa, điểm thi kết thúc học phần...) do sai sót trong các khâu nhập điểm, chấm điểm hay bất kỳ ở một khâu nào khác phải được lập biên bản đề nghị sửa điểm và minh chứng kèm theo có chữ ký xác nhận của cán bộ vào điểm, cán bộ chấm, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để xem xét sửa, cập nhật lại điểm. Phòng Quản lý chất lượng theo dõi việc khiếu nại và kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của NH [H5.05.05.09] để có biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo kết quả học tập của NH là khách quan, chính xác và công bằng. Đồng thời hàng năm, Trường tiến hành kiểm tra, thanh tra bảng điểm, đề thi, đáp án bài thi nhằm phát hiện và khắc phục các sai sót ở các quá trình tổ chức thi [H5.05.05.10]

Hàng năm, Nhà trường sẽ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về khóa học cũng như khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH [H5.05.05.11], [H5.05.05.12]. Từ kết quả lấy ý kiến phản hồi từ NH cũng như kết quả các buổi đối thoại của SV với lãnh đạo nhà trường về khóa học, hoạt động phục vụ của các phòng, khoa, giảng viên và cán bộ phục vụ, cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của NH đơn giản, thuận tiện. 100% NH đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo, đội ngũ cán bộ cố vấn học tập, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Công tác sinh viên vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho NH [H5.05.05.13], [H5.05.05.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của NH về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho NH khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số NH còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Công tác ra đề, coi thi, chấm thi,... cần thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc nhằm	Khoa Hạ tầng kỹ thuật-	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đảm bảo tính công bằng, khách quan. - Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra giảng dạy, ra đề, chấm thi để hạn chế sai sót - Đổi mới cách thức hỗ trợ NH về khiếu nại kết quả học tập để việc khiếu nại kết quả học tập của NH được thuận lợi hơn	Công nghệ		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục công bố rõ ràng và thường xuyên về Quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên trang cá nhân của SV	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được quy định rõ ràng trong quy chế đào tạo, và tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về tổ chức thi và được Phòng Quản lý chất lượng kiểm tra, thanh tra giám sát; Đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của CĐR, được ban hành và thông báo rõ ràng, công khai đến tất cả NH với phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến NH để NH có thể khiếu nại khi cần thiết và nắm rõ tình hình học tập của mình.

Kết hợp việc lấy ý kiến phản hồi của NH để tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy chế kiểm tra, tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập của NH. Đồng thời hoàn thiện và phát triển các ngân hàng đề thi và đa dạng hoá hơn nữa các phương pháp đánh giá để đảm bảo độ tin cậy và công bằng trong các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Với phương châm kịp thời xử lý những vướng mắc, khiếu nại về kết quả học tập của NH thì kết quả học tập được thông báo đến người học một cách nhanh chóng,

kip thời nhất, kèm theo đó những quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập được công bố rộng rãi đảm bảo NH có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành còn có một số tồn tại nhỏ, một số hoạt động còn chưa thực hiện triệt để làm ảnh hưởng đến quá trình đánh giá kết quả học tập như cần thực hiện đối sánh kết quả của các học phần với nhau, của từng học kỳ với nhau, cần xây dựng thêm ngân hàng câu hỏi, đề thi để việc đánh giá kết quả giữa kỳ được thống nhất, cần thường xuyên tổ chức tập huấn công tác CVHT, quản lý học phần, cải tiến thêm cách thức hỗ trợ người học.

Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7 và 01 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 4,8/7

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên của Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ nói chung và bộ môn Cầu đường nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa được tuyển dụng từ các trường đại học có uy tín, có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Việc tuyển dụng, đề bạt nhân sự quản lý được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật. Bên cạnh đó Nhà trường xây dựng chiến lược ngắn hạn và lâu dài để phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng sứ mệnh của chương trình hiện tại và tương lai.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tầm nhìn của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2030 là trường đại học kỹ thuật đa ngành định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN [H6.06.01.01]. Do vậy, nhà trường đã cam kết xây dựng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chất lượng trong chiến lược dài hạn “Chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2015 – 2020 tầm nhìn đến 2030” [H6.06.01.02]. Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên được đưa vào trong chiến lược phát triển Trường và các giai đoạn và luôn có sự điều chỉnh phù hợp [H6.06.01.03]. Việc

tuyển dụng giảng viên ở Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thực hiện theo qui định chung của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.04] [H6.06.01.05]. Việc xét duyệt hồ sơ của người dự tuyển được tiến hành theo các tiêu chí trong Quy chế tuyển dụng, hợp đồng, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng giảng viên [H6.06.01.06; H6.06.01.07]. Phòng Tổ chức – Nhân sự là nơi giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, phòng Tổ chức – Nhân sự thông báo về việc đề xuất nhu cầu tuyển dụng, tập hợp nhu cầu tuyển dụng, đào tạo, và bồi dưỡng của các đơn vị [H6.06.01.08; H6.06.01.09] và trực tiếp báo cáo với Hiệu trưởng về kế hoạch nhân sự hàng năm và dài hạn. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo quy chế “Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị” của Nhà trường [H6.06.01.10].

Đội ngũ giảng viên của Khoa được phân thành nhiều Bộ môn. Trưởng bộ môn phải có tiêu chuẩn đáp ứng theo quy định của Luật giáo dục Đại học và tình hình thực tế của nhà trường, có kinh nghiệm tổ chức và định hướng cho các hoạt động chuyên môn của Bộ môn [H6.06.01.11].

Việc chấm dứt hợp đồng làm việc, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cơ hữu được thực hiện nghiêm túc và đúng qui định. Hàng năm, Trường và khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho GV. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.12]. Hàng năm căn cứ vào hồ sơ viên chức nhà trường ra thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu cho viên chức biết và đơn vị sử dụng chuẩn bị người thay thế [H6.06.01.13]; riêng các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ có thể kéo dài thời gian làm việc, thời gian kéo dài tối đa đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ là 5 năm, PGS là 7 năm, GS là 10 năm [H6.06.01.14]. Sau khi nghỉ hưu, giảng viên sẽ nhận được lương hưu và các quyền lợi khác theo Luật lao động và Nhà trường ký hợp đồng làm việc theo hình thức khoán gọn để tiếp tục tham gia vào các hoạt động chuyên môn của Khoa, Bộ môn [H6.06.01.15].

Đề án “vị trí việc làm” của trường đã được xây dựng và bổ sung hoàn thiện, cũng là yêu cầu, quy chế chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức lương của từng vị trí công việc cụ thể [H6.06.01.16].

Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên như tài trợ kinh phí đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn, kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ, hỗ trợ tiền

học phí cho khóa học NCS trong nước và ngoài nước được quy định trong Qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Trường [H6.06.01.17] và hàng năm nhà trường dành những khoản kinh phí để chi cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được tổng kết trong Báo cáo tổng kết tài chính hàng năm [H6.06.01.18].

Ngoài ra, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có các chính sách thu hút nhân tài ngoài trường như hợp tác đào tạo, mời chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng từ các trường khác về xây dựng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa và tham gia vào việc mở ngành đào tạo mới của nhà trường [H6.06.01.19].

Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông - chuyên ngành Xây dựng Cầu đường được thành lập năm 2007 và tuyển sinh đại học từ năm 2013, với đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm trong thiết kế thi công các công trình giao thông, cập nhật các kiến thức về kỹ thuật công trình giao thông (đường bộ, cầu, hầm...) trên thế giới đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất. Trong những năm gần đây, đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo và nhận bằng Tiến sĩ ở các trường đại học có uy tín trong nước và ở các nước tiên tiến như Nga, Pháp, Nhật Bản, Úc, Bỉ...[H6.06.01.20]. Các giảng viên trẻ này có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu và tích cực tham gia vào thực tiễn sản xuất [H6.06.01.21]. Hàng năm giảng viên còn được đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo nhiệm vụ quy định trong chế độ làm việc của giảng viên và quy định về đánh giá, phân loại viên chức của Nhà trường, trong đó giảng viên phải đáp ứng yêu cầu về giảng dạy và NCKH trong năm theo Định mức của nhà trường [H6.06.01.22].

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của Bộ môn Cầu đường hiện có 5 TS, chiếm xấp xỉ 45,45% tổng số giảng viên bộ môn [H6.06.05.15]. Ngoài ra có 01 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh [H6.06.05.16]. [H6.06.01.24].

Dự báo, quy hoạch, kế hoạch nhân sự của Khoa và các Bộ môn được nêu ra trong Chiến lược phát triển của trường và của Khoa [H6.06.01.25]. Quy hoạch lãnh đạo trưởng, phó khoa; trưởng, phó bộ môn được Khoa rà soát định kỳ theo kế hoạch của nhà trường [H6.06.01.26]. Kế hoạch đào tạo, khoa học công nghệ và nhân lực của các Bộ môn được lập phù hợp với nguồn nhân lực hiện có và dự kiến kế hoạch cho tương lai [H6.06.01.27]. Khoa Cầu đường trong giai đoạn 5 năm gần đây cho thấy đã bồi dưỡng và được Nhà trường bổ nhiệm giữ các chức vụ quản lý quan trọng của Khoa và của Nhà trường là phù hợp với kế hoạch rà soát quy hoạch hàng năm của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giảng viên được Nhà trường thực hiện dài hạn theo chiến lược phát triển của Trường là phù hợp với xu hướng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo theo kế hoạch trung hạn (2018-2023, 2023-2028), giúp định hướng đội ngũ kế cận, những giảng viên trẻ chuẩn bị các điều kiện để có thể đảm nhận công việc chuyên môn và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu, chưa tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa. Các cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng một cách đơn lẻ, nên chưa phát huy hết sức mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục Tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Lập nhóm nghiên cứu và tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa, đáp ứng nhiệm vụ khoa học tầm quốc gia để phục vụ cộng đồng và tham gia hợp tác quốc tế	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, Các Khoa thuộc nhóm Ngành, Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Phòng Tổ chức – Nhân sự	Bắt đầu 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tổng số giảng viên của Bộ môn Cầu đường hiện nay có 12 giảng viên cơ hữu và 01 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu bộ môn là 36,94 tuổi; Số giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ là 4 (chiếm 33,33%); số giảng viên đang học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 2 (chiếm 16,67 %); số Phó Giáo sư là 0 (chiếm 0 %) [H6.06.02.01]. Ngoài ra, Khoa còn có sự tham gia giảng dạy từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức có uy tín trong nước [H6.06.02.02]. Trong chiến

lược phát triển, nhà trường đã đưa ra giải pháp để phát triển nguồn nhân lực trong đó chú trọng phát triển nhân lực ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông (KTXDCTGT) đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phát triển ngành [H6.06.02.03]. Đến 30/6/2023 giảng viên cơ hữu thuộc chương trình đào tạo được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên năm học 2022-2023

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Tiến sĩ	4	33,33	4			2	2		
2	Thạc sĩ	7	58,33	6	1		5	2		
3	Đại học	1	8,33	1					1	
	Tổng	12	100	11	1	0	7	4	1	

Đặc điểm của ngành KTXDCTGT là giảng viên dạy chuyên môn, gắn liền với việc ứng dụng kinh nghiệm thực tế. Do vậy để cải tiến chất lượng giảng dạy, tạo điều kiện gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn, gắn kết giữa Trường với các cơ sở giáo dục đại học khác, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, Nhà trường và Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã tiến hành ký kết hợp tác với các công ty, đơn vị phối hợp đào tạo, thực hành, thực tập... [H6.06.02.04]. Kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên môn của Khoa được thực hiện tốt. Ngành KTXDCTGT trong những năm gần đây được đào tạo và trẻ hóa, nhiều giảng viên trẻ đã nghiên cứu và nhận bằng tiến sĩ ở các nước tiên tiến như Nga, Nhật, Úc, Thái Lan... Các giảng viên trẻ này có đủ năng lực và trình độ để triển khai các hoạt động giảng dạy một cách có hiệu quả và đầy đủ. Dựa trên các quy định của Bộ giáo dục đào tạo tính toán để đo lường và đánh giá khối lượng công việc của GV nhằm xác định số lượng GV cần thiết đáp ứng nhu cầu của chương trình đào tạo, sử dụng chỉ số quy đổi thời gian làm việc và tỷ lệ giảng viên/sinh viên để làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [H6.06.02.05]. Hàng năm các Bộ môn phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân và của đơn vị mình, đề xuất thông qua Khoa đề xuất với Nhà trường, do vậy giảng viên đều được tạo điều kiện đi bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.02.06]. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các giảng viên chuyên môn ngành KTXDCTGT được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, và đạt được các chứng chỉ

ngành nghiệp cần thiết, giúp cho việc cải thiện và nâng cao chất lượng giảng dạy [H6.06.02.07].

Theo Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên bình quân trong 01 năm học là 1.760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ hè, nghỉ Tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật (44 tuần x 40 giờ = 1.760 giờ). Đối với giảng viên giáo dục nghề nghiệp áp dụng Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp [H6.06.02.08]. Theo quy chế này, giảng viên phải làm việc hàng năm tương đương 1760 giờ, tổng số giờ này được phân ra khoảng 960 giờ làm công tác giảng dạy, 1/3 thời gian là nghiên cứu khoa học, còn lại là các hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác. Tổng quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như trong Bảng định mức được ban hành kèm theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên [H6.06.02.09].

Bảng 6.2. Định mức làm việc theo giờ của giảng viên

Định mức theo giờ			<i>Đơn vị tính: giờ</i>			
Nhiệm vụ	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp		Giảng viên GDTC	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
	Thực hành	Lý thuyết				
Giảng dạy	1.280	1.120	1.280	825	825	825
Nghiên cứu khoa học	160	320	160	600	630	690
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác	320	320	320	335	305	245
Tổng cộng	1760	1760	1760	1760	1760	1760

Trên cơ sở số giờ làm việc trong năm, nhà trường cũng đã định mức công tác giảng dạy là 275 giờ chuẩn (tương đương 825 giờ làm việc); công tác nghiên cứu khoa học được tính theo giờ chuẩn và được được hướng dẫn tính cụ thể trong quy định về thực hiện nhiệm vụ tính giờ nghiên cứu khoa học [H6.06.02.10]; hoạt động chuyên

môn và thực hiện các nhiệm vụ khác, nhà trường cũng đã có hướng dẫn được tính theo giờ làm việc hoặc tham gia các hoạt động thực tế.

Bảng 6.3. Định mức hoạt động chuyên môn của giảng viên

Nhiệm vụ	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
Giảng dạy (<i>giờ chuẩn/ năm học</i>)	275	275	275
Nghiên cứu khoa học (<i>giờ chuẩn/ năm học</i>)	200	210	230
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác (<i>giờ/ năm học</i>)	335	305	245

Căn cứ Quy định đánh giá, xếp loại viên chức người lao động để có cơ sở đánh giá hiệu suất, chất lượng và nhiệm vụ thực hiện viên chức hàng năm [H6.06.02.11].

Nhà trường có quy định, tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn và cách thanh toán khối lượng giảng dạy được quy định trong “Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm” như: Giảng dạy thực hành, Đồ án môn học, Thí nghiệm, Hướng dẫn thực tập trực tiếp tại nơi thực tập, Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp; Hướng dẫn Khóa luận, ĐATN... Cuối năm học, mỗi giảng viên trong các Bộ môn sẽ được phòng Quản lý Đào tạo tính toán khối lượng giảng dạy, và được so sánh với khối lượng định mức của nhà trường [H6.06.02.12]. Đồng thời, phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế của Trường cũng có hướng dẫn chi tiết cách tính giờ NCKH, kết quả NCKH của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học được công bố, công nhận hoặc nghiệm thu trong năm bao gồm: Bài báo khoa học được công bố; Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế; Chương trình đề tài, dự án NCKH được nghiệm thu; Sách phục vụ đào tạo được xuất bản...[H6.06.02.13]. Hàng năm, mỗi giảng viên sẽ thống kê khối lượng của mình, thông qua các Phòng: Quản lý Đào tạo, Khoa học và hợp tác Quốc tế, Tổ chức - Nhân sự và Kế hoạch - Tài chính xác định khối lượng. Trên cơ sở khối lượng hoàn thành hàng năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá và bình xét thi đua - khen thưởng [H6.06.02.14].

Ngoài ra, Nhà trường còn có quy định cụ thể về đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của giảng viên. Vào đầu mỗi năm học mỗi giảng viên đều đăng ký thi đua gồm khối lượng thực hiện công việc giảng dạy, NCKH, giảng dạy theo sự phân công của bộ môn, có lịch trình giảng dạy được thông qua bộ môn [H6.06.02.15]. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, mỗi giảng viên sẽ tự báo cáo tóm tắt công việc đã hoàn thành trong cả năm và tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc, có các mức sau: Hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.16]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua bản tự nhận xét, đánh giá của viên chức. Việc đánh giá được thực hiện theo qui trình và có sự đánh giá của lãnh đạo bộ môn, lãnh đạo khoa và của Trường. Căn cứ nhiệm vụ theo chức danh và căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo chương trình đánh giá, cuối cùng Hội đồng thi đua cấp trường đánh giá và phân loại đánh giá đối với viên chức [H6.06.02.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tiêu chí rõ ràng để đo lường, đánh giá khối lượng công việc của giảng viên, làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua khen thưởng. Đội ngũ giảng viên tận tụy, trách nhiệm, chuyên môn tốt đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Công tác nghiên cứu mang tính ứng dụng của giảng viên Nhà trường đã có nhưng còn ít, quy định về tính giờ khoa học còn nới lỏng nên giảng viên dễ dàng hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần rà soát lại “Quy định nghiên cứu khoa học”, quy định rõ, cụ thể chất lượng của NCKH khi tính giờ định mức NCKH	Phòng Tổ chức nhân sự Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Bắt đầu 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Giảng viên là lực lượng rất quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo của nhà trường, do vậy Trường đã quản lý công tác tuyển dụng giảng viên rất chặt chẽ, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu,

trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.06.03.01]. Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV gồm: 1- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; 2- Có bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ đúng chuyên ngành trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV giảng dạy đại học. 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân, lý lịch khoa học rõ ràng. Phòng tổ chức Hành chính phối hợp với các khoa, bộ môn rà soát nhu cầu nhân lực và tiêu chí tuyển chọn giảng viên của từng bộ môn theo kế hoạch từng năm và từng giai đoạn [H6.06.03.02]. Thông báo tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng sẽ được thông báo công khai qua hệ thống email và đăng lên website, fanpage của Nhà trường, các báo và gửi văn bản thông báo đến các Trường Đại học uy tín trong nước [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với qui định chung của Nhà nước. Việc xét duyệt người trúng tuyển và quyết định trúng tuyển được căn cứ trên kết quả điểm thi tuyển theo quy định của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Sau khi tuyển dụng, quá trình đào tạo cho giảng viên được thực hiện theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động [H6.06.03.06]. Theo quy định của trường, sau khi tập sự (1 năm), nhà trường sẽ tiến hành ký hợp đồng làm việc 3 năm và sau đó ký hợp đồng không xác định thời hạn [H6.06.03.07]. Khi hết thời hạn

của từng loại hợp đồng, giảng viên báo cáo những thành tích đạt được, dựa trên năng lực giảng dạy, thành tích nghiên cứu khoa học, và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để được xem xét ký hợp đồng làm việc tiếp theo. Ngoài ra hàng năm nhà trường còn tổ chức nhận xét, đánh giá đối với các giảng viên, những người không hoàn thành nhiệm vụ sẽ chấm dứt hợp đồng [H6.06.03.08]. Các giảng viên khi đủ các điều kiện theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, có thể thăng cấp bậc: từ giảng viên hạng III lên giảng viên chính hạng II, hoặc giảng viên cao cấp hạng I [H6.06.03.09]. Từ năm 2015, người được bổ nhiệm chức danh PGS/GS được đồng thời chuyển lên ngạch giảng viên cao cấp [H6.06.03.10]. Các tiêu chí để đạt được chức danh nghề nghiệp này dựa trên chất lượng đào tạo, thành tích nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên.

Ngoài các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự còn được quy định trong “Đề án việc làm”. Đề án việc làm xác định khung năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các vị trí việc làm khác nhau [H6.06.03.11]. Đối với vị trí giảng viên thuộc khoa chuyên ngành cần có năng lực tổng hợp: có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ phù hợp với giảng dạy ngành, có phương pháp sư phạm tốt, có chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm cho giảng viên, sử dụng được ít nhất một loại ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên, có trình độ tin học đạt chuẩn và thành thạo tin học ứng dụng cho chuyên ngành... Có năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế, có khả năng tổng hợp phân tích, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, đưa ra giải pháp tối ưu cho vấn đề thiết kế, thi công công trình... Có năng lực truyền đạt tốt, xử lý các tình huống sư phạm một cách linh hoạt thu hút sinh viên (Phục lục 7- Đề án việc làm) [H6.06.03.12]. Căn cứ vào quy định này nhà trường đã tiến hành tuyển dụng giảng viên phù hợp với khung năng lực giảng viên [H6.06.03.13].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình được thực hiện nghiêm túc, đúng qui chế, qui trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở qui hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Quy chế tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với giảng viên trong đó quy định những tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên rõ ràng, phần đấu theo lộ trình phù hợp, giảng viên phải đạt trình độ về các mặt giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và rèn luyện, và các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại

Số giảng viên phân đầu đi nghiên cứu sinh chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ của giảng viên còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát “Đề án việc làm”, nhằm cụ thể hóa năng lực của các ứng viên trong đó đặc biệt chú trọng về tiêu chuẩn học thuật, về ngoại ngữ.	Phòng tổ chức – Nhân sự	Bắt đầu 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Xác định chất lượng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã ban hành “Quy định tuyển dụng, và ký hợp đồng làm việc đối với viên chức, người lao động”. GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Mặc dù, ứng viên được tuyển dụng làm GV của Trường nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Trường tổ chức [H6.06.04.01], “Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2017” [H6.06.04.02] và “Đề án việc làm năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2018” [H6.06.04.03], nhà trường đã xác định chuẩn năng lực của giảng viên về chuyên môn, ngoại ngữ, giảng dạy, NCKH, được cụ thể hóa. Hàng năm, khi đến hạn đánh giá, giảng viên sẽ được phân loại và đánh giá công khai trong toàn trường. Những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ sẽ được xem xét chấm dứt hợp đồng. Theo kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, đánh giá giảng viên hàng năm, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn hướng tới việc tăng số lượng và tỷ lệ tiến sĩ trên giảng viên cơ hữu [H6.06.04.04]. Điều này cho thấy Nhà trường rất chú trọng đến đội ngũ giảng viên có đủ năng lực và khả năng để hoàn thành các hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình giảng dạy một cách có hiệu quả.

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá thông qua các hoạt động như: giảng dạy lý thuyết, thực hành, ứng dụng các môn

học, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, sử dụng các phương tiện phục vụ giảng dạy... Kết thúc mỗi học kỳ, phòng Quản lý chất lượng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, và HV cũng hài lòng trên 80% về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05]. Năng lực NCKH của giảng viên được thể hiện thông qua việc thực hiện các đề tài nghiên cứu mà giảng viên tham gia, các công trình khoa học của giảng viên đã công bố [H6.06.04.06].

Trên cơ sở các tiêu chuẩn về năng lực của giảng viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về năng lực của giảng viên, được thảo luận và thống nhất trong toàn trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức hội nghị đại biểu công chức, viên chức, người lao động để ghi nhận và tiếp thu ý kiến phản hồi về các hoạt động chung, về các chế độ, chính sách của Trường nói chung và công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng, giải quyết chế độ chính sách đối với giảng viên nói riêng [H6.06.04.07]. Đây là kênh để nhà trường điều chỉnh chính sách với các quy định có liên quan đến giảng viên.

Nhà trường, Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ và bộ môn Cầu đường quản lý đội ngũ giảng viên thông qua việc đánh giá thường niên với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với nhiệm vụ giảng viên. Bắt đầu năm học, mỗi giảng viên lên kế hoạch, nhiệm vụ của mình thông qua đăng ký thi đua [H6.06.04.08]. Cuối mỗi năm học, mỗi giảng viên sẽ báo cáo tóm tắt công việc đã hoàn thành trong cả năm vào phiếu tự đánh giá của từng giảng viên. Công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua hàng năm giúp các cá nhân TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV và nắm bắt tình hình về giảng dạy, nghiên cứu của GV đối với chương trình, từ đó có định hướng điều chỉnh cho phù hợp [H6.06.04.09]. Báo cáo cá nhân được trình bày trong cuộc họp ở cấp Bộ môn và được nhận xét góp ý, đánh giá công khai [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá viên chức và xếp loại hàng năm được thông báo công khai, minh bạch [H6.06.04.11]. Các giảng viên có kinh nghiệm sẽ đưa ra các gợi ý hoặc lời khuyên hữu ích cho giảng viên trẻ được đánh giá. Ngoài ra, từ những báo cáo này, thành tích của giảng viên được xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, để có những điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của công việc, và là căn cứ để trao thưởng cho các giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong năm học, tặng các danh hiệu thi đua trong năm học. Những kết quả đánh giá đó là căn cứ để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm hoặc tăng lương trước thời hạn [H6.06.04.12].

Báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Nhà trường hàng năm đánh giá toàn diện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và các Khoa theo năm học [H6.06.04.13].

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên đầy đủ và bài bản. Công tác đào tạo bồi dưỡng giảng viên và kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ giảng viên có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình đào tạo một cách có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá tính ứng dụng của các đề tài NCKH để phục vụ giảng dạy chưa rõ ràng, nhiều đề tài khoa học có tính ứng dụng chưa cao. Trình độ Tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích đưa các kết quả NCKH vào phục vụ giảng dạy và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Xây dựng đề án ngoại ngữ, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	Bắt đầu 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển đội ngũ GV, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Kế hoạch được xây

dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu, đề xuất cụ thể của GV (qua đề xuất chung của khoa,

bộ môn). Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của khoa luôn bám sát qui định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hàng năm, khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn gửi đến Trường để

Trường xây dựng thành kế hoạch chung [H6.06.05.01] và Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức và người lao động năm 2017 [H6.06.05.02], Nhà trường và khoa đã tuyển dụng và thu hút được đội ngũ chuyên môn giỏi, có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu. Sau khi tuyển dụng, các giảng viên được tham gia bồi dưỡng các kiến thức theo đúng tiêu chuẩn của ngạch chức danh như: nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ giảng viên, giảng viên chính, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kiểm định và các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ khác [H6.06.05.03]. Ngoài ra, các giảng viên được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo dài hạn (trên 01 năm) và ngắn hạn (dưới 3 tháng) ở các trường đối tác Hàn Quốc, Thái Lan và các cơ sở giáo dục mà trước kia giảng viên học tập, nghiên cứu...[H6.06.05.04] để nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn, tăng cường giao lưu về khoa học với các trường Đại học, các tổ chức khoa học, trong khu vực và trên thế giới [H6.06.05.05]. Để khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh, phấn đấu đạt chuẩn ngoại ngữ theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã sử dụng kinh phí của Đề án ngoại ngữ Quốc gia nhằm tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên [H6.06.05.06].

Bảng 6.4. Thống kê bồi dưỡng giảng viên tham gia các khóa học về chuyên môn nghiệp vụ và tiếng Anh từ 2018-2023

TT	Nội dung	Chuyên môn ở nước ngoài	Chuyên môn ở trong nước	Bồi dưỡng tiếng Anh trong nước	Bồi dưỡng tiếng Anh nước ngoài	Bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế
1	Số lượt GV được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	2018:17	2018: 81	2018: 01	-	2018: 05
		2019: 18	2019: 07	2019: 04		2019: 02
		2020: 16	2020: 144	2020: 22		2020: 01
		2021: 13	2021: 48	2021: 02		2021: 03
		2022: 13	2022: 81	2022: 03		2022: 00
		2023: 10	2023: 04	2023: 00		2023: 00

Ngoài ra, nhu cầu về đào tạo để đảm bảo các nhiệm vụ đặt ra với từng vị trí việc làm cụ thể của giảng viên. Theo quy định muốn được bổ nhiệm giảng viên cần đạt được những tiêu chí học vị, kinh nghiệm làm việc và thể hiện được khả năng quản lý, Trưởng bộ môn ít nhất phải đạt học vị tiến sĩ và được ưu tiên lựa chọn từ các giảng viên có kinh nghiệm và là chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành của Bộ môn [H6.06.05.07]. Chỉ các giảng viên có kinh nghiệm hoặc có học vị TS mới được phân công giảng dạy các môn học nâng cao và chương trình thạc sĩ [H6.06.05.08] và chỉ các giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên với ít nhất 3 năm

kinh nghiệm mới được hướng dẫn sinh viên làm Đồ án tốt nghiệp và đề tài nghiên cứu khoa học [H6.06.05.09].

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Giảng viên ngành KTCTGT còn tham gia các Hội nghị khoa học, đăng bài báo, đăng trong các kỷ yếu Hội thảo hoặc tạp chí khoa học trong nước, quốc tế [H6.06.05.10]. Các giảng viên được đào tạo có năng lực thiết kế chương trình, phản biện chương trình đào tạo của ngành mà khoa phụ trách, thiết kế, phản biện đề cương môn học của từng bộ môn thuộc khoa và các bộ môn liên quan [H6.06.05.11].

Ngoài ra, trong đề án phát triển nhà trường giai đoạn 2017- 2021 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã đề ra các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực nhằm phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực của Trường ở mọi lĩnh vực, đảm bảo đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý về trình độ đào tạo và chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết, chuẩn mực về tư cách đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường theo chiến lược đã được phê duyệt [H6.06.05.12]. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên như: tài trợ kinh phí đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn, kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ, hỗ trợ kinh phí cho các khóa học NCS trong nước, ngoài nước được quy định trong qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Để đẩy nhanh tiến độ GV đạt chuẩn TS, Trường có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ như: viên chức nhà trường đi học NCS trong nước theo hình thức tập trung và NCS nước ngoài được miễn 100% khối lượng giảng dạy, 100% NCKH, được hưởng lương cơ bản, tiền thưởng các ngày lễ tết trong năm như các giảng viên khác; được thưởng 5 triệu đồng cho cán bộ viên chức hoàn thành Luận án tiến sĩ [H6.06.05.13]. Bộ môn Cầu đường cũng đã có kế hoạch đưa giảng viên đi đào tạo ở nước ngoài hàng năm [H6.06.05.14]. Tính đến 30/05/2023, đội ngũ giảng viên của Bộ môn Cầu đường hiện có 5 TS, chiếm xấp xỉ 45,45% tổng số giảng viên bộ môn [H6.06.05.15]. Ngoài ra có 01 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh [H6.06.05.16].

Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín. Ngoài các lớp đào tạo bồi dưỡng theo chương trình, Khoa còn tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề và các hình thức học thuật khác, chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tự học ngoại ngữ, phát triển kỹ năng giảng dạy [H6.06.05.17].

2. Điểm mạnh

Trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đã có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo giảng viên trình độ sau đại học.

3. Điểm tồn tại

Việc đào tạo, bồi dưỡng GV ở nước ngoài còn hạn chế. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hình thức tập trung chưa đáp ứng tốt yêu cầu của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ đi học nghiên cứu sinh, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao về trường công tác; ban hành chuẩn năng lực đối với giảng viên trẻ cần đạt được của giảng viên theo các mức độ về thời gian công tác tại trường.	Phòng Kế hoạch - Tài chính Phòng Tổ chức – Nhân sự	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Dành nguồn lực tài chính thích đáng cho việc mời chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước giảng dạy và làm việc với các nhóm nghiên cứu tại trường.	Phòng Kế hoạch - Tài chính Phòng Tổ chức – Nhân sự Phòng khoa học và hợp tác quốc tế	2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có hệ thống văn bản nội bộ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên và đề động viên, khuyến khích các cá nhân, tập thể phát huy tính năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ và tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua. Hệ thống văn bản nội bộ này được xây dựng dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03],

các hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Xây dựng [H6.06.06.04]. Tất cả các quy định, quy chế trên tạo nên hệ thống đánh giá hiệu quả, đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai. Tất cả giảng viên được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên [H6.06.06.05], Quy chế quản lý Khoa học [H6.06.06.06], Quy chế đánh giá, phân loại viên chức, người lao động [H6.06.06.07], Quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.06.08].

Theo các quy định này, từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khác để phục vụ cộng đồng [H6.06.06.09]. Hàng năm, vào đầu mỗi năm học mỗi giảng viên đều đăng ký thi đua gồm khối lượng thực hiện công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và thực hiện các nhiệm vụ khác [H6.06.06.10]. Khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác cho mỗi vị trí giảng viên (giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp) đã được nhà trường qui định cụ thể trong chế độ làm việc của giảng viên từ năm 2019 và 2021 để làm cơ sở cho việc đánh giá và bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm và giai đoạn.

Bảng 6.5. Định mức công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên

Nhiệm vụ	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
Giảng dạy (<i>giờ chuẩn/ năm học</i>)	275	275	275
Nghiên cứu khoa học (<i>giờ chuẩn/ năm học</i>)	200	210	230
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác (<i>giờ/ năm học</i>)	335	305	245

Cuối năm học, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo kế hoạch hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế đánh giá phân loại viên chức, người lao động; quy chế thi đua, khen thưởng để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.11]. Khối lượng của các giảng viên sẽ được các phòng chức năng ghi nhận kết quả theo khối lượng thực tế đảm nhiệm, như phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp khối lượng giảng dạy, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp khối lượng nghiên cứu khoa học và bài báo, phòng Tổ chức Hành chính đối chiếu với định mức và đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường xét phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua [H6.06.06.12].

Những giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, của Bộ trưởng Bộ xây dựng [H6.06.06.13], số liệu cụ thể như trong bảng sau:

Bảng 6.6. Thống kê thành tích đạt được của cá nhân và tập thể qua các năm

Năm học	Thành tích cá nhân (%)		Thành tích tập thể	
	CSTD	LĐTT	TTLĐXS	TTLĐTT
2018-2019	11,45	68,70	13	5
2019-2020	12,45	70,82	11	10
2020-2021	13,28	82,03	7	13
2021-2022	13,11	81,56	14	7
2022-2023	12,3	80,3	14	7

Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý của Trường. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho giảng viên sẽ tạo động lực cho giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các kết quả đánh giá, thi đua, khen thưởng được nhà trường thông báo công khai, minh bạch, và lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về kết quả đánh giá qua các kênh thông tin của nhà trường [H6.06.06.14].

Thông thường, viên chức, người lao động sẽ được tăng lương sau 36 tháng (tròn 3 năm). Tuy nhiên, nếu hoàn thành nhiệm vụ phân công và đạt được thành tích tốt và có đóng góp nổi bật, sẽ được tăng lương trước thời hạn với các mức 06 tháng, 09 tháng và 01 năm [H6.06.06.15]. Trường căn cứ vào Thông tư số 08/2013/TT-BNV của Bộ Nội Vụ và Quy định số 1139/QĐ-BXD ngày 16/8/2018 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động để xét nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Ngoài ra mỗi giảng viên được ghi nhận toàn bộ kết quả nghiên cứu khoa học bởi phòng khoa học và hợp tác quốc tế, đối với sản phẩm khoa học công nghệ như là báo quốc tế, báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước còn được nhà trường có chính sách khen thưởng, hỗ trợ bằng vật chất cụ thể [H6.06.06.16]. Qua đó cho thấy chính sách khen thưởng đã ảnh hưởng tích cực đến công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Bảng 6.7. Thống kê đề tài/kinh phí (triệu đồng) thực cấp từ năm 2018-2022

Đề tài các cấp	Năm thực hiện				
	2018	2019	2020	2021	2022
Đề tài cấp nhà nước, Nafosted	1/750		1/2900		
Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh	2/1.300	2/1.200			
Đề tài cấp cơ sở	5/137,7	4/141,4	2/74,7	4/153,6	7/268,2
Tổng cộng	8/2.187,7	6/1.341,4	3/2.974,7	4/153,6	7/268,2

(Số lượng đề tài/số tiền)

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn chỉnh hệ thống định mức về thời gian làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho từng chức danh cụ thể. Đã xây dựng được quy chế thi đua, khen thưởng nhằm động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân và tổ chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ đo lường sự đóng góp của các nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện công cụ đánh giá và các biện pháp khen thưởng cho những nghiên cứu có tính ứng dụng cao	Phòng Tổ chức – Nhân sự Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các quy chế đánh giá hiệu quả thực hiện khối lượng công việc và sẽ tiến tới trả lương, trả thu nhập hiệu quả hơn.	Phòng Tổ chức – Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã đưa ra các định hướng và các giải pháp cụ thể cho công tác nghiên cứu khoa học, trong đó đã xây dựng chính sách rõ ràng để phân phối nguồn lực con người và tài chính cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của cả giảng viên [H6.06.07.01]. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học được xem như hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên trong toàn trường nói chung và Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ nói riêng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch công tác và đăng ký thi đua hàng năm, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án sự nghiệp, viết báo khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học...) [H6.06.07.02]; giảng viên phải đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.07.03]. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên [H6.06.07.04].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa cũng như các tổ chức uy tín như: quỹ khoa học Nafosted, Bộ Xây dựng... Các ấn phẩm khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2018 đến nay, mỗi năm Khoa đều có những công bố các công trình khoa học trên tạp chí chuyên ngành xây dựng cũng như các tạp chí uy tín trên thế giới [H6.06.07.05]. Trong 5 năm gần đây (từ 2018-2023) Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có 57 bài báo quốc tế và hơn 76 bài báo trong nước được đăng trên các tạp chí khoa học với thứ hạng cao, và có 14 bài hội thảo quốc tế, 14 bài hội thảo trong nước. Trong đó Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ và ngành KTCTGT đóng góp một lượng lớn các bài báo công bố, điều này thể hiện kết quả xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu của giảng viên của chương trình Kỹ thuật công trình giao thông khi so sánh với chương trình khác trong Trường, cũng như trung bình từ các trường Đại học ở Việt Nam.

Bảng 6.8. Số lượng công bố học thuật từ năm 2018-2023

TT	Tạp chí	Năm						Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí quốc tế toàn trường	2	13	21	16	5	16	73
	Bộ môn Cầu đường	0	1	3	0	0	5	8
2	Tạp chí trong nước	22	13	17	19	5	12	88
	Bộ môn Cầu đường	1	0	0	0	0	1	2
3	Kỷ yếu hội thảo quốc tế	2	3	5	3	1	8	22
	Bộ môn Cầu đường	0	0	0	0	0	6	6
4	Kỷ yếu hội thảo trong nước	0	5	0	0	9	1	15
	Bộ môn Cầu đường	0	0	0	0	0	0	0

Hoạt động nghiên cứu là cần thiết đối với toàn bộ giảng viên của chương trình ngành KTCTGT, kết quả nghiên cứu của giảng viên được đánh giá hàng năm và được sử dụng như là một tiêu chuẩn quan trọng trong đánh giá năng suất làm việc, trả thu nhập và xét thi đua của giảng viên [H6.06.07.06]. Để khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học, Nhà trường dành một khoản hỗ trợ giảng viên đăng báo khoa học trên các tạp chí quốc tế theo Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Ngoài ra, giảng viên tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu được tài trợ từ rất nhiều nguồn tài chính khác nhau, từ cấp cơ sở (cấp trường), cấp tỉnh, cấp bộ, cấp ngành, quốc gia [H6.06.07.07]. Lĩnh vực của đề tài, dự án nghiên cứu xuất phát từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng [H6.06.07.08].

Bảng 6.9. Thống kê các đề tài, dự án nghiên cứu của giảng viên chương trình KTXDGT và Trường Đại học Xây dựng Miền Trung từ 2018 đến 2022.

TT	Đề tài, dự án	Năm						Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Nhà nước hoặc tương đương toàn trường	2	0	1	0	0	0	3
	Bộ môn Cầu đường	0	0	0	0	0	0	0

2	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương toàn trường	3	4	2	2	1	1	13
	Bộ môn Cầu đường	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở toàn trường	45	24	37	36	27	33	202
	Bộ môn Cầu đường	8	3	4	4	3	3	25

Nhằm mục đích đẩy mạnh hợp tác và trao đổi giữa các giảng viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và giảng viên của các trường trong nước và quốc tế, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề liên quan đến dự án nghiên cứu nhằm tăng cơ hội cho giảng viên chương trình KTCTGT xuất bản những nghiên cứu của mình, tìm kiếm hợp tác nghiên cứu, cũng như bắt kịp xu hướng nghiên cứu trên thế giới [H6.06.07.09].

Bảng 6.10. Các hội thảo khoa học tổ chức tại Trường ĐHXDMT từ 2018- 2023

TT	Tên hội thảo	Thời gian	Cơ quan phối hợp
1.	Hội thảo quốc gia “Những tiến bộ trong Xây dựng và Kiến trúc lần 2 (ACEA2) năm 2018”	21/9/2018	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh
2.	Chuyên đề “Nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, viết báo quốc tế và khai thác quỹ Nafosted”	24/12/2018	
3.	Hội thảo online "Vẽ nên tương lai. Phát triển, Đổi mới, Bền vững, Vẻ đẹp" chào mừng sự kiện Ngày thiết kế Ý 2020 (Italian Design Day 05/11/1920 - 05/11/2020)	05/11/2020	Đại sứ quán Ý tại Việt Nam Trường Đại học Xây dựng
4.	Hội thảo “Ứng dụng BIM trong thiết kế & Quản lý dự án Xây dựng”.	17/11/2020	
5.	Tổ chức Hội thảo: <i>Sử dụng gõ hợp pháp và bền vững trong xây dựng, thiết kế Kiến trúc và nội thất</i>	16/01/2021	Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)

TT	Tên hội thảo	Thời gian	Cơ quan phối hợp
6.	Chương trình nâng cao nhận thức về quản lý rác thải nhựa cho sinh viên và “tập huấn lãnh đạo trẻ môi trường”	17/4/2021	Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)
7.	Tổ chức Hội thảo “E-learning trong chuyển đổi số tại trường Đại học Xây dựng Miền Trung” (Trực tiếp và trực tuyến)	07/12/2021	
8.	Hội thảo trực tuyến: <i>‘Cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy xây dựng công trình xanh khu vực ven biển miền trung: tiềm năng hợp tác trong dự án CAMaRSEC’.</i>	16/12/2021	Đại học Hamburg, Đức
9.	Hội thảo về Giáo dục 4.0 trong khuôn khổ dự án EMVITET	28/3 – 01/4/2022	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
10.	Tọa đàm ‘ Tư duy hệ thống trong phát triển đô thị bền vững’	10/2/2022	
11.	Hội thảo “Di sản & Kiến trúc trong phát triển bền vững đô thị du lịch biển”	21/4/2022	Hội Kiến trúc sư Việt Nam
12.	Hội nghị khoa học toàn quốc “Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên”, ACEA-VIETGEO 2021	13-14/5/2022	Hội Địa chất công trình và Môi trường Việt Nam (VAEGE)
13.	Tọa đàm “Cơ hội nghề nghiệp với dự án triệu độ 3D Modeling”	26/8/2022	Công ty TNHH Phần Mềm FPT Miền Trung
14.	Tọa đàm “Chia sẻ kinh nghiệm về phát triển trường đại học và các hoạt động đào tạo, hợp tác phát triển”	25/8/2022	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh
15.	Hội thảo “Cơ hội việc làm tại Nhật Bản”	20/9/2022	Công ty TNHH ESU HAI
16.	Tọa đàm nghề nghiệp Ngành Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa & Công nghệ kỹ thuật ô tô	20/4/2023	

TT	Tên hội thảo	Thời gian	Cơ quan phối hợp
17.	Hội nghị khoa học Cơ học Thủy khí toàn quốc lần thứ 26	27-29/7/2023	Hội Cơ học Thủy khí
18.	chuyên đề khoa học “Ứng dụng vật liệu địa kỹ thuật trong phát triển bền vững”	01/8/2023	Trường Đại Học Texas Rio Grande Valley, Mỹ

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên cập nhật những kiến thức mới, Khoa Cầu đường còn tổ chức các seminar khoa học định kỳ và có mời các chuyên gia từ các trường đại học hoặc đơn vị khoa học công nghệ trong nước, ngoài nước về trao đổi học thuật [H6.06.07.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học. Khoa Xây dựng xác định hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc, cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và là một trong những thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên, từ đó số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu ngày một nâng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bài báo quốc tế còn ít so với tiềm năng của Khoa. Cần nâng cao hơn nữa số lượng bài báo quốc tế, đặc biệt là các bài báo quốc tế có thứ hạng cao trong hệ thống ISI hoặc Scopus để nâng cao vị thế của trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác nghiên cứu với nước ngoài như thông qua các chương trình hợp tác, trao đổi chuyên gia, mời chuyên gia nước ngoài sang nghiên cứu tại Trường ĐHXĐMT.	Trường ĐHXĐMT	Bắt đầu năm 2024
2	Phát huy điểm	Xây dựng quỹ phát triển KHCN riêng của trường và tiếp cận các nguồn khác như quỹ	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Bắt đầu năm 2024

	mạnh	KHCN quốc gia, quốc tế		
--	------	------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: **Đạt, 5/7**

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Nhà trường có chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo từng giai đoạn phát triển cụ thể (2018-2023) phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội, để định hướng và phát triển đội ngũ giảng viên kế cận. Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng dần theo các năm, tiến tới chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo tiêu chuẩn của một trường đại học định hướng ứng dụng, thể hiện đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân lực đều được xây dựng đầy đủ. Trong thời gian đến nhà trường tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu có thế mạnh để đáp ứng nhu cầu về những nhiệm vụ KHCN trọng điểm, cấp bách cấp Bộ, cấp Quốc gia và địa phương. Sẽ liên kết với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu trong và ngoài trường kết hợp NCKH với đào tạo và trao đổi sinh viên, giúp cho sinh viên làm quen với các công việc thực tế sau khi ra trường.

Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 4/7 và 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 4,29/7

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo luôn phụ thuộc vào mối quan hệ tương tác giữa khối giảng dạy, nghiên cứu (giảng viên, nghiên cứu viên) và người học; bên cạnh đó, hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học khó có kết quả tốt nếu thiếu sự phục vụ có chất lượng của đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ góp phần rất quan trọng vào công tác giảng dạy và NCKH của GV và người học. Đội ngũ cán bộ này là giáo vụ Khoa và những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng quản trị thiết bị và Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp. Nhà trường và Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ rất quan tâm đề ra các chính sách cũng như giải pháp để thực thi, phát triển và hoàn thiện hệ thống của bộ phận hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt

động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ, khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ chuyên viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Hiện nay, hệ thống thư viện phục vụ việc học tập và nghiên cứu của người học được tổ chức có qui cũ theo kiểu thư viện truyền thống và tổ chức thư viện số để phục vụ cho sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên Khoa Cầu đường nói riêng [H7.07.01.01].

Trong chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 cũng đã đặt ra yêu cầu về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ gồm chuyên viên nghiệp vụ phải được tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng để có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, và các kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ... để đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.02].

Để thực hiện được yêu cầu trên, trên cơ sở các kế hoạch phát triển về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực được đề ra trong chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn, hàng năm nhà trường đã tiến hành đánh giá về việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự trong báo cáo tổng kết hàng năm [H7.07.01.03] và đồng thời xây dựng các kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của trường để có thể đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao theo định hướng phát triển [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Ngoài ra, hàng năm phòng Tổ chức – Nhân sự còn thực hiện việc rà soát lại công việc của từng vị trí việc làm để có kế hoạch điều động, phân công hoặc tinh giản biên chế đối với những trường hợp không còn đáp ứng được yêu cầu công việc, kết quả tinh giản biên chế trong 05 năm gần đây là 11 viên chức [H7.07.01.06].

Năm 2015 xây dựng đề án vị trí việc làm; năm 2018 rà soát điều chỉnh đề án phù hợp với điều kiện phát triển, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, rà soát đội ngũ chuyên viên, nhân viên, mô tả rõ nội dung nhiệm vụ của vị trí việc làm

[H7.07.01.07]. Từ đó Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để phát huy được hiệu quả sử dụng nhân lực các vị trí việc làm [H7.07.01.08]. Việc này đã được phòng Tổ chức – Nhân sự thực hiện thường xuyên hàng năm [H7.07.01.09].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ và sinh viên còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin... thông qua đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm thông tin thư viện, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ và kiểm định xây dựng, các phòng ban khác như: Phòng Công tác sinh viên, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Quản lý chất lượng, bộ phận quản lý Ký túc xá, Phòng Hành chính quản trị, Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp... Các đơn vị phòng ban của Trường được bố trí đủ số lượng cán bộ, có sự phân công công việc cho từng nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng thành viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.10],

Bên cạnh các đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường còn quan tâm đến các đội ngũ phục vụ hỗ trợ khác như: các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, các câu lạc bộ đội nhóm của các tổ chức này; các trung tâm hỗ trợ sinh viên, tư vấn nghề nghiệp và chuyên giao công nghệ để phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa nhằm để phục vụ cộng đồng như: các hoạt động vì môi trường, các hoạt động làm đường, làm nhà ở vùng khó khăn để xây dựng nông thôn mới, tham gia các cuộc thi thiết kế xây dựng gắn với phát triển bền vững... [H7.07.01.11], [H7.07.01.12].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có chiến lược, có kế hoạch phát triển rõ ràng, công khai minh bạch dựa trên hiện trạng và yêu cầu phải đáp ứng trong tương lai của từng vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận không nhỏ chuyên viên, nhân viên khối phục vụ còn ngại đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Năm học 2023-2024

	tồn tại	sự khôi quản lý, phục vụ, từ đó xây dựng khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức – Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, 4/7**

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trong quy chế về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-ĐHXDĐT năm 2017 đã quy định rõ các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ chuyên viên, nhân viên [H7.07.02.01]. Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật, Nhà trường đã đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể như sau: tiêu chuẩn đối với ngạch chuyên viên và tương đương phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác; tuổi đời dự tuyển không quá 35; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Đối với chuyên viên Phòng Khoa học Hợp tác quốc tế và chuyên viên hợp tác đào tạo với nước ngoài thì phải có bằng đại học ngoại ngữ hoặc chứng chỉ IELTS quốc tế đạt điểm 5,5 hoặc tương đương trở lên; có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ quản lý Nhà nước dành cho chuyên viên hoặc chứng chỉ nghiệp vụ khác phù hợp với vị trí việc làm. Tiêu chuẩn đối với ngạch dưới chuyên viên, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ phải có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm; tuổi đời dự tuyển không quá 35; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 (A1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và các tiêu chuẩn khác theo đúng yêu cầu của vị trí việc làm sẽ đảm nhận.

Căn cứ trên chỉ tiêu về tuyển dụng đội ngũ nhân sự khối hỗ trợ, phục vụ của Nhà trường và căn cứ vào việc đề xuất nhu cầu bổ sung nhân sự của các đơn vị, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hoặc sắp xếp bố trí thay đổi một số vị trí việc làm chưa phù hợp hoặc đang thiếu khối lượng do ảnh hưởng của việc giảm số lượng tuyển sinh của một số ngành đào tạo để kiêm nhiệm thêm các công tác hỗ trợ, phục vụ người học của Khoa và Nhà trường. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn sắp xếp đội ngũ nhân sự được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.02]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng quan trọng nhất là trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và tin học của ứng viên [H7.07.02.05].

Nhà trường cũng đã tiêu chuẩn hóa công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H7.07.02.06]. Các tiêu chuẩn này Nhà trường ban hành dựa trên các hướng dẫn và quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Xây dựng [H7.07.02.07].

Bảng 7.1. Tình hình theo dõi tuyển dụng và thay đổi nhân sự thuộc các phòng ban từ năm 2018 đến 2023

Năm học	Tuyển dụng chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ	Nghỉ hưu	Thôi việc, chấm dứt hợp đồng; tình giảm biên chế do không còn đáp ứng vị trí việc làm
2018-2019	0	4	0
2019-2020	02	2	0
2020-2021	01	1	0
2021-2022	01	1	1
2022-2023	0	2	0
2023-2024	0	1	0

2. Điểm mạnh

Quy định chung về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển chọn chặt chẽ, công khai, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị cơ sở và hướng tới phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên khôi phục theo vị trí việc làm một cách bài bản và đạt hiệu quả cao

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ là một nhiệm vụ thường xuyên hàng năm. Và ban hành tiêu chuẩn phấn đấu để đạt được khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: **Đạt, 5/7**

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Yêu cầu về năng lực của chuyên viên, nhân viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và đội ngũ nhân viên được xác định dựa trên những quy định của Nhà nước (tiêu chuẩn các ngạch chức danh chuyên viên, cán sự, nhân viên...) [H7.07.03.01]; và được thể hiện ở khung năng lực vị trí việc làm trong đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.03.02]. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, thống kê, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ trong quá trình công tác [H7.07.03.03]. Các đơn vị quản lý, phục vụ đều được quy định chức năng và nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cũng như quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và được tóm tắt công khai rộng rãi trên website [H7.07.03.04], [H7.07.03.05].

Năng lực của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ, mức độ hoàn thành công việc được giao (theo các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) được đánh giá thông qua các hình thức khác nhau: đánh giá phân loại hàng tháng, khảo sát ý kiến của sinh viên, thông qua các buổi đối thoại, bình xét thi đua trong đơn vị, thông qua hội đồng thi đua cấp đơn vị, cấp trường, ...[H7.07.03.06], [H7.07.03.07], [H7.07.03.08]. Định kỳ, phòng Quản lý chất lượng tổ chức lấy ý kiến sinh viên về thái độ phục vụ của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.09]. Kết quả cho thấy đánh giá của sinh viên đối với nhân viên phục vụ là tốt và rất tốt cao. Ngoài ra, Định kỳ 02 lần/năm Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại sinh viên, là nơi sinh viên được quyền bày tỏ quan điểm và góp ý về tinh thần, thái độ, trình độ và năng lực của nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.10]. Các kết quả khảo sát, các ý kiến đóng góp của sinh viên giúp cho các đơn vị phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ.

Các kết quả đánh giá trên cũng là cơ sở quan trọng để nhà trường đánh giá đầy đủ chất lượng của hoạt động đào tạo và các đơn vị làm căn cứ tự đánh, xếp loại thi đua định kỳ, để trả thu nhập tăng thêm. Bên cạnh đó các đơn vị, hàng tháng, hàng quý có các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua các buổi giao ban với Ban Giám hiệu [H7.07.03.11]. Cuối năm học nhà trường tổ chức đợt đánh giá viên chức, người lao động toàn trường, đánh giá năng lực và mức độ làm việc hiệu quả của các phòng ban chức năng và các đơn vị hỗ trợ [H7.07.03.12]. Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm làm cơ sở cho việc phân phối thu nhập tăng thêm hàng năm [H7.07.03.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình và phương pháp đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ theo từng tháng, từng năm một cách rõ ràng, khoa học.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn nhưng còn thiếu về kỹ năng, năng lực tổng hợp, nhất là các vấn đề có liên quan đến công tác hỗ trợ sinh viên của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	------------------	---------------------

1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm 2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, 4/7**

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển dài hạn cũng như các kế hoạch ngắn hạn hàng năm của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đều xác định rõ việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đáp ứng đủ năng lực để thực hiện các chiến lược phát triển Nhà trường trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, và yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo ngày càng trở nên cấp bách [H7.07.04.01], [H7.07.04.02]. Để đáp ứng yêu cầu đó, Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động và các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho viên chức, người lao động hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí, viên chức, người lao động đã tích cực đi học tập, bồi dưỡng [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của Trường được ban hành dựa trên nguyên tắc: đào tạo, bồi dưỡng dựa trên cơ sở có kế hoạch, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn của từng vị trí việc làm để bổ sung, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường [H7.07.04.05]. Trong quá trình công tác, chuyên viên và nhân viên hỗ trợ phục vụ được Nhà trường tạo điều kiện để nâng cao năng lực và trình độ của bản thân, tham gia các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn nhằm trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ làm việc và hỗ trợ người học như:

nghiệp vụ chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên, văn thư, lưu trữ, các nghiệp vụ kỹ năng, nghiệp vụ về tin học, phần mềm quản lý, ngoại ngữ, các lớp đào tạo ươm mầm khởi nghiệp... [H4.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định và có kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ hàng năm một cách chủ động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của đội ngũ chuyên viên, nhân viên còn thấp, còn nhiều nhân viên chưa tích cực trong việc học tập trang bị thêm khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch đào tạo và xác định lại khung năng lực về việc sử dụng tiếng Anh đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên.	Phòng Tổ chức – Nhân sự Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	Năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Công tác quản trị kết quả công việc của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ của nhà trường nói chung và của khoa Cầu đường nói riêng được triển khai có trình tự hợp lý. Việc khen thưởng được tiến hành hàng năm đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch theo Luật thi đua khen thưởng số 2003 và Luật sửa đổi năm 2013

[H7.07.05.01], Hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Xây dựng [H7.07.05.02], [H7.07.05.03]. Trên cơ sở các quy định này, Nhà trường đã ban hành Quy chế thi đua khen thưởng để hướng dẫn tổ chức và bình xét các hoạt động, các phong trào thi đua trong Nhà trường hàng năm và đột xuất [H7.07.05.04].

Đầu năm học, Phòng Tổ chức Hành chính (nay là phòng Tổ chức – nhân sự) gửi thông báo phát động thi đua đến toàn thể viên chức, người lao động toàn trường qua các kênh thông tin, email, trang web của Nhà trường [H7.07.05.05]. Các đơn vị dựa vào chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo và công việc khác có liên quan tiến hành đăng ký các mức thi đua và khối lượng hoàn thành theo mẫu đã quy định [H7.07.05.06]. Cuối năm học, các cá nhân sẽ tự lập phiếu thống kê khối lượng công việc đã thực hiện trong một năm trên cơ sở hướng dẫn về việc thống kê chi tiết về khối lượng và thời gian thực hiện, chất lượng; sau đó cá nhân tự đánh giá xếp loại [H7.07.05.07]. Trưởng đơn vị sẽ tổ chức họp đơn vị để nhận xét, đánh giá, thẩm tra và xác nhận kết quả công việc, đánh giá và xếp loại của từng cá nhân, đồng thời gửi kết quả về Hội đồng đánh giá cấp Trường thẩm định và xét duyệt kết quả [H7.07.05.08]. Các mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác gồm có: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các danh hiệu thi đua khen thưởng thường niên đối với cá nhân gồm có: lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp bộ. Đối với danh hiệu thi đua của tập thể gồm có: tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc hoặc bằng khen của cấp trên [H7.07.05.09], [H7.07.05.10].

Kết quả này dùng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và trả thu nhập tăng thêm hàng tháng, hàng năm để tạo động lực cho chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ. Từ các kết quả đánh giá hàng năm, chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được khen thưởng, tùy theo các mức, có thể nhận giấy chứng nhận khen thưởng hay huân chương, huy chương và phần thưởng, được tăng lương định kỳ hoặc trước thời hạn và xem xét để đánh giá quy hoạch, bổ nhiệm. Kết quả của Hội đồng khen thưởng và bảng theo dõi thành tích thi đua cá nhân được công khai rộng rãi trong toàn trường [H7.07.05.11].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị công việc được triển khai tích cực trong Nhà Trường và Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ.

3. Điểm tồn tại

Các phong trào thi đua chưa được phong phú, phong trào thi đua mang tính chất chuyên đề chưa được tổ chức thường xuyên để tạo động lực cho mọi đối tượng trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần giao cho tổ chức Công đoàn đảm nhận công tác thi đua lao động tăng năng suất, hiệu quả công việc một cách thường xuyên và nội dung phong phú hơn.	Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường	Năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện công tác thi đua, gắn thi đua với việc tạo động lực làm việc và tăng thu nhập cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ.	Phòng Tổ chức Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ của Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đảm bảo cả về số lượng và chất lượng và được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ luôn tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ học tập, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ này cũng được Nhà trường quan tâm và có nhiều ghi nhận, khen thưởng phù hợp. Chất lượng đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ hiện nay đảm bảo được nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa và Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, có 03 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 4,6/7

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Công tác tuyển sinh được Nhà trường tổ chức cho tất cả các ngành đào tạo, do Phòng Quản lý Đào tạo tham mưu. Hằng năm, Trường xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, với các tiêu chí cụ thể và được công khai theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống giám sát của Nhà trường về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học minh bạch, phù hợp. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên, tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan môi trường sạch đẹp, tiện ích. Tất cả các chính sách đối với người học được rà soát, bổ sung hằng năm nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Hằng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01] và tình hình thực tiễn của Trường, Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], trong đó có đầy đủ các thông tin về hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên... Nhà trường áp dụng hình thức xét tuyển với nhiều phương thức khác nhau. Hình thức xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, bao gồm xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển theo học bạ dựa trên kết quả học tập THPT. [H8.08.01.03]. Để chính sách tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường, dựa vào Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh riêng của Trường [H8.08.01.03]. Căn cứ vào Đề án tuyển sinh hằng năm, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh nhằm cung cấp cho thí sinh các thông tin quan trọng nhất về chính sách tuyển sinh của Trường [H8.08.01.04].

Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh của Nhà trường hằng năm đều được công bố công khai trên Website [H8.08.01.05]. Thông tin tuyển sinh được in đầy đủ trong tờ rơi phát cho học sinh, được giới thiệu qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT ở Phú Yên, các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.06], [H8.08.01.07] và tại các buổi Tư vấn tuyển sinh do các báo, đài và địa phương tổ chức [H8.08.01.08]. Ngoài ra hoạt động thông tin về tuyển sinh các ngành học trong đó có ngành kế toán được thực hiện thường xuyên trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, Fanpage.... [H8.08.01.09]. Từ năm 2018, Trường ĐHXDMT còn tổ chức các chương trình Open day, các chương trình hội nghị, mời học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến trực tiếp tại trường để tham quan,

tìm hiểu thông tin về cơ sở vật chất, về ngành nghề, về các hoạt động của Nhà trường để từ đó giúp các em học sinh có định hướng và lựa chọn nghề nghiệp rõ ràng, chính xác hơn [H8.08.01.10].

Chính sách và các quy định về tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của Khoa Cầu đường nói riêng hàng năm đều được đánh giá, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội cũng như điều kiện thực tế của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các Kế hoạch tuyển sinh, trong đó có quy định rõ nội dung công việc tuyển sinh, thời gian triển khai các công việc, phân công đơn vị, cá nhân phụ trách từng công việc một cách cụ thể [H8.08.01.11]. Tại các buổi họp triển khai kế hoạch và tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm, các thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo, các hoạt động tuyển sinh được triển khai, đối tượng, phạm vi triển khai, ... đều được lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo công tác tuyển sinh được thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định [H8.08.01.12], [H8.08.01.13], [H8.08.01.14]. Ngoài ra, Nhà trường và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ còn tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến Doanh nghiệp và Cựu sinh viên để xác định nhu cầu của thị trường về nguồn nhân lực, chất lượng người học, tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, từ đó xây dựng chính sách về tuyển sinh phù hợp với yêu cầu của xã hội [H8.08.01.15], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ đã có số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển tuyển và số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học ngành KTXDCTGT như sau:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh của ngành KTXDCTGT trong 5 năm gần nhất

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	137	63	2.2	34	13/18	14.97/20.94	0
2019-2020	87	50	1.7	18	13/18	15.24/22.28	0
2020-2021	84	56	1.5	40	15/18	18.87/22.05	0
2021-2022	81	47	1.72	26	15/18	17.35/22.7	0
2022-2023	77	49	1.57	26	15/18	22.42/22.84	0
2023-2024	51	33	1.5	28	15/18	17.03/22.48	0

2. Điểm mạnh

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú....;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan

3. Điểm tồn tại

Các chính sách, quy định về tuyển sinh vẫn còn thực hiện chung trong toàn trường mà chưa hình thành hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Cầu đường và ngành KTXDCTGT.

Chưa có nhiều điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Cầu đường và ngành KTXDCTGT	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	
		Thực hiện việc điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh đối với ngành KTXDCTGT	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	-Tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		của BGD&ĐT, và cụ thể, chi tiết phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Rà soát xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao hơn;			
		- Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....; - Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên	Phòng Quản lý Đào tạo, khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	
		- Lấy ý kiến phản hồi của đối tượng người học về các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường	P QLĐT, khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đầu ra của mỗi chương trình đào tạo có sự phụ thuộc vào chất lượng đầu vào của người học. Vì vậy việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn

người học vào ngành KTXDCTGT được khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ và Nhà trường xác định rõ ràng theo hình thức đào tạo bao gồm hệ chính quy, hệ liên thông và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh hệ liên thông của Nhà trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

Các phương thức tuyển chọn người học được áp dụng đối với ngành KTXDCTGT bao gồm: xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia; xét tuyển từ kết quả học tập THPT đối với hệ chính quy; xét tuyển từ Kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP Hồ Chí Minh; và xét tuyển thẳng.

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia là tổng số điểm 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải không nhỏ hơn số điểm quy định của ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường và số điểm từng môn không được thấp hơn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xét tuyển từ thí sinh có tổng số điểm cao nhất xuống đến thí sinh có tổng số điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu; Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp xét tuyển [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả học tập THPT là người học đã tốt nghiệp THPT; hạnh kiểm 3 năm học THPT từ loại Khá trở lên; tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình của 3 năm THPT, hoặc điểm trung bình của lớp 12, hoặc điểm trung bình của 5 học kỳ tính đến học kỳ I năm lớp 12), cộng với điểm ưu tiên không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Nhà trường; xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định; trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển thẳng được áp dụng theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường, được áp dụng với các thí sinh tham dự các kỳ thi Olympic Quốc tế và thí sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán (hoặc Lý, Hoá, tiếng Anh, Ngữ văn); thí sinh đạt giải trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia; thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng; thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Trường, có kết quả THPT và năng lực tiếng Việt đáp ứng quy định của Nhà trường [H8.08.02.01].

Bảng 8.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh ngành KTXDCTGT

STT	Tiêu chí tuyển chọn	Quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia	13,0	13,0	15,0	15,0	15,0	15,0
2	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0
3	Xét tuyển Kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP HCM				600	600	600

Tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học của Nhà trường và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ hằng năm đều được rà soát, đánh giá và cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các buổi hội nghị triển khai và tổng kết công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh và Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08]. Hội đồng tuyển sinh và các ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định thành lập, thành phần Hội đồng tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.09]. Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập với thành phần bao gồm BGH, Trưởng các đơn vị trong Nhà trường. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động tuyển sinh và tổng kết kết quả công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành các chính sách về tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Ngoài ra, Nhà trường và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ còn tổ chức các đợt điều tra khảo sát các bên liên quan như Doanh nghiệp, cựu sinh viên về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, cũng như nhu cầu xã hội về lĩnh vực xây dựng, để từ đó làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh cho phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan [H8.08.02.12], [H8.08.02.13], [H8.08.02.14].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDMT nói chung và của Khoa Cầu đường nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường ĐHXDMT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành KTXDCTGT nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên

được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành KTXDCTGT.

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành KTXDCTGT.	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	
		Xây dựng được hệ thống các tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học để hướng đến nâng cao chất lượng đầu vào.	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	
		Cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành KTXDCTGT.	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với quy định.	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHXDĐT và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ luôn xác định đồng hành cùng với sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên luôn được quan tâm và thực hiện một cách có hệ thống, thường xuyên, liên tục để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp trong thời gian đào tạo. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập đối với sinh viên ngành KTXDCTGT tại Trường ĐHXDĐT bao gồm nhiều đơn vị, cá nhân, hệ thống phần mềm quản lý và được quy định cụ thể trong Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường [H8.08.03.01]. Sau khi trúng tuyển và nhập học, quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành KTXDCTGT được quản lý, giám sát bởi các đơn vị trong Nhà trường bao gồm: khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, phòng Quản lý Đào tạo, phòng CTSV, phòng QLCL và các giảng viên được phân công làm công tác cố vấn học tập. Trong đó:

- Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ là đơn vị chuyên môn xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo và quản lý toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên ngành KTXDCTGT từ khi sinh viên nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường [H8.08.03.02].

- Phòng Quản lý Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, quản lý kết quả học tập của sinh viên, lập kế hoạch thi, kế hoạch thực tập, tốt nghiệp,... [H8.08.03.03].

- Phòng CTSV là đơn vị đầu mối quản lý sinh viên về các mặt rèn luyện, đời sống, sinh hoạt và chính trị tư tưởng,... Hằng tháng, phòng CTSV chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường tổ chức họp giao ban công tác sinh viên với Ban cán sự, Ban chấp hành chi Đoàn thanh niên, Ban chấp hành chi Hội sinh viên để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, chính trị tư tưởng,... của sinh viên [H8.08.03.04].

- Phòng QLCL là đơn vị đầu mối quản lý công tác tổ chức thi kết thúc học phần, đảm bảo chất lượng đào tạo và thanh tra đào tạo...[H8.08.03.05].

- Cố vấn học tập là các giảng viên có kinh nghiệm của Khoa Cầu đường được phân công để theo dõi, giám sát và hỗ trợ sinh viên một cách thường

xuyên, liên tục nhằm đạt kết quả học tập và rèn luyện một cách tốt nhất [H8.08.03.06].

Trường ĐHXDMT tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ kể từ năm học 2012-2013, trong đó ngành KTXDCTGT bắt đầu tuyển sinh và đào tạo từ khóa 2013-2014. Thực hiện các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ, về quản lý sinh viên, Nhà trường đã ban hành hệ thống các quy định về học tập và rèn luyện bao gồm: Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H8.08.03.07]; Quy định tổ chức quản lý công tác tốt nghiệp trình độ đại học [H8.08.03.08]; Quy chế thi kiểm tra kết thúc học phần [H8.08.03.09]; Quy định về công tác sinh viên [H8.08.03.10]; Quy chế đánh giá điểm rèn luyện sinh viên [H8.08.03.11]; Quy định về công tác cố vấn [H8.08.03.12]. Đây là những quy định rất quan trọng đã được Nhà trường ban hành và công khai đầy đủ đến các bên liên quan để sinh viên, giảng viên biết và thực hiện. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường căn cứ vào những quy định này để thực hiện việc quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên trong đó có sinh viên ngành KTXDCTGT.

Khối lượng học tập của sinh viên ngành KTXDCTGT được quy định theo Quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành KTXDCTGT. Đối với các khóa tuyển sinh trước năm 2015, khối lượng học tập của sinh viên ngành KTXDCTGT là 164 tín chỉ; đối với các khóa tuyển sinh năm 2015, 2016 và 2017, khối lượng học tập của sinh viên ngành KTXDCTGT là 155 tín chỉ [H8.08.03.13]; đối với khóa tuyển sinh năm 2018, khối lượng học tập của sinh viên ngành KTXDCTGT là 143 tín chỉ [H8.08.03.14], Từ khóa 2019, khối lượng học tập ngành KTXDCTGT được thay đổi thành 150 tín chỉ, cấp bằng Kỹ sư theo quy định của Luật giáo dục đại học [H8.08.03.15].

Để quản lý toàn bộ quá trình đào tạo, khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên, Nhà trường đã mua bản quyền phần mềm quản lý đào tạo (BSC). Hệ thống dữ liệu trên phần mềm BSC bao gồm chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; kết quả học tập của sinh viên theo từng học phần, học kỳ, năm học và kết quả tích lũy; kết quả điểm rèn luyện;... [H8.08.03.16]. Hệ thống dữ liệu này được tích hợp với website của nhà trường và cấp công khai đến từng sinh viên theo tài khoản cá nhân để sinh viên có thể tự theo dõi quá

trình học tập, rèn luyện, từ đó chủ động trong việc học tập, rèn luyện để đạt được hiệu quả cao nhất [H8.08.03.17].

Song song với việc công bố dữ liệu về khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên thông qua phần mềm BSC, Nhà trường và Khoa Cầu đường còn triển khai việc xét kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ theo các quy định về đào tạo và công tác sinh viên. Cơ sở dữ liệu phục vụ việc xét kết quả học tập được trích xuất từ phần mềm BSC và gửi đến các lớp để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên trước khi thông qua Hội đồng và trình Hiệu trưởng ký các Quyết định công nhận kết quả học tập, kết quả rèn luyện, cảnh báo học vụ đối với sinh viên [H8.08.03.18], [H8.08.03.19]. Sau khi có kết quả học tập và rèn luyện, Nhà trường sẽ thông báo cho giảng viên cố vấn tổ chức sinh hoạt lớp công bố kết quả học tập và rèn luyện, từ đó tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên kế hoạch học tập trong các học kỳ tiếp theo đạt hiệu quả và có sự tiến bộ [H8.08.03.20]. Các trường hợp sinh viên bị cảnh báo học vụ, giảng viên cố vấn sẽ liên lạc với gia đình để báo cáo tình hình và phối hợp với gia đình trong việc hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H8.08.03.21].

Bảng 8.4. Thống kê sinh viên tốt nghiệp ngành KTXDCTGT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Hệ chính quy	58	83	67	25	33	16

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn,... tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học,.. Các dữ

liệu này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn;

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chuyên nghiệp hóa công tác cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Phòng CTSV	Từ năm học 2023-2024
		Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu quản lý cho phần mềm BSC và khai thác phần mềm hiệu quả	Các đơn vị quản lý trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Nhà trường	Phòng TCNS	Từ năm học 2023-2024
		Tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo BSC	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa trong Trường ĐHXDMT và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ được xác định là nhiệm vụ quan trọng để giúp người học chiếm lĩnh được kiến thức, chủ động sắp xếp việc học của mình và hoàn thiện tốt các kỹ năng mềm. Đánh giá tầm quan trọng của các hoạt động này, Nhà

trường, khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ và các đơn vị luôn quan tâm và dành nguồn lực thích đáng cho các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa đối với sinh viên nói chung và sinh viên ngành KTXDCTGT nói riêng. Trong nhiều năm liền, Trường ĐHXDMT là một trong những trường đứng trong top đầu về hoạt động phong trào trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Đầu mỗi thực hiện công tác tư vấn được tập hợp từ nhiều bộ phận khác nhau, liên quan tới giảng viên, khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Phòng CTSV, Phòng Quản lý Đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và tư vấn học tập đối với sinh viên ngành KTXDCTGT [H8.08.04.03]. Các giảng viên của Khoa tham gia công tác cố vấn học tập đối với sinh viên ngành KTXDCTGT để hỗ trợ sinh viên trong việc kiểm soát kết quả học tập, quá trình học tập và tư vấn cho sinh viên lựa chọn đăng ký học phần phù hợp với năng lực của sinh viên. Việc phân công giảng viên của khoa làm công tác cố vấn học tập giúp phát huy hiệu quả công tác cố vấn học tập trong Nhà trường [H8.08.04.04]. Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng CTSV và các đơn vị quản lý khác có nhiệm vụ phối hợp với khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ để thực hiện công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Trường là các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động thi đua cho sinh viên toàn trường trong đó có sinh viên ngành KTXDCTGT [H8.08.04.07]. Để thực hiện việc tư vấn về học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động phong trào, thi đua cho sinh viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã thành lập các Câu lạc bộ về học thuật như Câu lạc bộ Kỹ thuật xây dựng, Câu lạc bộ kỹ năng mềm, Câu lạc bộ sở thích như: văn nghệ, ghita,...hoạt động của các Câu lạc bộ này đã ổn định và ngày càng phát triển, đáp ứng được nhu cầu ngày một phong phú, đa dạng của từng nhóm sinh viên khác nhau trong Nhà trường [H8.08.04.08]. Để hoạt động hỗ trợ người học, tư vấn học tập, việc làm cho sinh viên được ổn định và phát huy hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập, Quy chế hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H8.08.04.09] [H8.08.04.10]

Công tác định hướng nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên luôn được Nhà trường quan tâm ngay từ những ngày đầu sinh viên nhập học và cho đến sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, chức năng này được giao cho phòng CTSV và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ phụ trách. Để công tác tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên được chuyên nghiệp hóa, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp. Trung tâm này có chức năng Hỗ trợ sinh viên về các kỹ

năng tìm kiếm việc làm, khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên trong quá trình học cũng như sau khi ra trường. Đồng thời, Trung tâm còn có chức năng về điều tra khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nhu cầu của xã hội nghề nghiệp để tham mưu cho Nhà trường ban hành các chính sách tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thực tế của xã hội [H8.08.04.11].

Bên cạnh hoạt động trọng tâm chính của Nhà trường là đào tạo kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, các đơn vị chức năng, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, các dịch vụ để hỗ trợ sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường. Các hoạt động có tính định kỳ, gắn với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm: Sinh hoạt lớp dưới sự chủ trì của Giảng viên cố vấn học tập; sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật mỗi năm 1 đến 2 kỳ; các hoạt động thi đua nhân dịp cao điểm kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm do Nhà trường phát động trong toàn Trường; các hoạt động Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên do phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế phối hợp với khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ phụ trách [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Ngoài ra khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc bộ kỹ năng trong Nhà trường cũng thường xuyên phát động các đợt thi đua, các hoạt động phong trào cho sinh viên trong toàn trường để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng mềm bên cạnh các kỹ năng nghề nghiệp [H8.08.04.16], [H8.08.04.17], [H8.08.04.18], [H8.08.04.19]. Có thể nói, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường đã nề nếp và mang lại hiệu quả thiết thực trong việc đào tạo sinh viên toàn diện về năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm trong cuộc sống.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên thường xuyên được tổ chức. Trong suốt thời gian học tập tại Trường, sinh viên của Trường nói chung, sinh viên ngành KTXDCTGT nói riêng được khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, phòng CTSV thường xuyên phối hợp với các Cơ quan, Doanh nghiệp trên địa bàn, các hội nghề nghiệp, các đoàn thể tổ chức các hoạt động đào tạo kỹ năng tìm việc, kỹ năng phỏng vấn xin việc, khởi nghiệp trong sinh viên, giới thiệu việc làm, tham quan doanh nghiệp,... Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều đối tác là các Doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo trong đó có các đối tác lớn, các Tập đoàn về xây dựng có uy tín trong cả nước để từ đó giới thiệu cho sinh viên tham quan, thực tập, và nhận được các cơ hội việc làm tốt sau khi ra trường [H8.08.04.20].

Việc khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, tình hình có việc làm của sinh viên, giới thiệu việc làm và các hoạt động dịch vụ khác

trong Nhà trường thường xuyên được các phòng QLCL, phòng CTSV tổ chức. Trong đó phòng QLCL thực hiện khảo sát sự hài lòng của sinh viên về khóa học, phòng CTSV khảo sát sinh viên về tình hình tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, khảo sát doanh nghiệp, Kết quả các đợt khảo sát cho thấy trên 75% sinh viên và các bên liên quan cho ý kiến hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.21], [H8.08.04.22], [H8.08.04.23], [H8.08.04.24], [H8.08.04.25], [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh:

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên;

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, ... để kịp thời nắm bắt thông tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng;

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm	BGH QLCL CTSV	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		riêng theo từng chuyên đề.			
		Cần ban hành quy định riêng về công tác tư vấn hỗ trợ người học	BGH CTSV	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, các hoạt động thi đua, các hoạt động phong trào để hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024
		Tăng cường công tác khảo sát, sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để thực hiện việc cải tiến các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm,... đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội nghề nghiệp	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt mức 5/7.**

Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả

Trường ĐHXDMT cơ sở chính tại Phú Yên hiện có diện tích khuôn viên với đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học đa phương tiện; phòng học máy tính, phòng học thí nghiệm, phòng học thực hành, các xưởng thực hành nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng; Ký túc xá có 368 chỗ với trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên; Thư viện Nhà trường tại cơ sở chính với khoảng 2000 đầu sách các loại với hơn 46.000 quyển, trên 14 đầu tạp chí với hơn 600 quyển và các nguồn tài nguyên số khác; khu giáo dục thể chất là quần thể hiện đại đa chức năng với sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, sân tennis, nhà thi đấu đa năng; Nhà trường cũng luôn chăm lo đến đời sống tâm lý, bảo vệ sức khỏe và các tiện ích khi học tập tại trường nên đã tạo được môi trường cảnh quan trong sạch, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, môi trường xã hội – tâm lý ổn định, lành mạnh đảm bảo giúp sinh viên và cán bộ giảng viên yên tâm học tập, công tác và phát huy được hết các tiềm năng của bản thân [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan được hiểu là những điều kiện khác bên ngoài môi trường học tập. Trường ĐHXDMT và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ đều tạo môi trường tâm lý hài hòa, đảm bảo mô phạm, an ninh trong Trường luôn ổn định. Trong khuôn viên của Nhà trường có nhiều bảng thông tin về quy tắc ứng xử, nội quy làm việc và học tập cùng với những pano, áp phích tuyên truyền về văn hóa học đường [H8.08.05.04], [H8.08.05.05], [H8.08.05.06].

Sinh viên được sử dụng tất cả các cơ sở vật chất của nhà trường như phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, Trung tâm Tin học ... Các lớp học trong khu giảng đường được cung cấp đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, bảng, wifi, máy chiếu, màn chiếu, điều hòa không khí, camera. Trong khu KTX có bố trí các phòng tự học, phòng ở được trang bị đồng bộ (giường, bàn ghế học tập, điện nước, quạt, hệ thống mạng internet ...). Ngoài hệ thống đầu sách phục vụ đào tạo, NCKH thì trong thư viện còn có các khu vực tự học, phòng máy đa phương tiện. Các tiện ích khác như sân bóng, bể bơi, hội trường tập văn nghệ, phòng đọc ... sinh viên đều có thể sử dụng để rèn luyện thể chất và tinh thần. Khuôn viên của Trường đủ bóng mát và không gian để sinh viên thư giãn giữa những giờ học. Hệ thống cây xanh và chiếu sáng trong Trường được quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Việc giữ gìn vệ sinh chung của trường được quan tâm và chuyên nghiệp hóa. Quanh khuôn viên và ký túc xá của

Trường là các khu dân cư có môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ SV cũng luôn được tổ chức để tăng cường giao lưu giữa các Khoa, Ngành và quan trọng hơn cả là làm giàu có đời sống tinh thần của sinh viên. Đây là bước củng cố đời sống tinh thần, tâm lý cho các em sinh viên, làm nền tảng vững chắc trong thời gian học đại học để tự tin bước vào cuộc sống [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học và cán bộ viên chức trong Nhà trường luôn được quan tâm và được thực hiện một cách nghiêm túc theo các quy định về y tế học đường nhất là chính sách về Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với cán bộ, viên chức và sinh viên [H8.08.05.09]. Hằng năm, cán bộ viên chức và sinh viên năm nhất được khám sức khỏe theo quy định do các trung tâm y tế có uy tín phối hợp với tổ chức Công đoàn, phòng CTSV của Nhà trường thực hiện [H8.08.05.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn có phòng y tế trực thuộc phòng CTSV với các trang bị, thuốc men đầy đủ để thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu tại chỗ từ đó giúp cán bộ viên chức và sinh viên an tâm trong công tác và học tập, [H8.08.05.11], [H8.08.05.12], [H8.08.05.13]. Định kỳ hằng năm và trong các đợt cao điểm dịch bệnh truyền nhiễm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng ở địa phương tổ chức phun thuốc diệt côn trùng trong khuôn viên và ký túc xá để phòng chống hiệu quả các bệnh truyền nhiễm do muỗi và côn trùng gây ra [H8.08.05.14].

Công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy trong khu vực trường học luôn được BGH, các đơn vị chức năng trong Trường tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu vực căn tin của Trường cũng được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm là một trong những nội dung trong các cuộc giao ban hàng tháng của Nhà trường. Nhờ vậy trong những năm qua, Trường ĐHXDMT chưa xảy ra những sự cố về cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm tạo được môi trường sống an toàn, lành mạnh cho sinh viên cũng như cán bộ giảng viên của Trường [H8.08.05.15], [H8.08.05.16], [H8.08.05.17].

Công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ nói chung của Trường do phòng QLCL thực hiện. Việc lấy ý kiến người học được thực hiện theo kỳ, theo năm học và đều có báo cáo đến các bên liên quan trong Nhà trường để kịp thời điều chỉnh, cải tiến trong hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan trong đó đặc biệt quan tâm đến việc tạo được môi trường tâm lý, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ, an ninh an toàn,... để đảm bảo sinh viên thoải

mái và phát huy hết khả năng trong quá trình học tập, rèn luyện ở Nhà trường [H8.08.05.18], [H8.08.05.19], [H8.08.05.20].

2. Điểm mạnh:

Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên;

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy móc thiết bị, một số đã cũ và hư hỏng cần được đầu tư mua sắm mới phù hợp với nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng;

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo theo định hướng ứng dụng	BGH KH-TC QTTB	Từ năm học 2023-2024	
		Cần dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng	BGH KH-TC ĐTN HSV	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác một cách có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có trong Nhà trường để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
		Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác y tế học đường, phòng chống	BGH CTSV QTTB	Từ năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm			

5. Tự đánh giá: **Đạt mức 5/7**

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Nhà trường và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ đã có hệ thống các chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Có hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên để từ đó ban hành các chính sách về hoạt động hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ đã xây dựng một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan xung quanh sạch đẹp, thân thiện để hỗ trợ thêm cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho sinh viên từ đó giúp sinh viên phát huy hết tiềm năng, năng lực bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt mức 5/7, 1 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5,2/7

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (MUCE) là đại học công lập thuộc Bộ Xây dựng; thành lập ngày 14/02/1976; đến nay MUCE đã trở thành đại học hàng đầu của khu vực Miền Trung, Tây Nguyên có 48 năm xây dựng và phát triển. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở vật chất (CSVC) đã được Trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Hệ thống các phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng nghiên cứu khoa học được xây dựng, trang bị hiện đại, kết nối internet đáp ứng theo yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Thư viện của Trường được đầu tư hiện đại, đầy đủ các loại tài liệu đáp ứng được nhu cầu học tập nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép

giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của hơn 100 trường đại học trong hệ thống liên kết thư viện số.

Công tác quản tài sản, Nhà trường ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản và ứng dụng phần mềm quản lý tài sản kết nối toàn trường, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tối đa hiệu quả máy móc, trang thiết bị.

Trong công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, Nhà trường luôn chú trọng thiết kế hệ thống cây xanh, xây dựng cảnh quan tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Trường luôn chủ động xây dựng dự án trình Bộ Xây dựng cấp kinh phí đầu tư, tăng cường năng lực NCKH; dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giảng đường và Nhà hiệu bộ; đầu tư sửa chữa nâng cấp các công trình đã có. Đồng thời chủ động liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ...

Trong thời gian tới, trường tiếp tục công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất: xây dựng nhà thí nghiệm, mô hình BIM mô phỏng, nhà giáo dục thể chất, xây dựng ký túc xá,...

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ được bố trí 2 phòng làm việc 01 phòng họp chung với tổng diện tích 182m², tập trung ở tầng 4 nhà Hiệu bộ. Trong đó 01 văn phòng trưởng Khoa, 01 văn phòng phòng khoa và 01 phòng họp chung diện tích 78m², tất cả được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, mạng wifi toàn trường,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên, viên chức có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H9.09.01.01].

Nhà trường có 92 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 8.055m² đảm bảo dung lượng mỗi ca học 5000 sinh viên. Các phòng học chuyên dùng như: 02 phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng với diện tích 221m², 01 xưởng thực hành đa năng với diện tích 1.377 m², 03 sân thực hành tay nghề kỹ thuật xây dựng với diện tích 1318m², 03 phòng học đồ án kiến trúc với diện tích 126 m², 03 phòng học mỹ thuật diện tích 84 m², 05 phòng học máy tính diện tích 526 m², 02 phòng LAB học ngoại ngữ diện tích 151m², 04 phòng học đa phương tiện diện tích 50m² [H9.09.01.08]. Hệ thống xưởng thực hành/phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên.

Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo [H9.09.01.08].

Nhà trường bố trí 05 phòng hội thảo khoa học với tổng diện tích 396,6 m² ở tầng 9 nhà Hiệu bộ, 02 phòng nghiên cứu khoa học với diện tích 172,8 m², 03 phòng thư viện, với tổng diện tích sàn 932 m², số chỗ ngồi đọc là 200, các máy tính có thể truy cập internet, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học, khu vực tự nghiên cứu, tìm tài liệu của giảng viên và sinh viên của Khoa.

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng bộ môn chuyên môn, từng chuyên ngành đào tạo của Ngành [H9.09.01.01]. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị [H9.09.01.09], [H9.09.01.12].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho bộ phận QTTB phối hợp với phòng KH - TC đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và NCKH [H9.09.01.09]. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm, cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.01.11]. Hầu hết ý kiến của giảng viên, viên chức và người lao động trong Hội nghị VC - NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua buổi đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên nhà trường cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng yêu cầu hoạt động giảng dạy, nghiên cứu. [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Trường nói chung và của Khoa Cầu đường nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường, phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khai thác, sử dụng hiệu quả phòng học	Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024
2	Chống nóng phòng học vào mùa nắng	Sắp xếp phòng học hợp lý để giảm nóng	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024	
3	Nâng cấp hệ thống internet và wifi	Liên hệ Công ty dịch vụ Viễn thông VNPT và lắp đặt hệ thống wifi	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển thư viện nhằm cung cấp nguồn học liệu phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Qua đó phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học của người học.

Trung tâm Thông tin - Thư viện là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức, quản lý và bổ sung nguồn học liệu, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về các nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện [H9.09.02.01].

Nhà trường đầu tư hệ thống thư viện gồm 3 phòng, với tổng diện tích sàn 820 m², số chỗ ngồi đọc là gần 200, số máy vi tính là 06 máy. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nguồn tài liệu đầy đủ, phong phú, gồm: 1.818 đầu sách, 45.635 bản sách; 14 loại tạp

chí với 562 quyển; luận án, đồ án, khóa luận tốt nghiệp hơn 100 quyển. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường hợp đồng với thư viện số Tailieu.vn cung cấp cho bạn đọc hơn 1.700.000 tài liệu (giáo trình, ebook, luận văn, báo cáo thực tập...) và tham khảo nguồn tài nguyên số của hơn 100 trường đại học, cao đẳng trong hệ thống liên kết thư viện số [H9.09.02.02]. Trang web của Thư viện do viên chức của Trường viết đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác quản lý thư viện [H9.09.02.03]. Năm 2023, Nhà trường hợp đồng với Thư viện số của Nhà xuất bản Xây dựng cung cấp cho bạn đọc gần 3000 tài liệu bao gồm sách, giáo trình thuộc các lĩnh vực đào tạo của Trường [H9.09.02.04]. Ngoài ra Trường còn có hơn 100 giáo trình, bài giảng, tài liệu hướng dẫn bài tập, đồ án môn học... do giảng viên của Trường biên soạn trong những năm qua [H9.09.02.05]. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu cung cấp cho các học phần của chương trình đào tạo [H9.09.02.06]. Nhận thức được tầm quan trọng của thư viện đối với trường đại học, năm 2021, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.02.07]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.02.08].

Thư viện đã tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Nội quy thư viện Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và các hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số để bạn đọc sử dụng thư viện, tiếp cận nguồn học liệu dễ dàng và hiệu quả nhất [H9.09.02.09]. Đặc biệt đối với sinh viên mới nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Trung tâm Thông tin - Thư viện tổ chức giới thiệu nguồn học liệu và hướng dẫn cách sử dụng thư viện, thư viện số [H9.09.02.10].

Để kịp thời cập nhật nguồn học liệu mới, hàng năm, Trường đã chi từ 500 đến 600 triệu đồng đầu tư mua sắm bổ sung sách, báo, bao gồm cả sách tham khảo cho sinh viên và giảng viên [H9.09.02.11]. Việc mua sắm, bổ sung giáo trình tài liệu tuân theo quy trình chặt chẽ: Nhà trường cho chủ trương, thông báo cho các khoa, trung tâm đề xuất. Trung tâm Thông tin - Thư viện thống kê nguồn học liệu do các khoa, trung tâm đề xuất, phối hợp với Phòng TCKT trình Ban Giám hiệu phê duyệt để mua sắm [H9.09.02.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, nguồn học liệu của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.02.13]. Ngoài ra, hằng năm thư viện cũng nhận được nhiều đầu sách do các nhà xuất bản và bạn đọc trao tặng [H9.09.02.14]. Do đó, nguồn học liệu bổ sung kịp thời, đáp ứng được yêu cầu cho công tác đào tạo, nghiên

cứ khoa học của Nhà trường.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Ban Giám hiệu, tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, nhiệt tình và thái độ phục vụ tôn trọng bạn đọc của nhân viên thư viện nên nguồn học liệu của thư viện ngày càng đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, mang lại sự hài lòng cho bạn đọc. Ý kiến phản hồi của bạn đọc qua các cuộc đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với sinh viên cuối mỗi học kỳ, Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, qua phiếu đánh giá hằng năm đều đánh giá cao chất lượng nguồn học liệu của Nhà trường và thái độ phục vụ tận tình trách nhiệm của nhân viên thư viện [H9.09.02.15].

2. Điểm mạnh

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

- Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

- Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

3. Điểm tồn tại

Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Hợp tác, phát triển nguồn lực thông tin.	Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thời gian hoàn thành 2024 -2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư trang thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên trong công tác giảng dạy, NCKH và kỹ năng thực hành, kỹ năng nghề cho sinh viên khi ra trường, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và làm việc của các đơn vị tuyển dụng.

Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông gồm: 02 phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng với diện tích 221m², 01 xưởng thực hành đa năng với diện tích 1.377 m², 03 sân thực hành tay nghề xây dựng với diện tích 1318m², 05 phòng học máy tính diện tích 526 m² [H9.09.03.04]. Các phòng thí nghiệm, thực hành tại Trường đáp ứng được các tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Hệ thống xưởng thực hành, phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên [H9.09.03.03].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê đối sánh các số lượng, chất lượng của đơn vị hiện có so với Nhà trường đang quản lý. Dựa trên kết quả kiểm kê, đơn vị sử dụng Khoa cầu đường kết hợp Bộ phận QTTB đề xuất với Nhà trường cải tiến kế hoạch đầu tư, bảo trì cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.03.13].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho bộ phận QTTB phối hợp với Phòng TCKT đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH [H9.09.03.07]. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.03.13].

Trường luôn quan tâm đến công tác quản lý, sử dụng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH cho giảng viên, sinh viên, viên chức nhà trường tốt hơn, hiệu quả hơn. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên, viên chức, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống

phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị đều đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học [H9.09.03.06], [H9.09.03.15].

2. Điểm mạnh

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông có thời gian đào tạo hơn 16 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, phòng thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận QTTB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

3. Điểm tồn tại

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH	Khoa Kỹ thuật hạ tầng – Công nghệ, phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Kế hoạch – Tài chính	- Kế hoạch năm 2023 - 2024; - Kế hoạch năm 2023 - 2026
2					

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin là một tập hợp có cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng để sản xuất, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của đơn vị. Nhận thức được vai trò vô cùng quan trọng đó, trong Đề án định hướng phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định: “*Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý... Tiến đến tin học hóa công tác quản lý của Trường vào năm 2020*” và được cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 với những quy định về việc áp dụng CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH [H9.09.04.01].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm Thông tin – Thư viện trực tiếp quản lý hạ tầng công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.02], giao cho phòng Hành chính – Quản trị quản lý thiết bị phần cứng, hệ thống wifi của Trường [H9.09.04.03].

- Trường sử dụng mạng internet cáp quang, 3 đường truyền độc lập 500Mb/s và 1 đường truyền tốc độ 60 Mb/s... Hạ tầng mạng wifi hiện nay bao phủ khắp Trường. Hệ thống mạng Nhà trường do VNPT cung cấp [H9.09.04.04]. Website của trường hoạt động online 24/7/365, luôn cập nhật thông tin về các hoạt động trong Trường [H9.09.04.05].

- Về quản lý đào tạo, Nhà trường sử dụng phần mềm BSC Emis và BSC Exam quản lý các lĩnh vực đề cương chương trình, kế hoạch học tập, thi online, tuyển sinh, nhập học, đăng ký học phần, báo điểm, thu học phí, xét kết quả học tập, các dữ liệu liên quan đến sinh viên, được xây dựng bởi Công ty CP CNTT và Viễn thông BSC [H9.09.04.06], [H9.09.04.07].

- Phòng Kế hoạch – Tài chính sử dụng phần mềm kế toán MISA để quản lý tài chính và quản lý tài sản do Công ty Cổ phần MISA cung cấp [H9.09.04.08].

- Phần mềm quản lý NCKH, giờ NCKH và quản lý thư viện do viên chức của Trường viết cũng góp phần nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ ở các lĩnh vực đó [H9.09.04.09], [H9.09.04.10].

Hiện nay, Nhà trường có 320 bộ máy vi tính, trong đó số lượng máy tính phục vụ

cho giảng dạy, học tập là 175 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lí và điều hành là 145 bộ (130 máy tính để bàn và 15 laptop), tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Thư viện trường có 06 máy vi tính được nối mạng Internet phục vụ cho bạn đọc tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu số. Nhà trường có 04 phòng thực hành với gần 175 máy tính, có 01 phòng họp trực tuyến và 01 phòng học trực tuyến đều có đầy đủ các trang thiết bị [H9.09.04.11]. Tất cả các máy tính và phòng học trực tuyến được kết nối mạng Internet, cài đặt phần mềm tùy theo yêu cầu của các môn học, diện tích rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ tiện nghi như máy chiếu, máy in, tivi... tạo thuận lợi cho việc giảng dạy của giảng viên cũng như việc học tập của người học. Ngoài việc phục vụ học tập, hệ thống mạng tại các phòng thực hành có tính bảo mật cao nên được sử dụng phục vụ công tác thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần, thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi cấp chứng chỉ tin học ứng dụng và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học... [H9.09.04.12].

Mỗi CB/GV/NV và người học đều được cấp một tài khoản email mang tên miền của Trường (@muce.edu.vn) để truyền đạt thông tin nội bộ đến giảng viên, viên chức và người học nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Tất cả thông tin, dữ liệu đều được sao lưu [H9.09.04.13].

Về việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin – Thư viện, phòng Hành chính – Quản trị phân công cán bộ trực tiếp xử lý kịp thời các sự cố về phần cứng, phần mềm, các mạng truyền thông và phòng họp trực tuyến [H9.09.04.14]. Phòng Quản lý Đào tạo phân công 01 cán bộ phụ trách trang web của Trường và phần mềm BSC và các phần mềm khác, luôn sẵn sàng xử lý sự cố đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn được thông suốt [H9.09.04.15].

Để không ngừng cải tiến chất lượng hệ thống công nghệ thông tin, hằng năm căn cứ vào thông báo của Nhà trường [H9.09.04.16], các đơn vị chức năng đề xuất nhu cầu thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập gửi về bộ phận QTTB [H9.09.04.17] để bộ phận QTTB tổng hợp thành dự thảo kế hoạch và trình Lãnh đạo nhà trường xem xét quyết định [H9.09.04.18]. Công tác bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng được thực hiện theo quy trình mua sắm vật tư và trang thiết bị đã được Lãnh đạo nhà trường phê duyệt, ban hành [H9.09.04.19].

Riêng đối với thư viện, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.04.20]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm

thu đưa vào sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện Nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.04.21].

Nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và truyền đạt thông tin chính thống, khoa quản lý một số trang mạng như sau:

Website của khoa tiếng Việt:

<https://khoahatangkỹthuatacongnghe.muce.edu.vn/>

<https://www.facebook.com/KhoaHatangKythuatCongnghe>

Trong giai đoạn 2018 - 2022, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được cải thiện về cả số lượng và chất lượng [H9.09.04.23].

Nhờ có nhận thức đúng đắn và sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Nhà trường, hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn thông suốt và không ngừng được cải tiến, đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Do đó, ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường với người học cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.24]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

3. Điểm tồn tại.

- Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Ban Giám hiệu; Phòng Kế hoạch – Tài chính; Phòng QLĐT, Kế hoạch – Tài chính	- 2024 - 2026	
2	Khai thác nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Năm 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng Công tác sinh viên (Trạm Y tế trường, Ban Quản lý KTX người học) là đơn vị chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.01] [H9.09.05.02]. Viên chức Phòng Công tác sinh viên được tham gia khóa tập huấn về cách tiếp cận, quản lý người học, nhân viên y tế được tham gia khóa tập huấn về chăm sóc sức khỏe cho người học [H9.09.05.03].

Căn cứ mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2017-2021 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó có các nội dung về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2010 - 2025 trong đó có nội dung quy định cụ thể về việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.05].

Hàng năm, trong kế hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, Nhà trường luôn quan

tâm tạo môi trường làm việc và học tập thuận lợi cho VC-NLĐ và người học, Nhà trường đã đầu tư hệ thống máy lạnh tại tất cả các phòng làm việc, phòng họp và một số phòng học lý thuyết và thực hành trong trường [H9.09.05.07]. Đồng thời, Nhà trường triển khai trồng cây xanh và đầu tư xây dựng sân vườn trong khuôn viên Trường [H9.09.05.07]. VC-NLĐ và người học của Trường đều mua thẻ bảo hiểm y tế [H9.09.05.08].

Tất cả các môn học thực hành, thí nghiệm đều có buổi học nội quy, hướng dẫn an toàn lao động, an toàn thực hành. [H9.09.03.09]. Đối với các môn học thực hành, thí nghiệm người học đều được yêu cầu trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết như khăn tay, mũ nón bảo hộ, khẩu trang. Quá trình học tập còn phải bảo vệ máy móc nên yêu cầu an toàn về sức khỏe và môi trường trong môn học này phải thực hiện nghiêm ngặt hơn [H9.09.03.10].

Hiện nay, Nhà trường có hàng rào cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh và Trường có bảo vệ trực 24/24h [H9.09.05.11]. Ngoài ra, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera tại các khu vực cầu thang và tại những lối đi chung [H9.09.05.12].

Tại những nơi công cộng và thư viện đều có bảng cấm hút thuốc trong khuôn viên trường để mọi người dễ thấy và thực hiện [H9.09.05.13]. Nhà trường có đội phòng cháy chữa cháy và được tập huấn mỗi năm [H9.09.05.14].

Phòng Công tác sinh viên, Phòng Tổ chức – Nhân sự, là những đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương; Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của Trường, KTX; Phương án PCCC theo quy định; Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu vực Trường và KTX sinh viên; Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế cũng đã được xây dựng [H7.07.05.15].

Nhà Trường định kì tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho cán bộ theo quy định để đảm bảo tốt quá trình công tác. Nhà Trường còn phối hợp với tổ chức y tế cho VC-NLĐ, SV trường tham gia hiến máu nhân đạo được tổ chức hàng năm.

Trong hội nghị tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường có tổ chức đánh giá môi trường, sức khỏe và hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học [H9.09.05.16]. Hầu hết ý kiến của VC-NLĐ trong Hội nghị VC-NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên cuối mỗi học kỳ đều đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường được cải tiến [H9.09.05.17].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng

3. Điểm tồn tại

- Khuôn viên của Trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Kế hoạch – Tài chính	Năm 2023 - 2024	
2	Quan tâm, phục vụ nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Phòng Công tác sinh viên	Năm 2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Cầu Đường và NCKH, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Cầu Đường. Phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, được đầu tư trang thiết bị hiện đại; thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư nâng cấp thường xuyên; cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại; có hội trường, khu giáo dục thể chất,

sân bãi,...phục vụ hoạt động thể thao, văn nghệ cho viên chức, giảng viên và sinh viên.

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư hệ thống cây xanh, đường nội bộ tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt mức 5/7, 1 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 5,2/7

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là một nội dung trọng tâm, cốt lõi khi thực hiện tự chủ đại học, qua đó thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một trường Đại học. Để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ nói riêng trở thành địa điểm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín trong lĩnh vực Xây dựng; từng bước hội nhập khu vực và Quốc tế thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CĐR của CTDH. Đối với Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ, việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông được thực hiện một cách chặt chẽ, có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH, đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, phục vụ, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan nhằm xây dựng và phát triển CTDH.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Với mục tiêu xây dựng CTDH với CĐR đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã không ngừng nỗ lực trong việc thiết kế và phát triển CTDH theo định hướng ứng dụng [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng CTDH, Nhà trường đã ban hành các quyết định quy định về lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H10.10.01.03]; về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về khóa học [H10.10.01.04]; khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H10.10.01.05]; về công tác khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H10.10.01.06] để xây dựng CTDH mới tiên tiến hơn, phù hợp hơn theo xu thế phát triển của xã hội.

Theo đó, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu các bên có liên quan thuộc các nội dung của CTDH được tiến hành thường xuyên theo từng học kỳ bằng mẫu

phiếu câu hỏi và có cập nhật hàng năm với các tiêu chí đánh giá rất đa dạng, gồm: Hoạt động giảng dạy, mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất [H10.10.01.03]. Hơn nữa, vào đầu mỗi năm học Nhà trường ra thông báo yêu cầu các khoa, bộ môn rà soát CTĐT, đề cương chi tiết, phương pháp kiểm tra đánh giá, hình thức thi và kiểm tra, chuẩn bị giáo án bài giảng, nội dung đề án tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.01.07], [H10.10.01.08].

Bên cạnh đó, định kỳ Khoa cùng với Nhà Trường tổ chức buổi đối thoại với sinh viên các lớp để lắng nghe ý kiến phản hồi trực tiếp từ người học, kịp thời giải quyết những yêu cầu chính đáng cho sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng đào tạo của Khoa và Nhà trường [H10.10.01.09]. Ngoài tổ chức đối thoại với sinh viên, theo từng giai đoạn Nhà trường tổ chức Hội nghị cố vấn học tập để ghi nhận các ý kiến phản hồi từ GV, xem đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để xem xét cập nhật, chỉnh sửa các vấn đề có liên quan đến quá trình đào tạo của Nhà trường [H10.10.01.11].

Việc thiết kế và phát triển CTDH được Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ tổ chức thực hiện có lộ trình, tuân theo qui định chung của Nhà trường. Căn cứ các quyết định, thông báo, kế hoạch, kết luận của Hiệu trưởng [H10.10.01.19], [H10.10.01.20], [H10.10.01.21], [H10.10.01.22], và đặc biệt là các kết quả về ý kiến phản hồi và nhu cầu các bên có liên quan do các đơn vị chức năng của Nhà trường khảo sát, thu thập, xử lý được [H10.10.01.10], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15], [H10.10.01.16], Khoa tiến hành họp triển khai, xây dựng kế hoạch và phân công thực hiện [H10.10.01.18], [H10.10.01.23], [H10.10.01.24]. Hơn nữa, để có được những thông tin cần thiết, gắn với đặc thù của ngành nghề đào tạo, Khoa đã chủ động thu thập thêm thông tin phản hồi về CTDH do Khoa quản lý thông qua việc khảo sát lấy ý kiến từ cựu sinh viên, doanh nghiệp, các chuyên gia đầu ngành [H10.10.01.17], [H10.10.01.25].

Bảng 10.1. Tóm tắt các ý kiến phản hồi và nhu cầu các bên có liên quan

Năm KS	Nội dung ý kiến phản hồi			
	Doanh nghiệp	Chuyên gia	Sinh viên	Cựu SV
2018	Trong tổng số 51 doanh nghiệp được khảo sát, có 31 doanh nghiệp đang sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp từ trường ĐHXD Miền Trung. Ý	- Thời gian đào tạo nên tối đa là 4,5 năm; - Cần tăng cường hợp tác doanh nghiệp	- Thi kết thúc học phần nên cho sinh viên thi đề mở; - GV dạy nên cho nhiều bài	- Nên cắt giảm thời lượng giảng dạy khối kiến thức đại cương, dành

	<p>kiến phản hồi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức chuyên ngành: mức độ hài lòng đạt 100%; - Về kỹ năng nghề nghiệp: mức độ hài lòng đạt hơn 96%; - Về thái độ: mức độ hài lòng đạt hơn 75%; - Về kỹ năng mềm: mức độ hài lòng đạt hơn 75%; - Một số hạn chế, cần khắc phục, cải thiện: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức xã hội; + Ý thức tổ chức kỷ luật; + Tinh thần trách nhiệm; + Kỹ năng lập kế hoạch; + Năng lực tự học, tự nghiên cứu; 	<p>để gửi sinh viên đến thực tập, thử việc, làm việc;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các công ty phần mềm tin học ứng dụng chuyên ngành để hợp tác, hỗ trợ, giúp SV có điều kiện học tập tốt hơn và làm quen dần môi trường làm việc thực thụ. 	<p>tập vận dụng, giảm lý thuyết;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nên cho SV tham quan công trình, đi thực tế nhiều hơn; 	<p>nhiều thời gian hơn đối với kiến thức chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường giảng dạy kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành; - Thời gian học 05 năm là quá dài.
2021	<p>Trong tổng số 55 doanh nghiệp được khảo sát, có 31 doanh nghiệp đang sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp từ trường ĐHXD Miền Trung. Ý kiến phản hồi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ hài lòng đối với kiến thức chuyên ngành đạt tỉ lệ 92,6%; - Về kỹ năng nghề nghiệp, mức độ hài lòng đạt hơn 88%; - Về thái độ và phẩm chất cá nhân nhìn chung đều đạt mức hài lòng trở lên. - Một số hạn chế cần khắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình đào tạo nên phối hợp các chuyên gia đầu ngành, các doanh nghiệp để nắm bắt thêm xu thế phát triển của xã hội. - Nghiên cứu đưa vào một số học phần mới theo xu hướng công nghệ 4.0 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần bố trí thêm các buổi học ngoại khóa, các buổi tham quan học tập thực tế; - Cần tăng cường khả năng thuyết trình, ứng biến trước đám đông cho SV thông qua các bài tập lớn, đồ án, bài thuyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần đẩy mạnh việc học ngoại ngữ cho SV nhiều hơn nữa; - Nên cho SV làm các bài tập thực hành để thay thế cho việc thi viết kết thúc môn học.

phục, cải thiện: + Ngoại ngữ (tiếng Anh); + Kỹ năng thuyết trình; + Thái độ, tinh thần trách nhiệm.		trình,...	
--	--	-----------	--

Bảng 10.2. Tóm tắt những thay đổi của CTDH qua các lần cập nhật, chỉnh sửa

Năm ban hành	Nội dung		
	Thời gian đào tạo	Số tín chỉ	Những thay đổi
2018	4,5 năm	140	1. Rút ngắn thời gian đào tạo còn 4,5 năm (trước đó là 5,0 năm); 2. Giảm 15 tín chỉ (TC) trong CTDH (trước đó là 155TC). Trong đó, kiến thức giáo dục đại cương từ 39TC giảm còn 25TC (giảm 14TC); Cơ sở ngành từ 39TC giảm còn 28TC (giảm 11TC); Kiến thức ngành và chuyên ngành từ 65TC tăng lên 75TC (tăng 10TC); 3. Bổ sung vào CTDH các học phần: Tổ chức thi công; Đấu thầu và thanh quyết toán công trình; 4. Tăng 1TC cho các học phần: Chuyên đề cầu; Chuyên đề đường; Đồ án thiết kế đường; Đồ án thiết kế cầu bê tông cốt thép; Đồ án kết cấu bê tông cốt thép.
2020	4,5 năm	150	1. Tăng 10 tín chỉ trong CTDH. Trong đó, kiến thức giáo dục đại cương từ 25TC tăng lên 32TC (tăng 07TC); Kiến thức cơ sở ngành từ 28TC tăng lên 31TC (tăng 03TC); 2. Bổ trí học phần Thiết kế đường đô thị thành học phần bắt buộc; chuyển học phần Đường sắt sang học phần tự chọn; 3. Giảm 1TC/HP đối với 03 học phần: Đồ án thiết kế đường; Đồ án thiết kế cầu BTCT; Đồ án kết cấu BTCT; 4. Gộp 2 học phần Chuyên đề cầu và Chuyên đề đường thành học phần Chuyên đề tốt nghiệp. 5. Bổ sung các học phần tự chọn: Học máy; Hệ thống giao thông thông minh. 6. Bổ sung học phần bắt buộc Anh văn 1 và Anh văn 2.
2022	4,5 năm	150	1. Cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTDH phù hợp theo qui

			<p>định bởi thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 và thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;</p> <p>2. Cập nhật, bổ sung về nội dung, hình thức trình bày, cho tất cả các đề cương chi tiết học phần trong CTDH.</p> <p>3. Bổ sung thêm chuyên ngành: Ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường. (theo thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Đèo Cả)</p>
2023	4,5 năm	150	Bổ sung thêm chuyên ngành: Xây dựng và Quản lý khai thác công trình giao thông. (theo thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Đèo Cả)

Với mục tiêu đào tạo theo hướng ứng dụng, CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đã không ngừng cập nhật, cải tiến và phát triển. Từ kết quả khảo sát các bên liên quan năm 2021 cho thấy CTDH có nội dung đầy đủ, CDR hợp lý, người học đã nắm rõ về CTDH, về CDR ngay từ đầu, các môn học có tính hỗ trợ, nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức mà sinh viên đã được học, khối lượng kiến thức vừa phải, đáp ứng được nhu cầu công việc được giao

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Định kỳ 2 năm/lần, Khoa tiến hành khảo sát các Doanh nghiệp, cựu sinh viên, các chuyên gia đầu ngành nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

Đặc biệt, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận Doanh nghiệp, đơn vị thi công để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế công việc để thường xuyên cập nhật CTDH; Ký kết hợp tác với các công ty phần mềm chuyên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên được nghiên cứu, sử dụng, thực hành một cách thành thạo, đáp ứng tốt yêu cầu công việc khi tốt nghiệp đi làm.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được triển khai chưa thật sự bài bản; Số lượng khảo sát còn ít, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức; Nhiều công ty chưa thực sự quan tâm khi phản hồi các ý kiến đóng góp; Một số ý kiến phản hồi rất thực tế, đúng đắn nhưng Nhà trường và Khoa chưa thể cải tiến, khắc phục được.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng lại qui trình, biểu mẫu khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	2024	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên 2 năm/lần - Duy trì tổ chức hội thảo về CTDH 1 năm/ lần - Duy trì khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm cuối về CTDH 1 năm/ lần - Duy trì hoạt động cho sinh viên đi tham quan, thực tế tại các công trình và đến các công ty để thực tập. 	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ; P. QLCL; P. CTSV	2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được xây dựng từ năm 2012 để áp dụng cho khoá đào tạo đầu tiên năm 2013. Trải qua 10 năm đào tạo, đến nay CTDH được cải tiến 5 lần vào các năm 2015, 2017, 2018, 2020 và 2022 [H10.10.01.01] nhằm cập nhật các kiến thức cần thiết theo yêu cầu thực tế và đảm bảo tuân thủ theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.02.01]; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [H10.10.02.02].

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong những lần đầu còn bị động, thiếu khách quan, chưa có tính hệ thống, chủ yếu được thực hiện theo các kết luận tại các buổi họp [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], [H10.10.02.08]. Từ năm 2018, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ quản lý bắt đầu đi vào quy củ [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13], [H10.10.02.14], [H10.10.02.15], [H10.10.02.16]. Theo đó, các quy định, quy trình lấy ý kiến phản hồi từ người học để làm cơ sở thiết kế CTDH đã được Nhà trường ban hành và triển khai thực hiện [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.09]. Trên cơ sở đó, các đơn vị chức năng của Nhà trường và Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã tiến hành khảo sát, thu thập lấy ý kiến phản hồi từ người học và nhu cầu các bên có liên quan làm căn cứ để thiết kế, phát triển CTDH [H10.10.01.10], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15], [H10.10.01.16], [H10.10.01.17].

Năm 2021, thực hiện việc rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH hiện hành, cho thấy quy trình đang áp dụng có nhiều hạn chế, bất cập nên Nhà trường đã quyết định sửa đổi, cải tiến bằng việc ban hành Quyết định số 304/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng về việc Quy định xây dựng, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H10.10.02.18]. Trước đó, Nhà trường đã dự thảo và gửi lấy ý kiến đối với các bên có liên quan trước khi ban hành quyết định [H10.10.02.17]. Theo đó, việc xây dựng, cập nhật, phát triển CTDH được thực hiện theo quy trình gồm có 16 bước [H10.10.02.19] nhằm đảm bảo mục đích phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới phù hợp với sứ mạng của Nhà trường; Đảm bảo việc xây dựng, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam và hướng đến tiếp cận các tiêu chuẩn kiểm định trong khu vực và quốc tế; Đồng thời quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trong Nhà trường trong việc quản lý, sử dụng chương trình đào tạo.

Thực hiện theo Quyết định số 304/QĐ-ĐHXDMT như nói trên, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ cũng đã tiến hành rà soát để thiết kế và phát triển CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông cho phù hợp hơn, đáp ứng theo yêu cầu CĐR. Để thực hiện quy trình, căn cứ vào kế hoạch đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022 của Nhà trường [H10.10.02.20],

[H10.10.02.21] và Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông [H10.10.02.22], Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã họp triển khai thực hiện Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.17], trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, đồng thời đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện CTĐT [H10.10.01.25],

Đề CTDH được hoàn chỉnh và ra quyết định ban hành, trước đó Khoa đã tổ chức Hội thảo xin ý kiến các bên liên quan về CTĐT và ĐCCT [H10.10.01.24], Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo [H10.10.01.23] và tổ chức họp Hội đồng để đánh giá, thẩm định, nghiệm thu CTĐT [H10.10.02.23], [H10.10.02.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình đề thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đồng thời có sự rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ quản lý đã được tổ chức đúng theo quy trình. Quá trình thực hiện có sự tham gia đầy đủ các bên có liên quan như các chuyên gia uy tín trong ngành, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Do đó, CTDH đảm bảo được theo CĐR, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số ý kiến của sinh viên, cựu người học, doanh nghiệp không tập trung nên Báo cáo khảo sát làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTDH có tính chủ quan; Việc triển khai khảo sát, thu thập thông tin, tổ chức các buổi Hội thảo do Khoa thực hiện còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường việc trao đổi, tiếp xúc với cựu sinh viên, doanh nghiệp và các	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		chuyên gia đầu ngành để cải tiến qui trình thiết kế và nội dung CTDH ngày càng tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình quy trình thiết kế và phát triển CTDH; Duy trì việc cập nhật, chỉnh sửa CTDH 2 năm/lần	ĐHXDMT; Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ;	2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Năm 2016, căn cứ Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H10.10.03.01], Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.03]; Quy định tổ chức học học cải thiện [H10.10.03.04] và Quy định tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp [H10.10.03.05] để tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường ĐHXDMT. Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.02], theo đó Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật và ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.06] và Qui định tổ chức học lại, học cải thiện của Trường ĐHXDMT [H10.10.03.07].

Vào đầu mỗi học kỳ, Nhà trường cùng với khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ và các phòng chức năng triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo học kỳ trước, triển khai các công tác cần thiết của học kỳ sau [H10.10.01.20], [H10.10.01.21], [H10.10.01.22], [H10.10.03.10], đề nghị các khoa, bộ môn rà soát,

cập nhật nội dung đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, yêu cầu giảng viên cập nhật bài giảng; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học [H10.10.01.07], [H10.10.03.08]; đề xuất hình thức thi các học phần cho phù hợp [H10.10.01.08]. Giảng viên khi lên lớp phải có bài giảng, việc biên soạn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng và tài liệu học tập của giảng viên phải tuân theo qui định của Nhà trường [H10.10.03.09] và giao cho trưởng bộ môn kiểm tra việc cập nhật bài giảng của giảng viên định kỳ hàng năm [H10.10.03.08], đồng thời thông báo kết quả học tập kịp thời cho người học, từ đó giúp SV có những thay đổi phù hợp trong phương pháp học tập của mình, cũng như giúp tất cả giảng viên có sự chuẩn bị tốt nhất về bài giảng, phương pháp dạy học nhằm đem lại hiệu quả cao nhất quá trình giảng dạy trên lớp [H10.10.03.10], [H10.10.03.11], [H10.10.03.12].

Cuối mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động đánh giá người học, phương pháp thi, kiểm tra cho tất cả các học phần [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.13], [H10.10.01.15]. Từ kết quả khảo sát người học đã giúp Khoa, bộ môn đánh giá được hiệu quả quá trình dạy học của các giảng viên, sự phù hợp phương pháp thi, kiểm tra của từng học phần, từ đó có sự hiệu chỉnh kịp thời [H10.10.03.13], [H10.10.03.14].

Trong từng học kỳ, Khoa/bộ môn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, góp ý giảng viên, nhất là đối với các giảng viên trẻ. Qua sinh hoạt chuyên môn, đã nhấn mạnh những nội dung chính của học phần cần chú trọng, phương pháp giảng dạy, đánh giá người học trên lớp sao cho phù hợp. Thông qua việc dự giờ trên lớp, lãnh đạo khoa, bộ môn đã đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá người học sao cho hợp lý để đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần, góp phần đảm bảo CDR của CTĐT [H10.10.03.15], [H10.10.03.16], [H10.10.03.17], [H10.10.03.18].

Ngoài ra, để đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR, ngoài việc dự giờ trên lớp, thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học về phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của từng giảng viên đối với mỗi học phần [H10.10.01.15], các bộ môn thuộc Khoa còn tiến hành tổ chức các buổi hội thảo để phân tích, đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR thông qua việc phân tích kết quả học tập của người học qua từng năm học [H10.10.03.12].

Đối với công tác kiểm tra, đánh giá người học, định kỳ khoa Hạ tầng kỹ thuật-Công nghệ cùng với các phòng chức năng thành lập tổ thanh tra để thực hiện công tác

thanh tra đề thi, đáp án; công tác chấm thi; kiểm tra giờ giấc lên lớp của giảng viên để kịp thời chấn chỉnh, phát hiện những sai sót, tồn tại nếu có, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục [H10.10.03.19], [H10.10.03.20]. Đồng thời để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường cùng với Khoa định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá để cải tiến nội dung đề cương, CTĐT, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá [H10.10.01.18], [H10.10.01.19], [H10.10.01.20], [H10.10.01.21], [H10.10.01.22], [H10.10.01.23], [H10.10.01.24], [H10.10.03.21], [H10.10.03.21], [H10.10.03.22] và tổ chức các buổi hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập giúp GV và sinh viên dạy tốt, học tốt, qua đó đáp ứng CDR của CTĐT [H10.10.03.23].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã phối hợp với các đơn vị chức năng thường xuyên lấy phiếu khảo sát từ người học, cựu người học về CTDH và quá trình giảng dạy trên lớp đối với giảng viên giúp Khoa và Nhà trường đánh giá đúng quá trình dạy học, đánh giá kết quả dạy học, rà soát, thay đổi hình thức thi, kiểm tra kịp thời đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo tương thích với CDR.

Ngoài ra, định kỳ Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ tổ chức họp để đánh giá về quá trình dạy học của giảng viên trên lớp về phương pháp dạy học cho từng học phần cụ thể cũng như thực hiện kiểm tra việc ra đề thi, chấm thi các học phần, xem xét các ý kiến phản hồi của người học từ đó có sự hiệu chỉnh để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy, học tập, chia sẻ kinh nghiệm đối với GV và NH còn hạn chế, chưa được tổ chức rộng rãi và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1		Tăng cường việc tổ chức hội thảo về phương pháp giảng dạy, học tập	Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc khảo sát lấy ý kiến NH; duy trì thanh tra việc giảng dạy, ra đề, chấm thi; Thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH	ĐHXDMT; Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ;	Từng học kỳ	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy tính sáng tạo và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của CBGD là mục tiêu của Nhà trường (*Điều 2- Quy định về công tác NCKH trường ĐHXDMT*) [H10.10.04.01]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường gửi thông báo đăng ký nhiệm vụ NCKH đến toàn thể GV và SV trong toàn trường [H10.10.04.02], trên cơ sở đó, Khoa đã triển khai đến toàn thể GV và SV của khoa, sau đó phối hợp với Nhà trường tổ chức họp xét chọn đề tài để triển khai thực hiện [H10.10.04.03], [H10.10.04.05].

Với mục tiêu phát triển hoạt động NCKH vừa đáp ứng cho nhu cầu chuyên giao công nghệ, phục vụ yêu cầu sản xuất, đời sống xã hội; vừa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ Trường ĐHXDMT là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu khoa học mạnh của trường, số đề tài NCKH của GV đăng ký và được nghiệm thu hàng năm liên tục tăng cao trong những năm gần đây [H10.10.04.04], [H10.10.04.06], [H10.10.04.07].

Phần lớn đề tài tập trung vào việc biên soạn Ngân hàng đề thi, Bài giảng, Tài liệu hướng dẫn làm đồ án tốt nghiệp, đồ án môn học, các phần mềm ứng dụng chuyên ngành. Từ kết quả NCKH, sáng kiến cải tiến đã giúp GV đưa vào giảng dạy những nội

dung mới, cập nhật kiến thức, tiêu chuẩn mới, nâng cao chất lượng của học phần mình phụ trách, kết quả của các đề tài sau khi nghiệm thu chủ yếu được sử dụng để cải tiến việc dạy và học, tiết kiệm đáng kể chi phí đào tạo.

Bảng 10.3. Thống kê các đề tài NCKH của giảng viên được sử dụng để cải tiến việc dạy và học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Stt	Tên đề tài	Tác giả	Học phần áp dụng
Năm học 2017- 2018			
1	Ngân hàng đề thi trắc nghiệm “Mô trụ cầu”	Cao Thanh Chương	Mô trụ cầu
2	Ngân hàng đề thi “Tổng luận cầu”	Đình Văn Vinh	Tổng luận cầu
3	Ngân hàng đề thi trắc nghiệm “Địa chất công trình”	Lê Thị Cát Tường	Địa chất công trình
4	Bài giảng “Đồ án thiết kế cầu thép”	Vũ Quang Thuận	Đồ án thiết kế cầu thép
5	Bài giảng “Thiết kế đường 2”	Lê Đức Quân	Thiết kế đường 2
6	Bài giảng “Thí nghiệm đường”	Nguyễn Thanh Vũ	Thí nghiệm đường
7	Tài liệu hướng dẫn bài tập lớn “Cơ học đất”	Nguyễn Thanh Danh	Cơ học đất
8	Bài giảng “Hầm giao thông”	Nguyễn Đắc Thông	Hầm giao thông
Năm học 2018- 2019			
9	Ngân hàng đề thi “Thiết kế đường 1”	Lê Đức Quân	Thiết kế đường 1
10	Tài liệu hướng dẫn “Tin học ứng dụng đường”	Nguyễn Thanh Vũ	Tin học ứng dụng đường
11	Giáo trình “Nền móng”	Nguyễn Văn Hải	Nền móng
Năm học 2019- 2020			
12	Ngân hàng đề thi “Kết cấu thép”	Vũ Quang Thuận	Kết cấu thép
13	Tài liệu hướng dẫn Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng công trình	Lê Đức Quân	Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng công

Stt	Tên đề tài	Tác giả	Học phần áp dụng
	giao thông (Phần thiết kế đường)		trình giao thông
14	Tài liệu hướng dẫn Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Phần kỹ thuật và tổ chức thi công)	Lương Thị Bích	Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
15	Bài giảng “Đường đô thị”	Nguyễn Sĩ Vinh	Đường đô thị
Năm học 2020- 2021			
16	Bài giảng “Bảo dưỡng sửa chữa đường”	Nguyễn Thanh Vũ	Bảo dưỡng sửa chữa đường
17	Bài giảng “Đường sân bay”	Nguyễn Sĩ Vinh	Đường sân bay
18	Tài liệu hướng dẫn “Đồ án Thiết kế đường”	Lê Đức Quân	Đồ án Thiết kế đường
19	Đánh giá bề rộng vết nứt sử dụng kỹ thuật xử lý hình ảnh và thuật toán di truyền	Nguyễn Kim Cường	Sửa chữa và tăng cường cầu
Năm học 2021- 2022			
20	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm “Thi công đường 2”	Lê Đức Quân	Thi công đường 2
21	Bài giảng “Đường sắt”	Nguyễn Sĩ Vinh	Đường sắt
22	Bài giảng “Sửa chữa và tăng cường cầu”	Phạm Minh Dũng	Sửa chữa và tăng cường cầu
Năm học 2022- 2023			
23	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm “Thiết kế đường 2”	Lê Đức Quân	Thiết kế đường 2
24	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm “Sửa chữa và tăng cường cầu”	Phạm Minh Dũng	Sửa chữa và tăng cường cầu

Ngoài các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến cấp trường, hàng năm GV của khoa còn thực hiện nhiều công trình nghiên cứu, bài báo khoa học có liên quan đến CTDH được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế [H10.10.04.08],

[H10.10.04.09]. Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ cũng đã chủ động thành lập Câu lạc bộ kỹ thuật xây dựng Cầu đường, các nhóm NCKH [H10.10.04.10], [H10.10.04.11], thông qua đó để tổ chức các buổi chuyên đề khoa học, các cuộc thi [H10.10.04.12], [H10.10.04.13] giúp GV và SV có cơ hội nghiên cứu, chia sẻ và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Hơn nữa, để khuyến khích cho GV và SV toàn trường tham gia viết báo khoa học, làm quen với NCKH, chia sẻ những kết quả NCKH của mình, Nhà trường đã phát hành Thông báo NCKH của trường định kỳ 2 số/năm; đồng thời đăng cai tổ chức các Hội thảo nguyên cứu khoa học thuộc tiềm năng thế mạnh của trường [H10.10.04.14], [H10.10.04.15].

NCKH trong sinh viên cũng là một trong những nội dung luôn được khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ chú trọng, tạo điều kiện để phát triển, dưới sự hướng dẫn của GV trong khoa, số lượng đề tài của SV đăng ký và được nghiệm thu tăng đều mỗi năm [H10.10.04.07]. Các đề tài của sinh viên thường tập trung giải quyết phần kiến thức mang tính mở rộng, chuyên sâu trong các học phần của CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, qua đó góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên, giúp các em dễ dàng tiếp cận với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

Bảng 10.4. Thống kê các đề tài NCKH của sinh được sử dụng để cải tiến việc dạy và học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Stt	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Học phần áp dụng
Năm học 2017- 2018			
1	Tính mất mát ứng suất trong dầm BTCT dự ứng lực kéo sau tiết diện I, T theo tiêu chuẩn 22TCN 272-2005	Lê Hoàng Hiệp	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
2	Đánh giá độ ăn mòn cốt thép trong bê tông của cầu Tam Giang, Tx. Sông Cầu, Phú Yên	Nguyễn Văn Tấn, Phạm Đăng Huyền	Sửa chữa và tăng cường cầu
3	Thực nghiệm xác định một số đặc tính cơ học của đất gia cố xi măng phục vụ xây dựng giao thông nông thôn chịu tải trọng nhẹ huyện Đông Hòa tỉnh Phú Yên.	Nguyễn Khắc Trường, Trần Quốc Đàng, Lương Tấn An.	Thiết kế đường2
4	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đất trộn xi măng để thiết kế kết cấu mặt	Tăng Ngọc Khải, Lê Văn Hiệp,	Thiết kế đường2

Stt	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Học phần áp dụng
	đường giao thông nông thôn bằng đất trộn xi măng chịu tải trọng nhẹ tại huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Võ Văn Tần.	
6	Nghiên cứu dao động dây cáp văng chịu ảnh hưởng gió mưa kết hợp	Trần Quốc Đại	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 2
7	Ứng dụng giải pháp tường chắn đất có cốt trong tính toán ổn định mái dốc: Trường hợp nghiên cứu tại bán đảo Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	Trần Quốc Tường, Nguyễn Hữu Trí, Võ Tấn Thạch	Ổn định mái dốc và tường chắn
8	Ứng dụng VBA Excel thiết kế móng đơn	Phạm Thanh Hiền	Nền móng
Năm học 2018- 2019			
9	Tính toán móng chữ U bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017	Nguyễn Hữu Thoại, Lê Văn Hùng	Mố trụ cầu
10	Xây dựng chương trình tự động hóa nội lực dầm I theo tiêu chuẩn 22TCN272:2005 bằng Visual basic	Võ Quang Hiệp, Phạm Thanh Hiền, Nguyễn Tuấn Danh	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
11	Chương trình tự động hóa tính toán bản mặt cầu theo tiêu chuẩn 22TCN272:2005	Nguyễn Linh Sang, Huỳnh Duy Hương, Nguyễn Quốc Cường	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
12	Tự động hóa kiểm toán dầm chủ tiết diện I căng sau theo tiêu chuẩn 22TCN272:2005	Lê Hoàng Hiệp, Ngô Xuân Hà	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
13	Xây dựng chương trình tự động hóa vẽ bố trí chung kết cấu nhịp cầu giản đơn tiết diện I căng sau	Huỳnh Đức Lương	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
14	Tính toán ổn định công trình đê chắn sóng khu vực phía nam biển Tuy Hòa, Phú Yên	Nguyễn Khắc Trường, Đỗ Thanh Đức	Ổn định mái dốc và tường chắn
15	Tính toán, so sánh hệ số phân bố	Trần Quốc Đăng,	Thiết kế cầu bê

Stt	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Học phần áp dụng
	ngang bằng các phương pháp lý thuyết gần đúng với phương pháp phần tử hữu hạn và thực nghiệm đối với cầu dầm BTCT và dầm thép liên hợp bản BTCT, nhịp giản đơn.	Lương Tấn An	tông cốt thép 1
16	Tính toán cống dọc thoát nước mưa đường đô thị theo TCVN 7957:2008.	Tăng Ngọc Khải, Mai Văn Hiệp, Trần Đức Lân	Đường đô thị
17	Kiểm tra và đánh giá sức chịu tải của cọc BTCT tiết diện 350x350mm theo phương pháp tải trọng tĩnh ép dọc trục	Ngô Trung Hiên, Nguyễn Văn Tính	Nền móng
Năm học 2019- 2020			
18	Phát hiện vết nứt bằng kỹ thuật số xử lý hình ảnh và thuật toán bán di truyền	Bùi Văn Phương, Ngô Gia Hiệp	Sửa chữa và tăng cường cầu
19	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Geo-slope trong tính ổn định nền đường đắp cao	Lê Hoàng Hiệp, Ngô Xuân Hà	Ổn định mái dốc và tường chắn
20	Thí nghiệm xác định một số chỉ tiêu của đá sử dụng trong kết cấu áo đường cứng ở mỏ đá Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên.	Ngô Thanh Dũng; Thân Trọng Tài; Phạm Phan Biển Trân	Thiết kế đường 2
21	Tính toán cọc khoan nhồi theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 và so sánh với tiêu chuẩn 22TCN272:2005	Nguyễn Bùi Trung Nguyễn; Nguyễn Thanh Phong	Mố trụ cầu
22	Tự động hóa thiết kế cầu dầm thép liên hợp BTCT nhịp giản đơn theo tiêu chuẩn 22TCN272:2005		Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1

Stt	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Học phần áp dụng
23	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Revit trong Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	Trần Quốc Sơn; Hò Khắc Nguyên	Tin học ứng dụng cầu
Năm học 2020- 2021			
24	Xác định mối quan hệ thực nghiệm giữa cường độ nén của các mẫu bê tông trên máy nén và trị số bật nảy trung bình trên súng bật nảy	Ngô Thanh Dũng; Phạm Phan Biễn Trân	Kiểm định cầu
25	Hệ thống hồ sơ thiết kế một công trình cầu BTCT dự ứng lực nhịp giản đơn	Võ Đức Triều	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
26	So sánh sự khác nhau giữa tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 và tiêu chuẩn 22TCN272:2005 (Phần thiết kế cầu thép). Áp dụng kiểm toán theo tiêu chuẩn mới TCVN 11823:2017	Huỳnh Hứa Trọng Duy; Nguyễn Hữu Phú; Thân Trọng Tài	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1
27	Tính toán cọc chịu tải trọng ngang	Huỳnh Thanh Phong; Hứa Châu Ngân	Nền móng
Năm học 2021- 2022			
28	Hướng dẫn sử dụng phần mềm ADS civil trong tự động hóa thiết kế tổ chức giao thông đường đô thị và mô hình hóa 3D	Ngô Thanh Dũng; Phạm Phan Biễn Trân	Tin học ứng dụng đường
29	Ứng dụng Infracore cho thiết kế phương án dự án hạ tầng cơ sở	Hứa Châu Ngân	Thiết kế cầu Thiết kế đường
30	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của sự thay thế xi măng bằng tro mía đến các tính chất cơ lý của bê tông nhẹ bọt khí	Huỳnh Hứa Trọng Duy; Nguyễn Hữu Phú; Thân Trọng Tài	Vật liệu xây dựng

Stt	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Học phần áp dụng
31	Ứng dụng phần mềm Midas/civil phân tích nội lực cầu dây văng dầm bê tông cốt thép	Lưu Tấn Tài	Tin học ứng dụng cầu
32	Phân tích lựa chọn phương án cầu có sử dụng phần mềm Infracore	Huỳnh Thanh Phong; Nguyễn Quốc Toàn	Tổng luận cầu
Năm học 2022- 2023			
33	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình bảo dưỡng bằng nước biển đến tính chất cơ lý của bê tông sử dụng phụ gia bền sulfate	Nguyễn Đức Anh Hào; Đặng Ngọc Quý	Vật liệu xây dựng
34	Nghiên cứu tự động hóa thiết kế nút giao thông cùng mức và tính toán khối lượng nút giao bằng phần mềm ADS Civil.	Lê Vy; Phạm Đức Thân	Tin học ứng dụng đường
35	Nghiên cứu ứng dụng bộ phần mềm ADS Civil trong thiết kế đường và san nền trong thiết kế hạ tầng khu dân cư	Hồ Viết Tín; Lương Hàn Thuyên; Nguyễn Thành Nhân; Nguyễn Ngọc Tĩnh	Tin học ứng dụng đường
36	Tính toán cầu dầm BTCT DƯL đúc hẫng cân bằng (cầu Dinh Ông – tỉnh Phú Yên) sử dụng phần mềm Midas civil .	Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Gia Khải; Hồ Viết Tín; Nguyễn Thành Nhân	Tin học ứng dụng cầu
37	Tính toán nội lực Cầu treo dây võng bằng phần mềm Midas/Civil	Vũ Hoài Nam; Nguyễn Lê Đình Huy; Nguyễn Đắc Thắng; Nguyễn Quốc Huy	Tin học ứng dụng cầu

Ngoài ra, để kết quả NCKH của GV và SV khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ được phổ biến rộng rãi đến NH, qua đó nâng cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu, định kỳ Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ phối hợp với phòng Khoa học & Hợp tác Quốc

tế tổ chức hội nghị NCKH SV để giúp SV nắm rõ hơn phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học để sinh viên áp dụng trong quá trình học tập và NCKH của mình nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập [H10.10.04.16].

2. Điểm mạnh

NCKH của các giảng viên khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ trong những năm qua tập trung phần lớn là nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi của các học phần trong CTĐT nên kết quả của các đề tài sau khi nghiệm thu đều được giảng viên và người học áp dụng trong năm học sau, điều này góp phần nâng cao chất lượng quá trình dạy học của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Phần lớn các đề tài của Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ có qui mô cấp trường, việc thực hiện đề tài cấp tỉnh, cấp bộ còn rất hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đăng ký thực hiện 01 đề tài cấp bộ/tỉnh	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ	2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát huy việc đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH của GV và SV đều đặn hằng năm.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ;	Từng năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhằm phục vụ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho người học trong quá trình dạy học, Nhà trường đã thành lập các đơn vị chức năng, kèm theo quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị [H10.10.05.01], [H10.10.05.02],

[H10.10.05.03], [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07]. Để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường đã ban hành quy định khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của Trường ĐHXDMT [H10.10.01.05]; định kỳ hàng năm Nhà trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản để thực hiện kiểm đếm, đánh giá số lượng, chất lượng các trang thiết bị, máy móc phục vụ quá trình dạy học và NCKH tại các đơn vị [H10.10.05.16]. Ngoài ra, để tư vấn, trợ giúp cho người học trong suốt quá trình học tập tại Trường, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác cố vấn học tập [H10.10.05.08] và hàng năm phân công cụ thể GV làm cố vấn học tập cho từng lớp học [H10.10.05.09].

Để đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, làm cơ sở thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ, Nhà trường giao cho phòng Quản lý chất lượng và Phòng Công tác sinh viên phối hợp với Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ và các đơn vị chức năng định kỳ hàng năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến từ người học về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của Trường [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], định kỳ tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa người học với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa, Cố vấn học tập, thông qua đó Nhà trường nắm được những tồn tại cần khắc phục hay những mặt tích cực cần tiếp tục phát huy nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy học, mang đến sự hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác cho người học ngày càng cao [H10.10.01.10].

Từ kết quả khảo sát lấy ý kiến, đối thoại với người học và hoạt động kiểm kê tài sản [H10.10.05.12], [H10.10.05.13]...Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã phối hợp với các đơn vị chức năng trong trường triển khai một số nhiệm vụ để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ người học [H10.10.05.10], [H10.10.05.11]. Việc cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian thích hợp trong năm như: mua sắm bổ sung sách, tài liệu giáo trình cho thư viện; các trang thiết bị cho phòng thí nghiệm [H10.10.05.14], [H10.10.05.15]; [H10.10.05.16]; bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị tin học, máy chiếu, chất lượng wifi, chỗ ở, chăm sóc y tế, thông tin học tập,...nhằm phục vụ quá trình dạy học, NCKH được tốt hơn [H10.10.05.17], [H10.10.05.18], [H10.10.05.19].

Ngoài hỗ trợ trong học tập và NCKH, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ còn chủ động tìm kiếm các đối tác là các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường để tranh thủ nhận được sự giúp đỡ như tài trợ học bổng cho SV, tài trợ bản quyền các phần mềm chuyên ngành; tiếp nhận SV thực tập, làm việc sau khi tốt nghiệp,...và nhiều hoạt động hỗ trợ tiện ích khác [H10.10.05.20], [H10.10.05.21], [H10.10.05.22], [H10.10.05.23], [H10.10.05.24].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy thí nghiệm, tài liệu học tập,...nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát về chất lượng các dịch vụ và hỗ trợ chỉ mới dừng lại đối với sinh viên đang học mà chưa tiến hành khảo sát đối với cựu sinh viên. Kết quả khảo sát từ người học cho thấy nhiều sinh viên chưa hài lòng về một số tiện ích phục vụ của Nhà trường như không gian, cảnh quan môi trường học tập trong khuôn viên Trường còn quá đơn điệu; thư viện, ký túc xá, căngteen tại cơ sở B còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cho người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát đối với cựu sinh viên về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của Trường ĐHXDMT	P. QLCL	2022	
		Khởi công xây dựng thư viện Trường ĐHXDMT	ĐHXDMT	2023	
		Khởi công xây dựng ký túc xá Trường ĐHXDMT	ĐHXDMT	2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và ký kết hợp tác với nhiều Công ty, doanh nghiệp hơn nữa nhằm tạo điều kiện cho người học dễ dàng tiếp cận trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ;	2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHXDMT ngày 31/01/2012, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (nay là Phòng Quản lý chất lượng) trực thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là đơn vị đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTDH và thực hiện các hoạt động tự đánh giá chất lượng [H10.10.06.01]. Phòng công tác sinh viên và Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ là đơn vị phối hợp trong việc thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02], [H10.10.06.03].

Năm 2014, Nhà trường kiện toàn tổ chức, bộ máy Phòng CTSV trong đó thành lập thêm Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp để tổ chức, quản lý các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhằm xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, thiết thực, năm 2021 Nhà trường chuyển chức năng nhiệm vụ của Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp thuộc Phòng CTSV sang Phòng Quản lý đào tạo và đến năm 2024 phát triển thành một đơn vị thuộc Trường [H10.10.06.04].

Nếu như từ 2015 trở về trước, Nhà trường chỉ nắm thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các buổi hội thảo hoặc đối thoại trực tiếp, thì từ năm 2016 đến 2018 trong các giai đoạn điều chỉnh CTDH, Nhà trường đã ban hành và cập nhật sửa đổi các quy định về lấy ý kiến phản hồi từ người học, kèm theo quy trình hướng dẫn các bước triển khai thực hiện, đánh giá và biểu mẫu khảo sát [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08], [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11]. Ngoài ra, Khoa cũng đã chủ động xây dựng, cập nhật các biểu mẫu khảo sát bổ sung cho riêng mình và tự thực hiện các đợt khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau để thu thập thêm thông tin phản hồi về CTDH do Khoa quản lý thông qua việc khảo sát lấy ý kiến từ cựu sinh viên, doanh nghiệp và các chuyên gia đầu ngành [H10.10.01.12] để có được những thông tin cần thiết, gắn với đặc thù của ngành nghề đào tạo của Khoa.

Kết quả phản hồi của người học, cựu người học, doanh nghiệp, chuyên gia đánh giá chất lượng quá trình dạy học, phục vụ của trường [H10.10.06.13], [H10.10.06.14], [H10.10.06.15], [H10.10.06.16], [H10.10.06.17] như: khảo sát doanh nghiệp về CTDH, ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát cựu SV chất lượng CTDH; phương pháp dạy và học, công tác ra đề thi, chấm thi; khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất, chất lượng

đội ngũ trong đào tạo và NCKH; môi trường học tập; vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp,... được Nhà trường thực hiện hàng năm với bảng câu hỏi khảo sát được cập nhật, bổ sung thường xuyên, nhằm đảm bảo mục tiêu tự đánh giá chất lượng CTDH, nếu có sự bất hợp lý hoặc chưa phù hợp thì các bộ phận trong trường sẽ thay đổi từ quy chế, sự phục vụ của phòng ban, hay phương pháp giảng dạy của các giảng viên.

Ngoài việc thiết lập và triển khai thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thì việc đánh giá, cải tiến cơ chế phản hồi cũng luôn được Nhà trường chú trọng:

- Định kỳ Nhà trường giao cho Phòng Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp với các Khoa chuyên ngành và các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá và đề xuất những bước cải tiến nhằm đáp ứng tốt cho công tác đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTDH và thực hiện các hoạt động tự đánh giá chất lượng [H10.10.06.18];

- Ban hành Quy định bảo đảm chất lượng giảng dạy và quản lý hoạt động giảng dạy của Trường ĐHXD Miền Trung [H10.10.06.19];

- Nghiên cứu thành lập đơn vị chức năng chuyên trách (Phòng Quản lý chất lượng và Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp) và xây dựng các chức năng, nhiệm vụ để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin; xây dựng – đánh giá – cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm phục vụ cho các hoạt động tự đánh giá chất lượng [H10.10.06.20].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CĐR của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự góp ý tâm huyết của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về CTDH, cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình dạy học. Các hoạt động cải tiến như sử dụng phương pháp truyền thông hiện đại để gia tăng số lượng phiếu khảo sát, thu hút nhiều hơn nữa các đối tượng khảo sát có thực hiện nhưng chưa đem lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ sẽ tiếp tục tham mưu Nhà trường cải tiến nội dung các phiếu khảo sát để đầy đủ, thiết thực, hiệu quả hơn trong việc lấy phiếu khảo sát của các bên liên quan, nhất là đối với người học, cựu SV, doanh nghiệp, chuyên gia về hoạt động dạy và học của CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Trong quá trình thực hiện khảo sát sẽ vận dụng phương pháp truyền thông hiện đại như mạng internet, facebook, zalo,... để kết nối và gia tăng số lượng phiếu khảo sát,

thu hút nhiều hơn nữa các đối tượng khảo sát để đầy đủ hơn và đem lại hiệu quả công tác khảo sát được cao hơn.

Bảng kế hoạch thực hiện

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật nội dung Phiếu khảo sát của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	P.QLCL, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	2023	
		Thực hiện khảo sát cựu sinh viên, doanh nghiệp thông qua mạng internet	P.QLCL, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ	2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến biểu mẫu, quy trình thực hiện, đánh giá và thực hiện khảo sát theo chu kỳ đối với cựu SV, doanh nghiệp.	P.QLCL, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ.	2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được Nhà trường và Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ quan tâm đặc biệt. Để thực hiện, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, GV của Nhà trường. Các thông tin thu thập được là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn cho người học.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, mỗi tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 5,0/7

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Việt Nam nói chung và khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng đang trong quá trình xây dựng và phát triển, nhu cầu xây dựng mới nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, từ đó nhu cầu nguồn nhân lực của ngành Kỹ thuật công trình xây dựng ngày càng lớn. Ngành KTXDCTGT là một trong số các ngành đào tạo có truyền thống của Trường ĐHXDMT khi Nhà trường còn đang là Trường Cao đẳng và đã khẳng định được thương hiệu đối với thị trường lao động trong cả nước mà đặc biệt là khu vực phía Nam. Sinh viên ngành KTXDCTGT của Nhà trường được đào tạo bài bản và được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Chính vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành KTXDCTGT tốt nghiệp và thi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV thi học của 4 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và sau 1 năm so với số sinh viên nhập học ngành KTXDCTGT

Khóa tuyển sinh	Số sinh viên nhập học	Tỷ lệ tốt nghiệp so với số sinh viên nhập học			Tỷ lệ sinh viên bỏ học
		Đúng hạn	Sau 1 năm	Tỷ lệ tốt nghiệp	
Khóa tuyển sinh 2013	75	56	2	75%	23%
Khóa tuyển sinh 2014	108	76	7	70%	23%
Khóa tuyển sinh 2015	105	59	8	56%	36%
Khóa tuyển sinh 2016	48	22	3	46%	48%
Khóa tuyển sinh 2017	67	23	10	34%	51%
Khóa tuyển sinh 2018	34	12	4	35%	53%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp, bỏ học của 5 khóa đầu tiên, có thể thấy đa số SV của ngành KTXDCTGT hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT, tỷ lệ SV thi học của ngành KTXDCTGT hàng năm chiếm tỷ lệ không nhiều (so với tổng số SV của khóa học). Nhìn chung, SV thi học tại khoa lý do gia đình có

những định hướng khác cho SV, hoặc các em có kế hoạch cá nhân khác [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04].

Nhà trường và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của sinh viên thông qua các buổi họp giao ban Cán sự lớp, các buổi Đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên, qua công tác cố vấn học tập, qua các buổi họp xét kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp. Cố vấn học tập của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Các số liệu về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết khóa học và được các đơn vị chức năng trong Nhà trường thảo luận kỹ càng để tìm ra nguyên nhân cũng như đề ra những giải pháp phù hợp để giúp nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm thiểu tỉ lệ thôi học trong sinh viên các khóa [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.09].

Kết quả về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đã được Nhà trường và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ tổ chức đối sánh giữa các năm học, đối sánh với các Trường ĐH có đào tạo ngành KTXDCTGT để từ đó đề ra những giải pháp, chính sách giúp cải thiện tình hình, nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ thôi học trong từng năm học [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], [H11.11.01.12], [H11.11.01.13], [H11.11.01.14], [H11.11.01.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử dụng phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học (phần mềm BSC);

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có một hệ thống thông tin đầy đủ và tin cậy về lý do SV thôi học, chậm tốt nghiệp để trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh cũng như định hướng công tác cố vấn học tập, định hướng quá trình học tập cho sinh viên ngay từ những học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có khảo sát sinh viên và các bên liên quan về lý do thôi học và tốt nghiệp chậm	QLCL Khoa KHKT-CN	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các cuộc họp đối thoại và giao ban hàng tháng	BGH CTSV Khoa KHKT-CN	Từ năm học 2023-2024
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập	CTSV Khoa KHKT-CN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2013, ngành KTXDCTGT của Nhà trường bắt đầu tuyển sinh trình độ đại học khóa đầu tiên và được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ với thời gian đào tạo được thiết kế là 5 năm [H11.11.02.01].

Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 5 năm, thời gian tối đa là 6,5 năm, thời gian tối thiểu là 4,5 năm. Tính đến hết năm 2022, sinh viên ngành KTXDCTGT của Trường ĐHXDĐT đã tốt nghiệp được 6 khóa, trung bình hàng năm có khoảng 65% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng Kỹ sư đúng thời hạn. Việc xác định, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được quy định rõ trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường mà trực tiếp là phòng Quản lý Đào tạo, phòng QLCL và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

Bảng 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTXDCTGT

Khóa/ ngành	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	Tổng số thời gian thực tế so với thời gian thiết kế
Khóa tuyển sinh năm 2013	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2014	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2015	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2016	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2017	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2018	5	4,5
Khóa tuyển sinh năm 2019	5	4,5

Qua bảng số liệu cho thấy, đa số SV của ngành KTXDCTGT hoàn thành CTĐT qua từng năm học đều ở mức trên 80%. Các sinh viên tốt nghiệp chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể kể ra như sau: nợ học phần trong CTĐT nên không đủ điều kiện tốt nghiệp; chưa hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học, Chứng chỉ Quốc phòng – An ninh và một số ít là do điều kiện cá nhân nên phải bảo lưu dẫn đến tốt nghiệp chậm tiến độ.

Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch, thông báo để SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Việc xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp được Nhà trường, phòng Quản lý Đào tạo, phòng QLCL, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ tổ chức từng học kỳ và kết quả được công bố rộng rãi đến người học thông qua website của Khoa, của Nhà trường, thông qua giảng viên cố vấn học tập [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Tại các cuộc họp xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp, các đơn vị liên quan trong Nhà trường đã thảo luận, phân tích, xác định các nguyên nhân làm cho sinh viên có kết quả học tập không tốt, không đáp ứng tiến độ, bị cảnh báo, buộc thôi học,... để từ đó triển khai xuống giảng viên cố vấn học tập, ban cán sự lớp và đến sinh viên để cùng nhau tìm ra các giải pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H11.11.02.09], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có tổng kết công tác đào tạo, tại các Hội nghị này, các số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và các vấn đề khác trong đào tạo đã được các bên liên quan trong Nhà trường thảo luận, phân tích tìm ra nguyên nhân và đề ra phương hướng hoạt động trong năm học tiếp theo, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao hiệu quả các công tác hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện thành tích học tập cũng như đảm bảo tiến độ đào tạo theo CTĐT [H11.11.02.12], [H11.11.02.13]. Nhà trường còn tổ chức các

hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập mỗi năm một lần, tại các hội nghị này, các giảng viên cố vấn sẽ trình bày những vấn đề gặp phải trong việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn, hỗ trợ sinh viên. Các bên liên quan cùng nhau thảo luận, phân tích, để từ đó đề ra các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên. Nhà trường cũng đã biên tập và thường xuyên cập nhật Sổ tay công tác cố vấn để giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập [H11.11.02.14].

Tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTXDCTGT được Nhà trường và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ tổ chức đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác có đào tạo ngành này để từ đó có những điều chỉnh về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và các hoạt động đào tạo khác cho phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo trong nước và quốc tế [H11.11.02.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

Chất lượng đầu vào của sinh viên Nhà trường trong những năm gần đây chỉ ở mức trung bình, tính chủ động của sinh viên chưa cao trong khi đặc thù kiến thức ngành nghề tương đối khó nên cũng đã gây khá nhiều khó khăn, áp lực đối với sinh viên để có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có quy định về đối sánh trong hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo ngành KTXDCTGT nói riêng;	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024
		Cần xây dựng cơ sở dữ	Các đơn vị	Từ năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		liệu, thông tin về tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, nguyên nhân bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình,... để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo	trong Nhà trường	2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò công tác cố vấn học tập	Khoa KHKT-CN Giảng viên	Từ năm học 2023-2024
		Xây dựng và ban hành sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong Nhà trường	Phòng CTSV, Khoa KHKT-CN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường do các Khoa và Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp, có nhiệm vụ nắm bắt tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên, quan hệ doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu việc làm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực đào tạo, hỗ trợ sinh viên trong việc tham quan, thực tập thực tế trong quá trình đào tạo [H11.11.03.01] [H11.11.03.02].

Phòng CTSV đã phối hợp với các Khoa, phòng Quản lý Đào tạo điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại mỗi đợt phát bằng tốt nghiệp. Bên cạnh việc điều tra việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp còn có các đợt điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường ở nhiều tỉnh thành trong khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Kết quả điều tra cho thấy trên 80% sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6

tháng và trên 95% sinh viên tốt nghiệp trong vòng 12 tháng [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Nhà trường và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ và các giảng viên luôn quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên ngành KTXDCTGT áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào thực tế, vì vậy SV sau khi tốt nghiệp có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với SV cùng chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo khác và được các đơn vị sử dụng đánh giá cao. Sinh viên ngành KTXDCTGT sau khi tốt nghiệp được tiếp nhận vào làm việc ở nhiều môi trường công việc khác nhau, với các mức thu nhập bình quân cao hơn mặt bằng thu nhập chung của xã hội [H11.11.03.05]. Cụ thể thông qua các bảng số liệu sau:

Bảng 11.3. Môi trường làm việc của sinh viên ngành KTXDCTGT sau khi tốt nghiệp

STT	Môi trường làm việc	Tỷ lệ phần trăm					
		Khóa 2013	Khóa 2014	Khóa 2015	Khóa 2016	Khóa 2017	Khóa 2018
1	Khu vực nhà nước	12,5%	0%	0%	0%	0%	27,27%
2	Khu vực tư nhân	87,5%	100%	100%	100%	100%	72,73%
3	Khu vực liên doanh/quốc tế	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Tự tạo việc làm	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Bảng 11.4. Mức thu nhập bình quân hàng tháng

STT	Mức thu nhập	Tỷ lệ phần trăm
1	Dưới 5 triệu	10%
2	Từ 5 đến 7 triệu	50%
3	Từ 7 đến 10 triệu	35%
4	Trên 10 triệu	5%

Qua bảng số liệu cho thấy, thu nhập bình quân hàng tháng của SV tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao từ trên 5 triệu. Có thể nói đây là mức thu nhập không cao, nhưng hoàn toàn phù hợp với SV mới tốt nghiệp, và phù hợp với mức thu nhập chung của thị trường lao động hiện nay.

Trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, Nhà trường, phòng CTSV đã tổ chức đối sánh với các Trường đại học khác trong cả

nước có đào tạo ngành KTXDCTGT, để từ đó có báo cáo đánh giá về xu hướng nghề nghiệp trong xã hội giúp cho việc định hướng công tác đào tạo đáp ứng với nhu cầu thế giới nghề nghiệp [H11.11.03.06], [H11.11.03.07].

Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp đã thực hiện tốt chức năng kết nối doanh nghiệp, tư vấn việc làm để hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Trung tâm thường xuyên nhận được nhiều đề nghị tuyển dụng từ các doanh nghiệp và chuyển tiếp thông tin tuyển dụng này đến sinh viên toàn trường một cách rộng rãi. Trung tâm cũng thường xuyên mời các đơn vị tuyển dụng đến tuyển dụng trực tiếp trong các đợt bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước khi sinh viên tốt nghiệp ra trường [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Nhà trường còn mở rộng sự hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác tuyển dụng uy tín trong lĩnh vực đào tạo, để từ đó giúp sinh viên có môi trường tham quan thực tế và tăng thêm cơ hội việc làm sau khi ra trường. Qua khảo sát, đa số các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng đánh giá cao chất lượng đào tạo của Nhà trường trong đó có ngành KTXDCTGT [H11.11.03.10], [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành quy trình khảo sát, thống kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm	BGH, Phòng CTSV	Năm học 2023 - 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Cần có quy định về việc đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	BGH, Phòng CTSV	Năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	Khoa, Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp	Năm học 2023 - 2024	
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai	Khoa, Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng được Nhà trường xác định là một trong những hoạt động chính để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó có đề ra chiến lược và giải pháp cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế [H11.11.04.01]. Nhà trường đã thành lập phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (KH&HTQT) để tham mưu xây dựng chính sách và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [H11.11.04.02]. Phòng KH&HTQT đã tham mưu cho BGH Nhà trường xây dựng và ban hành các quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên của Nhà trường, phối hợp với các đơn vị xây dựng chính sách tài chính dành cho các hoạt động khoa học, kể cả cho giảng viên và sinh viên. Cụ thể Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ

của Trường ĐHXĐMT; Quy định về tài chính trong NCKH của Trường ĐHXĐMT; Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường của Trường ĐHXĐMT; Quy định về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng kinh phí của Trường ĐHXĐMT; Quy định tài chính NCKH Sinh viên. Có thể nói, chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học trong Nhà trường nói chung và đối với nghiên cứu khoa học của sinh viên nói riêng là khá hoàn chỉnh và đồng bộ làm cơ sở cho sự phát triển bền vững [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05].

Với một lực lượng cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy của khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ còn tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu những công trình khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và trên Thông báo Khoa học công nghệ Nhà trường, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu về kiến thức chuyên sâu của nghề nghiệp, các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở,... [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học để giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành quy định về thu chi đối với hoạt động khoa học và đã tích hợp vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Trong từng năm học, Nhà trường đã ban hành quy trình về việc tổ chức đăng ký, xét chọn, triển khai, nghiệm thu đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, để đảm bảo các hoạt động khoa học đúng mục đích, đúng định hướng và việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học đạt hiệu quả cao nhất. Nhà trường còn có quy định thưởng cho các sinh viên/nhóm sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học được đánh giá ở mức xuất sắc, để động viên và thu hút sự tham gia nghiên cứu của sinh viên [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Các số liệu về nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng đã được thống kê, báo cáo và đối sánh nội bộ cũng như đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác, để các bên liên quan nắm bắt tình hình, từ đó thảo luận và đề xuất phương hướng hoạt động khoa học của Nhà trường từng bước phát triển, đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học [H11.11.04.12], [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15].

Bảng 11.5. Thống kê số lượng người học tham gia NCKH

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	

Từ 1 đến 3 đề tài			84	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			84	

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học sinh viên nói riêng còn hạn chế.

Công tác đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế chưa được tổ chức bài bản và có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nguồn lực tài chính để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển cả về chất lượng và số lượng nghiên cứu	BGH, Phòng KH-TC	Từ năm học 2023-2024
		Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về hoạt động khoa học trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	manh	quốc tế			
		Tiếp tục nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan được Nhà trường và Khoa Cầu đường tổ chức thường xuyên, để có cơ sở xây dựng các chính sách đảm bảo chất lượng cho các mặt hoạt động của Nhà trường. Căn cứ vào Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, BGH Nhà trường đã thành lập và phân công các đơn vị phụ trách công tác lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường. Hiện tại công tác này được giao cho phòng QLCL, phòng CTSV phụ trách. Nhà trường đã ban hành các Quy định về việc lấy ý kiến người học về công tác phục vụ, về công tác phục vụ, về thực hành, thí nghiệm, về khóa học và về khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H11.11.05.01].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, giảng viên, người lao động vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới, góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Việc lấy ý kiến được tổ chức dân chủ, thẳng thắn dưới sự chủ trì của Công đoàn và BGH Nhà trường [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Nhà trường đã ban hành quy định về lấy ý kiến sinh viên đang theo học do phòng QLCL phụ trách. Việc lấy ý kiến của sinh viên được tổ chức định kỳ theo học kỳ và cả năm học và trước lúc sinh viên ra trường. Ngoài ra, Nhà trường còn duy trì các cuộc họp giao ban công tác sinh viên hàng tháng và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên được tổ chức hàng năm do phòng CTSV phụ trách tổ chức [H11.11.05.04], [H11.11.05.05].

Việc lấy ý kiến sinh viên sau khi ra trường được giao cho phòng Quản lý đào tạo của Nhà trường phụ trách. Nhà trường đã tổ chức nhiều đợt lấy ý kiến của sinh viên sau khi ra trường trong vòng 6 tháng ngay tại buổi lễ trao bằng tốt nghiệp và một

số đợt khảo sát mở rộng trên địa bàn các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và Khu vực phía Nam kết hợp với việc khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, người sử dụng lao động để phục vụ cho việc xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng các chính sách đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội [H11.11.05.06], [H11.11.05.07].

Qua các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan như đã trình bày ở trên, có thể nói công tác này đã được Nhà trường rất quan tâm và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống. Các kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đã được các đơn vị trong trường tổ chức thảo luận, phân tích, đánh giá và đối sánh với kết quả khảo sát nội bộ, đối sánh với mức độ hài lòng ở các trường khác có đào tạo chung nhóm ngành KTXDCTGT, để có cơ sở xây dựng các chính sách đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nhìn chung, mức độ hài lòng các bên liên quan trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường đều đạt trên 80% [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11].

Từ kết quả khảo sát, ý kiến thảo luận các bên liên quan, kết quả đối sánh nội bộ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường và khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ đã tham mưu cho BGH Nhà trường cập nhật, cải tiến các chính sách về hoạt động đào tạo, về hoạt động khoa học công nghệ, về phát triển các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, tư vấn hướng nghiệp, cải tiến các công cụ đảm bảo chất lượng đào tạo... khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ đã xây dựng Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng vào năm 2018 theo yêu cầu của công việc thực tế, của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ngành KTXDCTGT [H11.11.05.12], [H11.11.05.13], [H11.11.05.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát trong việc đổi mới, cải tiến các chính sách còn một số hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do nguồn lực có hạn.

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nguồn lực để thực hiện việc cải tiến chính sách trong các hoạt động của Nhà trường đáp ứng theo yêu cầu của các bên liên quan	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
		Thực hiện tốt công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan để có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành, cải tiến chính sách hướng đến đáp ứng xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo đại học	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Đánh giá đầu ra của SV có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá kết quả của quá trình đào tạo. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Phòng Quản lý Đào tạo, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học hàng năm để đánh giá và xem xét lại hoạt động đào tạo thông qua báo cáo tổng kết các năm học, báo cáo tổng kết khóa học. Thời gian thiết kế cho ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông 5 năm là hợp lý. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm hoặc học tiếp cao học là khá cao. Triển vọng việc làm của SV tốt nghiệp ở mức tốt. Nhiều hoạt động khuyến khích NCKH của SV. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của SV sau 1 năm ra trường khá cao. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được

thiết lập, giám sát.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 5,0/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là dịp để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ nói riêng tự đánh giá chất lượng các hoạt động của đơn vị. Qua đó thấy được những ưu nhược điểm trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của Khoa và của các phòng ban liên quan. Từ việc đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Trường và Khoa đã tổng hợp những ưu nhược điểm và đề xuất phương hướng hành động như sau:

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

3.1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu CTĐT được sự ủng hộ chủ trương của Đảng bộ, Ban giám hiệu nhà trường, tập thể lãnh đạo, giảng viên khoa Hạ tầng Kỹ thuật – Công nghệ cũng như các phòng, khoa liên quan. Mục tiêu CTĐT được xây dựng bám sát các văn bản thông tư nghị định của các Bộ GDĐT, Bộ Xây Dựng; được cập nhật, lấy ý kiến từ các Tập đoàn lớn về lĩnh vực xây dựng Công trình giao thông như Tập đoàn Đèo Cả, tập đoàn Hòa Bình. Mục tiêu CTĐT cũng được đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cao tốt nghiệp tại các trường đại học uy tín trong cả nước, và nghiên cứu sinh của khoa đang học tập tại nước ngoài tham gia đóng góp ý kiến.

CĐR chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện tại đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, khoa Hạ tầng Kỹ thuật – Công nghệ chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng như kỹ sư tư vấn thiết kế, kỹ sư thi công, kỹ sư giám sát công trình, kỹ sư quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng mà nhu cầu xã hội đang cần.

- Chuẩn đầu ra đã cập nhật trong chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo;

- Có tham vấn ý kiến của giảng viên chuyên ngành trong đơn vị, các doanh nghiệp sử dụng lao động kỹ sư cầu đường, cựu sinh viên, các sở ban ngành và các trường đại học có cùng chuyên ngành đào tạo;

- Chương trình đào tạo được cập nhật rà soát điều chỉnh hàng năm để phù hợp với nhu cầu của xã hội;

Chuẩn đầu ra CTĐT công khai trực tiếp trên cổng thông tin của Nhà trường.

3.1.2. Về bản mô tả CTĐT

- Bản đặc tả CTĐT đại học được làm đúng theo hướng dẫn của bộ giáo dục đào tạo đầy đủ thông tin; Người học thấy được lộ trình của toàn khóa học các kiến thức từ đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, các học phần tích lũy kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành, thực hành thực tập, thực tập cuối khóa và đồ án tốt nghiệp qua trang thông tin điện tử của nhà trường, sổ tay sinh viên, tờ rơi, tài liệu quảng bá về CTĐT, qua đề cương chi tiết của các học phần đào tạo.

Bản đặc tả CTĐT thường xuyên được cập nhật thông qua ý kiến khảo sát của các bên liên quan, kết quả đối sánh.

Đề cương chi tiết ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được viết rất cụ thể. Đề cương có nhiều cập nhật về nội dung phù hợp với chuẩn đầu ra sau khi lắng nghe góp ý của các chuyên gia, doanh nghiệp có sử dụng lao động, cập nhật cải tiến.

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua sổ tay sinh viên, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do giảng viên cung cấp trực tiếp đến sinh viên.

3.1.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học đại học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của từng học phần phù hợp, góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng có quan hệ mật thiết với nhau. Có sự tương thích điều kiện học phần trước, song hành, điều kiện tiên quyết. Bảo đảm các học phần có tính khoa học, không trùng khớp.

Chương trình dạy học thường xuyên được rà soát, bổ sung và đánh giá theo định kỳ 2 năm 1 lần. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo đối sánh với chương trình dạy học một số trường uy tín trong nước có cùng chuyên ngành đào tạo.

3.1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến người học, GV và cộng đồng, xã hội.

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo

hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

Chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin.

Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3.1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với NH của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CDR từng học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả NH của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa các chuyên ngành trong CTĐT.

Kết quả học tập của NH được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của NH

CVHT quan tâm đến tình hình học tập của NH, nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập của NH nên tư vấn kịp thời cho NH.

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của NH về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho NH khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giảng viên được Nhà trường thực hiện dài hạn theo chiến lược phát triển của Trường là phù hợp với xu hướng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo theo kế hoạch trung hạn (2018-2023, 2023-2028), giúp định hướng đội ngũ kế cận, những giảng viên trẻ chuẩn bị các điều kiện để có thể đảm nhận công việc chuyên môn và quản lý.

Nhà trường có các tiêu chí rõ ràng để đo lường, đánh giá khối lượng công việc của giảng viên, làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua khen thưởng. Đội ngũ giảng viên tận tụy, trách nhiệm, chuyên môn tốt đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng đào tạo.

Nhà trường có Quy chế tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với giảng viên trong đó quy định những tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên rõ ràng, phân đấu theo lộ trình phù hợp, giảng viên phải đạt trình độ về các mặt giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và rèn luyện, và các hoạt động chuyên môn khác.

Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên đầy đủ và bài bản. Công tác đào tạo bồi dưỡng giảng viên và kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ giảng viên có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình đào tạo một cách có hiệu quả.

Trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đã có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo giảng viên trình độ sau đại học.

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn chỉnh hệ thống định mức về thời gian làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho từng chức danh cụ thể. Đã xây dựng được quy chế thi đua, khen thưởng nhằm động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân và tổ chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đã có nhiều chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học. Khoa Xây dựng xác định hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc, cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và là một trong những thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên, từ đó số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu ngày một nâng cao.

3.1.7. Về đội ngũ nhân viên

Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có chiến lược, có kế hoạch phát triển rõ ràng, công khai minh bạch dựa trên hiện trạng và yêu cầu phải đáp ứng trong tương lai của từng vị trí việc làm.

Quy định chung về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển chọn chặt chẽ, công khai, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị cơ sở và hướng tới phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình và phương pháp đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ theo từng tháng, từng năm một cách rõ ràng, khoa học.

Nhà trường đã có quy định và có kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ hàng năm một cách chủ động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng vị trí việc làm.

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị công việc được triển khai tích cực trong Nhà Trường và Khoa Cầu đường.

3.1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú....;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDMT nói chung và của khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường ĐHXDMT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành KTXDCTGT nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hàng năm.

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn,... tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học,.. Các dữ

liệu này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường.

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên;

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, ... để kịp thời nắm bắt thông tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học.

Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên;

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc.

3.1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Trường nói chung và của Khoa Cầu đường nói riêng.

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

- Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

- Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông có thời gian đào tạo hơn 16 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, phòng thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận

QTTB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

- Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng.

3.1.10. Về nâng cao chất lượng

Hàng năm, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Định kỳ 2 năm/lần, Khoa tiến hành khảo sát các Doanh nghiệp, cựu sinh viên, các chuyên gia đầu ngành nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

Đặc biệt, Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận Doanh nghiệp, đơn vị thi công để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế công việc để thường xuyên cập nhật CTDH; Ký kết hợp tác với các công ty phần mềm chuyên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên được nghiên cứu, sử dụng, thực hành một cách thành thạo, đáp ứng tốt yêu cầu công việc khi tốt nghiệp đi làm.

Nhà trường đã ban hành quy trình để thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đồng thời có sự rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông do Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ quản lý đã được tổ chức đúng theo quy trình. Quá trình thực hiện có sự tham gia đầy đủ các bên có liên quan như các chuyên gia uy tín trong ngành, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và

nhà tuyển dụng. Do đó, CTDH đảm bảo được theo CĐR, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Nhà trường đã ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ đã phối hợp với các đơn vị chức năng thường xuyên lấy phiếu khảo sát từ người học, cựu người học về CTDH và quá trình giảng dạy trên lớp đối với giảng viên giúp Khoa và Nhà trường đánh giá đúng quá trình dạy học, đánh giá kết quả dạy học, rà soát, thay đổi hình thức thi, kiểm tra kịp thời đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo tương thích với CĐR.

Ngoài ra, định kỳ Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ tổ chức họp để đánh giá về quá trình dạy học của giảng viên trên lớp về phương pháp dạy học cho từng học phần cụ thể cũng như thực hiện kiểm tra việc ra đề thi, chấm thi các học phần, xem xét các ý kiến phản hồi của người học từ đó có sự hiệu chỉnh để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

NCKH của các giảng viên khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ trong những năm qua tập trung phần lớn là nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi của các học phần trong CTĐT nên kết quả của các đề tài sau khi nghiệm thu đều được giảng viên và người học áp dụng trong năm học sau, điều này góp phần nâng cao chất lượng quá trình dạy học của Khoa và Nhà trường.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy thí nghiệm, tài liệu học tập,...nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CĐR của CTDH.

3.1.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học

(phần mềm BSC);

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng.

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo Khoa Cầu đường, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

3.2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Việc lấy ý kiến các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn về mục tiêu CTĐT còn nhiều khó khăn so với quy định về luật giáo dục đại học sửa đổi luật số 34/2018/QH 14. Mục tiêu CTĐT được gửi đến từng sinh viên, nhưng một số sinh viên còn thờ ơ, chưa chủ động nắm bắt mục tiêu CTĐT để có định hướng học tập đúng đắn.

Việc thu thập thông tin, khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được bao quát và đầy đủ về CDR. Một số CDR phù hợp với đặc thù công việc của người học khác nhau. Lý do là vì người học sau khi tốt nghiệp đi làm việc ở nhiều vị trí khác nhau. Ngoài ra, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học trong công việc chưa thật sự tốt khi so sánh với người học tốt nghiệp tại các thành phố lớn.

- Việc tiếp nhận thông tin phản hồi của người học sau khi ra trường, doanh

nghiệp còn chưa rộng rãi, bao quát đa dạng;

Một số CĐR của chương trình đào tạo là hơi nặng so với sinh viên có học lực trung bình yếu.

3.2.2. Về bản mô tả CTĐT

Bản đặc tả cần cập nhật những nội dung mới và có kế hoạch rà soát điều chỉnh từng giai đoạn cụ thể. Cần hướng dẫn cụ thể cho người học nắm được bản đặc tả chương trình đào tạo.

Đề cương chi tiết vì đáp ứng chuẩn đầu ra nhu cầu xã hội ngày càng yêu cầu cao. Do đó để đáp ứng được CĐR, Nhà trường và khoa cần quan tâm thêm việc nâng cao chất lượng đào tạo như: Đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường kỹ năng thực hành, thực tập. Đưa sinh viên thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp tham gia các dự án thực tế để trau dồi thêm kỹ năng làm việc, chăm sóc sinh viên kỹ năng học tập đại học, tạo sân chơi học thuật, thể thao kết nối, đầu tư trang thiết bị máy móc thực hành, thực nghiệm.

Nội dung bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần chưa thực sự nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

3.2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Một số CĐR của CTĐT còn mang nặng hình thức cần tinh gọn nhằm tập trung đáp ứng yêu cầu CĐR về kiến thức nền tảng, chuyên môn, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, mức tự chủ và trách nhiệm.

Kỹ năng mềm tự lập kế hoạch, tự học đại học của CTĐT còn thiếu giúp sinh viên định hình được phương pháp học tập hiệu quả để đạt được CĐR của Nhà trường.

Phương pháp giảng dạy, đánh giá người học ở các học phần còn tính chủ quan của người biên soạn học phần. Ngoài ra quy trình giám sát, thực thi nội dung giảng dạy từng học phần chưa được đảm bảo thực hiện.

CTĐT còn chưa được tích hợp linh hoạt theo nhu cầu của thời đại, còn nặng về kiến thức đại cương, kiến thức ngoại ngữ tin học được dạy trong CTĐT với thời lượng hơi ít so với một số CTĐT của các CSGD khác. CTĐT chưa đối sánh được với một số CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới.

3.2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục tuy được phổ biến rộng rãi, tuy nhiên vẫn còn nhiều cán bộ, GV và người học chưa hiểu rõ hết ý nghĩa và mục tiêu giáo dục của ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

3.2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Chưa áp dụng mạnh mẽ những hình thức kiểm tra, thi thể hiện tư duy độc lập, phát triển tính sáng tạo tích cực của NH.

Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa thể thống nhất tập trung về thời gian, nội dung giữa các lớp.

Công tác rà soát, nội dung đề án các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

Chưa có phần mềm quản lý học phần, đăng ký học phần nên việc giải quyết các vấn đề học vụ như rút học phần, đăng ký học phần cho SV học cải thiện còn chậm.

Một số NH còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu, chưa tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa. Các cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng một cách đơn lẻ, nên chưa phát huy hết sức mạnh.

Công tác nghiên cứu mang tính ứng dụng của giảng viên Nhà trường đã có nhưng còn ít, quy định về tính giờ khoa học còn lỏng lẻo nên giảng viên dễ dàng hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học.

Số giảng viên phấn đấu đi nghiên cứu sinh chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ của giảng viên còn thấp.

Công tác đánh giá tính ứng dụng của các đề tài NCKH để phục vụ giảng dạy chưa rõ ràng, nhiều đề tài khoa học có tính ứng dụng chưa cao. Trình độ Tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều.

Việc đào tạo, bồi dưỡng GV ở nước ngoài còn hạn chế. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hình thức tập trung chưa đáp ứng tốt yêu cầu của GV.

Chưa có công cụ đo lường sự đóng góp của các nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

Số lượng các bài báo quốc tế còn ít so với tiềm năng của Khoa. Cần nâng cao hơn nữa số lượng bài báo quốc tế, đặc biệt là các bài báo quốc tế có thứ hạng cao trong hệ thống ISI hoặc Scopus để nâng cao vị thế của trường.

3.2.7. Về đội ngũ nhân viên

Một bộ phận không nhỏ chuyên viên, nhân viên khối phục vụ còn ngại đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

Chưa có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên khối phục vụ theo vị trí việc làm một cách bài bản và đạt hiệu quả cao.

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn nhưng còn thiếu về kỹ năng, năng lực tổng hợp, nhất là các vấn đề có liên quan đến công tác hỗ trợ sinh viên của Trường.

Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của đội ngũ chuyên viên, nhân viên còn thấp, còn nhiều nhân viên chưa tích cực trong việc trong việc học tập trang bị thêm khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Các phong trào thi đua chưa được phong phú, phong trào thi đua mang tính chất chuyên đề chưa được tổ chức thường xuyên để tạo động lực cho mọi đối tượng trong Nhà trường.

3.2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các chính sách, quy định về tuyển sinh vẫn còn thực hiện chung trong toàn trường mà chưa hình thành hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Cầu đường và ngành KTXDCTGT.

Chưa có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành KTXDCTGT.

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người học.

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn;

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng;

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

Hệ thống máy móc thiết bị, một số đã cũ và hư hỏng cần được đầu tư mua sắm mới phù hợp với nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng;

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

3.2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường, phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh.

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Khuôn viên của trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

3.2.10. Về nâng cao chất lượng

Công tác khảo sát thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được triển khai chưa thật sự bài bản; Số lượng khảo sát còn ít, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức; Nhiều công ty chưa thực sự quan tâm khi phản hồi các ý kiến đóng góp; Một số ý kiến phản hồi rất thực tế, đúng đắn nhưng Nhà trường và Khoa chưa thể cải tiến, khắc phục được.

Một số ý kiến của sinh viên, cựu người học, doanh nghiệp không tập trung nên Báo cáo khảo sát làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTDH có tính chủ quan; Việc triển khai khảo sát, thu thập thông tin, tổ chức các buổi Hội thảo do Khoa thực hiện còn hạn chế.

Việc tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy, học tập, chia sẻ kinh nghiệm đối với GV và NH còn hạn chế, chưa được tổ chức rộng rãi và thường xuyên.

Phần lớn các đề tài của Khoa Hạ tầng kỹ thuật- Công nghệ có qui mô cấp trường, việc thực hiện đề tài cấp tỉnh, cấp bộ còn rất hạn chế.

Việc khảo sát về chất lượng các dịch vụ và hỗ trợ chỉ mới dừng lại đối với sinh viên đang học mà chưa tiến hành khảo sát đối với cựu sinh viên. Kết quả khảo sát từ người học cho thấy nhiều sinh viên chưa hài lòng về một số tiện ích phục vụ của Nhà trường như không gian, cảnh quan môi trường học tập trong khuôn viên Trường còn quá đơn điệu; thư viện, ký túc xá, căngteen tại cơ sở B còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cho người học.

Chưa có sự góp ý tâm huyết của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về CTDH, cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình dạy học. Các hoạt động cải tiến như sử dụng phương pháp truyền thông hiện đại để gia tăng số lượng phiếu khảo sát, thu hút nhiều hơn nữa các đối tượng khảo sát có thực hiện nhưng chưa đem lại hiệu quả cao.

3.2.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường chưa có một hệ thống thông tin đầy đủ và tin cậy về lý do SV thôi học, chậm tốt nghiệp để trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh cũng như định hướng công tác cố vấn học tập, định hướng quá trình học tập cho sinh viên ngay từ những học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo.

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

Chất lượng đầu vào của sinh viên Nhà trường trong những năm gần đây chỉ ở mức trung bình, tính chủ động của sinh viên chưa cao trong khi đặc thù kiến thức ngành nghề tương đối khó nên cũng đã gây khá nhiều khó khăn, áp lực đối với sinh viên để có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

Nhà trường chưa ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược,

chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Việc phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát trong việc đổi mới, cải tiến các chính sách còn một số hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do nguồn lực có hạn.

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý mới của các bộ ngành liên quan đến mục tiêu CTĐT; Thường xuyên khảo sát doanh nghiệp để cập nhật rà soát mục tiêu CTĐT.

Thường xuyên thu thập thông tin các đơn vị có sử dụng sinh viên tốt nghiệp khoa Hạ tầng kỹ thuật - Công nghệ; Thường xuyên thu thập thông tin cựu sinh viên.

Nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin

3.3.2. Về bản mô tả CTĐT

Chỉnh sửa, cập nhật nội dung mới trong bản đặc tả. Thường xuyên cập nhật đề cương chi tiết đa dạng thực hành thực tập nhiều hơn; Tiếp tục cập nhật bản đặc tả chương trình đào tạo lên web Khoa.

Đổi mới phương pháp giảng dạy. Tiếp tục bổ sung kiến thức mới phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Thiết kế điều chỉnh bảng khảo sát rõ ràng hơn; Gửi bảng khảo sát trực tiếp đến từng người.

Tiếp tục bổ sung theo những quy định mới của Bộ giáo dục đào tạo

3.3.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tinh gọn CDR theo cụm kiến thức. Bổ sung, cập nhật thêm các học phần mang tính định hướng trau dồi về kỹ năng mềm.

Phương pháp giảng dạy và học cần cập nhật bổ sung để giúp người học đạt được CDR nhanh nhất.

Cập nhật bổ sung một số học phần phục vụ cho định hướng của chính phủ BXD như BIM, VLXD xanh, bê tông tính năng cao...

Tăng cường thời lượng các học phần về khoa học máy tính, xử lý dữ liệu, ngoại ngữ chuyên ngành, giảng dạy một số HP bằng tiếng Anh.

Tích cực rà soát bổ sung, cập nhật tối thiểu 2 năm 1 lần CTĐT nhằm đảm bảo tính tích hợp, logic.

3.3.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giải thích cho GV, SV, đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, đăng tải thông tin, triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục.

Tăng cường cố vấn phương pháp học tập và nghiên cứu ở môi trường đại học. Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm học tốt cho sinh viên năm đầu cũng như toàn khoa. Tăng cường các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học.

3.3.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần; Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng, phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra.

Các bộ môn xây dựng ngân hàng các đề thi giữa kỳ, cuối kỳ, phân công cán bộ hỗ trợ cùng cán bộ giảng dạy trong kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

Lấy ý kiến phản hồi của NH về các quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Thường xuyên tổ chức tập huấn công tác CVHT.

Cần có phần mềm quản lý các công tác liên quan đến học vụ như đăng ký, hủy đăng ký học phần cho sinh viên. Tiếp tục công bố rõ ràng và thường xuyên về Quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên trang cá nhân của SV.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Lập nhóm nghiên cứu và tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa, đáp ứng nhiệm vụ khoa học.

Cần rà soát lại “Quy định nghiên cứu khoa học”, quy định rõ, cụ thể chất lượng của NCKH khi tính giờ định mức NCKH.

Rà soát “Đề án việc làm”, nhằm cụ thể hóa năng lực của các ứng viên trong đó đặc biệt chú trọng về tiêu chuẩn học thuật, về ngoại ngữ.

Xây dựng chính sách khuyến khích đưa các kết quả NCKH vào phục vụ giảng dạy và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Xây dựng đề án ngoại ngữ, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường.

Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ đi học nghiên cứu sinh, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao về trường công tác. Dành nguồn lực tài chính thích đáng cho việc mời chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước giảng dạy và làm việc với các nhóm nghiên cứu tại trường.

Hoàn thiện công cụ đánh giá và các biện pháp khen thưởng cho những nghiên cứu có tính ứng dụng cao.

3.3.7. Về đội ngũ nhân viên

Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ, từ đó xây dựng khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ. Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.

Đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ là một nhiệm vụ thường xuyên hàng năm. Và ban hành tiêu chuẩn phân đấu để đạt được khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo và xác định lại khung năng lực về việc sử dụng tiếng Anh đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên.

Nhà trường cần giao cho tổ chức Công đoàn đảm nhận công tác thi đua lao động tăng năng suất, hiệu quả công việc một các thường xuyên và nội dung phong phú hơn. Tiếp tục hoàn thiện công tác thi đua, gắn thi đua với việc tạo động lực làm việc và tăng thu nhập cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ.

3.3.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Thực hiện việc điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh đối với ngành KTXDCTGT. Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên.

Cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành KTXDCTGT.

Chuyên nghiệp hóa công tác cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên.

Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm riêng theo từng chuyên đề.

Cần dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A.

Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB.

Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp. Ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.3.10. Về nâng cao chất lượng

Duy trì khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên 2 năm/lần; Duy trì tổ chức hội thảo về CTDH 1 năm/ lần; Duy trì khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm cuối về CTDH 1 năm/ lần; Duy trì hoạt động cho sinh viên đi tham quan, thực tế tại các công trình và đến các công ty để thực tập.

Thường xuyên rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình quy trình thiết kế và phát triển CTDH; Duy trì việc cập nhật, chỉnh sửa CTDH 2 năm/lần.

Duy trì việc khảo sát lấy ý kiến NH; duy trì thanh tra việc giảng dạy, ra đề, chấm thi; Thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH.

Tiếp tục duy trì và phát huy việc đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH của GV và SV đều đặn hàng năm.

Tiếp tục duy trì và ký kết hợp tác với nhiều Công ty, doanh nghiệp hơn nữa nhằm tạo điều kiện cho người học dễ dàng tiếp cận trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Tiếp tục cải tiến biểu mẫu, quy trình thực hiện, đánh giá và thực hiện khảo sát theo chu kỳ đối với cựu SV, doanh nghiệp.

3.3.11. Về kết quả đầu ra

Tiếp tục duy trì các cuộc họp đối thoại và giao ban hàn thắm; Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập; xây dựng và ban hành Sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong Nhà trường.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường; Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và quốc tế; nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Mã: XDT

Tên CTĐT: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Mã CTĐT: **7580205**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100

Tiêu chí 4.1				5					
Tiêu chí 4.2				5					
Tiêu chí 4.3				5					
Tiêu chuẩn 5									
Tiêu chí 5.1				5				4,80	5
Tiêu chí 5.2				5					
Tiêu chí 5.3				5					
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5			4						
Tiêu chuẩn 6									
Tiêu chí 6.1			4					4,29	7
Tiêu chí 6.2			4						
Tiêu chí 6.3			4						
Tiêu chí 6.4			4						
Tiêu chí 6.5			4						
Tiêu chí 6.6			5						
Tiêu chí 6.7			5						
Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1		4						4,60	5
Tiêu chí 7.2			5						
Tiêu chí 7.3		4							
Tiêu chí 7.4			5						
Tiêu chí 7.5			5						
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1			5					5,20	5
Tiêu chí 8.2			5						
Tiêu chí 8.3				6					
Tiêu chí 8.4			5						

Tiêu chí 8.5				5							
<i>Tiêu chuẩn 9</i>											
Tiêu chí 9.1					6						
Tiêu chí 9.2				5					5,20	5	100
Tiêu chí 9.3				5							
Tiêu chí 9.4				5							
Tiêu chí 9.5				5							
<i>Tiêu chuẩn 10</i>											
Tiêu chí 10.1				5							
Tiêu chí 10.2				5							
Tiêu chí 10.3				5					5,0	6	100
Tiêu chí 10.4				5							
Tiêu chí 10.5				5							
Tiêu chí 10.6				5							
<i>Tiêu chuẩn 11</i>											
Tiêu chí 11.1				5							
Tiêu chí 11.2				5					5,0	5	100
Tiêu chí 11.3				5							
Tiêu chí 11.4				5							
Tiêu chí 11.5				5							
Đánh giá chung CTĐT								4,74	50	100,00	

Phú Yên, ngày 15 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
 - Tiếng Anh: Mientrung University of Civil Engineering
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHXDMT
 - Tiếng Anh: MUCE
3. Tên trước đây: (Trước năm 2011) Trường Cao đẳng Xây dựng số 3
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng
5. Địa chỉ
 - Khu A: 24 Nguyễn Du, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
 - Khu B: 195 đường Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
 - Phân hiệu Đà Nẵng: 544b Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0257)3823371 Số fax: (0257)3822628
7. E-mail: truongdaihocxaydungmientrung@muce.edu.vn
Website: <http://www.muce.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2011
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2013
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2018
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không có

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ
 - Tiếng Anh: Faculty of Infrastructure Engineering - Technology
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Bộ môn Cầu đường
 - Tiếng Anh: Road & Bridge Department
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Cầu đường.
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.
 - Tiếng Anh: Transportation construction Engineering.

16. Mã CTĐT: **7580205**

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 4 nhà Hiệu bộ, 195 đường Hà Huy Tập, xã Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

19. Số điện thoại liên hệ: (0257)3821041

20. E-mail: khoahatangkythuatcongnghe@muce.edu.vn

Website: <https://khoahatangkythuatcongnghe.muce.edu.vn/>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2012

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2018

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Ngày 15 tháng 10 năm 2007, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Số 3 ra Quyết định số 412/QĐ-CĐXD3 thành lập bộ môn Cầu đường, nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng ngành Cầu đường, đáp ứng nhu cầu cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1279/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Trung trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 thuộc Bộ Xây dựng. Sau 5 năm hình thành và phát triển, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Ngày 04 tháng 7 năm 2012 Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ra Quyết định số 426/QĐ-ĐHXDMT thành lập khoa Cầu đường.

Khoa Cầu đường thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung bao gồm hai bộ môn: Đường ô tô và Đường đô thị, bộ môn Cầu và Công trình Ngầm, được tách ra từ khoa Kỹ thuật Hạ Tầng Đô Thị. Phụ trách Khoa là ThS. Đinh Văn Vinh, kiêm Trưởng bộ môn Cầu và Công trình Ngầm. Phụ Trách Bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị là ThS. Lê Đức Quân. Đến năm 2015, Bộ môn Địa kỹ thuật xây dựng được chuyển sang Khoa Cầu đường. Khoa Cầu đường có hoàn thiện bộ máy gồm 1 Phụ Trách khoa, 1 phó khoa, 3 trưởng bộ môn, 1 trợ lý khoa và 1 thư ký. Bên cạnh cơ cấu tổ chức về mặt chính quyền, Khoa Cầu đường hiện nay có 1 Chi bộ Đảng, 1 Công đoàn bộ phận, 1 Chi đoàn giảng viên. Cùng với sự phát triển chung của nhà trường, Khoa Cầu đường không ngừng lớn mạnh về chất lượng đội ngũ viên chức, từ tháng 11/2019, khoa Cầu đường có 02 bộ môn trực thuộc với tổng số cán bộ, giảng viên là 23 người, trong đó có 4 tiến sĩ, 18 thạc sĩ và 1 cử nhân và 1 nghiên cứu sau Tiến Sĩ tại Úc. Trưởng Khoa là

Tiến Sĩ Nguyễn Kim Cường, kiêm nhiệm trưởng bộ môn Cầu và công trình Ngầm.
ThS. Lê Đức Quân phó bộ môn, phụ trách bộ môn Đường ôTô và Đường đô thị.

Thực hiện sứ mệnh của Nhà trường giai đoạn 2025- 2030, đáp ứng nhu cầu phát triển của Đất nước và trong khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Đảng ủy, Hội đồng trường đã thực hiện việc tái cấu trúc bộ máy các đơn vị trong trường. Do đó, khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ (HTKT-CN) được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHXDMT ngày 16/1/2024, TS Nguyễn Kim Cường là Trưởng khoa. Khoa được hình thành từ sát nhập từ 02 khoa Cầu đường và khoa Kỹ thuật hạ tầng đô thị cùng với bộ môn Công nghệ thông tin. Hiện nay, Khoa HTKT-CN có đào tạo trình độ đại học với 6 ngành và 10 chuyên ngành chi tiết như sau:

- Ngành Kỹ thuật công trình giao thông

- ✓ Chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng cầu đường;
- ✓ Chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong Cầu đường;
- ✓ Chuyên ngành Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông.

- Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

- Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

- Ngành Công nghệ thông tin

- ✓ Chuyên ngành Công nghệ thông tin;
- ✓ Chuyên ngành Công nghệ phần mềm;
- ✓ Chuyên ngành Quản trị mạng và an toàn hệ thống thông tin.

- Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

- Ngành Kỹ thuật cơ điện tử

Cơ cấu tổ chức của khoa bao gồm:

- Có 1 Chi bộ, 1 chi ủy;
- Cấp chính quyền có 1 trưởng khoa; 4 Trưởng Bộ môn; 1 thư ký và 2 trợ lý khoa; Có 4 bộ môn.
- Nhân sự Khoa bao gồm: 31 người trong đó
 - + Trình độ Tiến sỹ: 11 người
 - + Thạc sỹ: 18 người
 - + Đại học: 2 người

Trong đó, có nhiều giảng viên đã và đang theo học đúng ngành nghề ở các nước có nền giáo dục phát triển. Ngoài ra, tuổi đời trung bình hiện nay của đội ngũ giảng viên Khoa HTKT-CN là 35 tuổi, đây là độ tuổi khá lý tưởng đảm bảo về kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe để công tác.

Ban đầu do sự dịch chuyển cơ cấu nhân sự, nhiều Thầy/Cô đi học nâng cao trình độ, dẫn đến khoa chưa đủ nhân sự để đào tạo toàn khóa học. Một số thầy cô đảm

nhiệm nhiều vị trí, giảng dạy nhiều học phần khác nhau. Tuy nhiên hiện nay, Nguồn nhân lực khoa tương đối mạnh với 11 Tiến sỹ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước với chuyên môn phù hợp đứng chủ trì các ngành trong khoa, trong đó có một số giảng viên đi nghiên cứu sau Tiến sỹ để cập nhật tiếp cận trình độ kiến thức các trường trên thế giới với chương trình đào tạo trong Nhà trường. Do đó, số lượng giảng viên tương đối ổn định có thể đảm nhận hầu hết các học phần chuyên ngành và một số học phần cơ sở ngành.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực Xây dựng, Công trình hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật ô tô, kỹ thuật điều khiển tự động hóa có trình độ kỹ sư chính quy cho khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và trong cả nước, có khả năng học tập nâng cao trình độ Thạc sỹ, Tiến Sỹ trong và ngoài nước. Khoa HTKT- CN không ngừng nỗ lực và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cập nhật phương pháp giảng dạy. Trong quá trình hoạt động, Khoa luôn luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường, bên cạnh đó tập thể giảng viên trong khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, luôn đoàn kết gắn bó, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phần lớn giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tốt. Một số kết quả nổi bật các hoạt động của Khoa trong thời gian bắt đầu đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Xây dựng Công Trình Giao Thông (KTXD-CTGT) đến nay như sau:

Đến nay Khoa đã đào tạo nhiều khóa tốt nghiệp đại học ngành KTXD-CTGT.

Quy mô tuyển sinh:

Năm học	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Sinh viên	77	94	137	46	66	34	18	40	24	28

- Số lượng đã tốt nghiệp kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông là 417 sinh viên đã tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư.

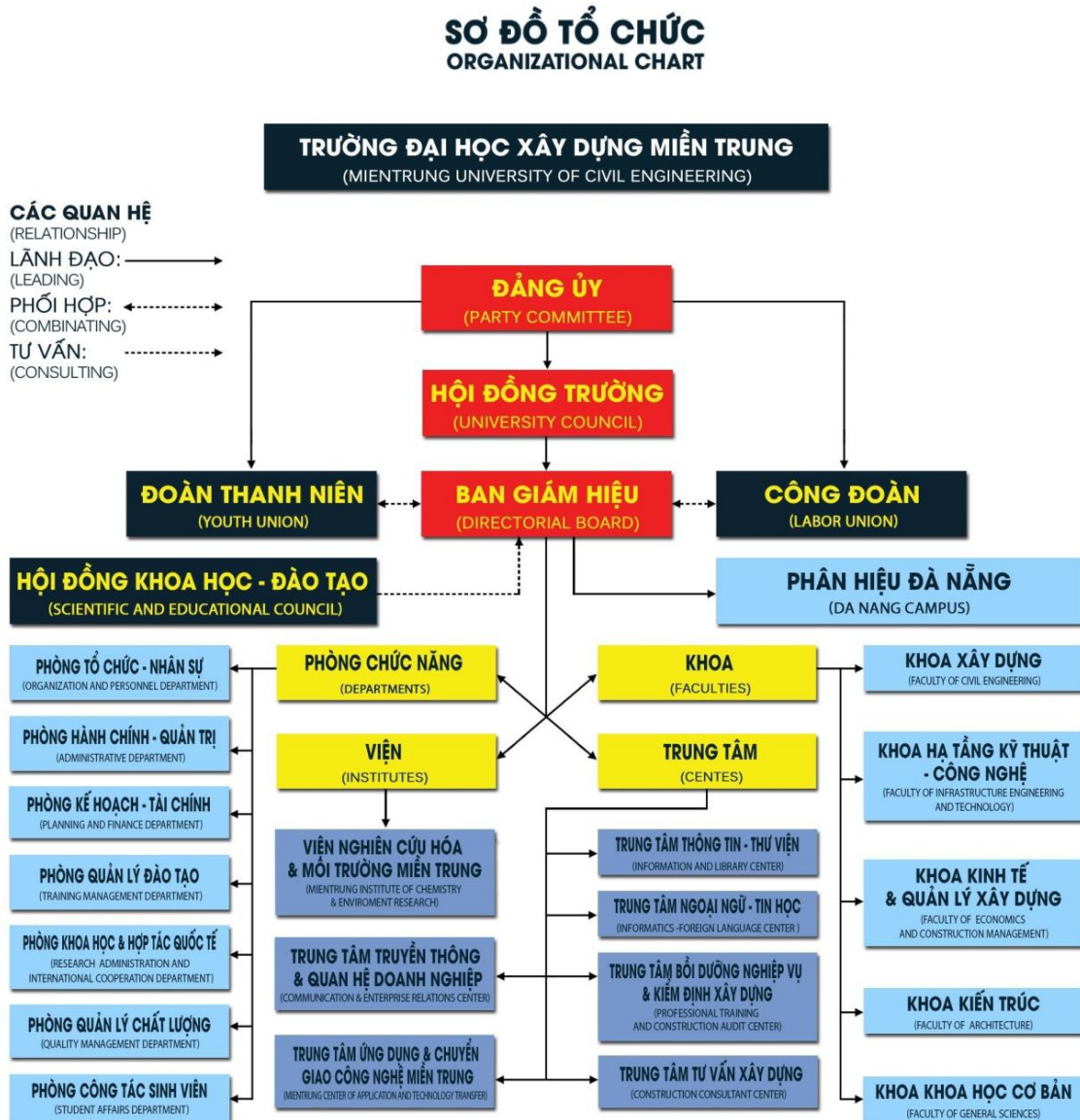
- Về nghiên cứu khoa học: Hàng năm giảng viên Khoa HTKT-CN đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu được mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Khoa HTKT-CN đã giao nhiệm vụ cho các bộ môn triển khai biên soạn hầu hết các tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã từng bước xây dựng các ngân hàng đề thi nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng.

- Định hướng các năm tới khoa thành lập và triển khai các nhóm nghiên cứu tiềm năng và nghiên cứu giảng dạy, các câu lạc bộ sinh viên, giúp sinh viên tiếp cận, có sân chơi trong các nghiên cứu khoa học theo định hướng, hướng dẫn của giảng viên trong khoa. Tạo động lực, khuyến khích các em tìm kiếm đam mê trong nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra khoa còn kết nối doanh nghiệp, các tập đoàn lớn về xây dựng công trình giao thông như Tập Đoàn Đèo Cả, Apave châu Á thái Bình Dương, Hòa Bình tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại các dự án lớn thực tế, học hỏi trau dồi học hỏi thêm kiến thức chuyên môn thực tế tại các công trường lớn. Hơn nữa, Khoa cũng có kết nối nhiều doanh nghiệp địa phương trong đó có các doanh nghiệp về tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, và các doanh nghiệp tổ chức thi công công trình. Thường xuyên tổ chức hội thảo, tọa đàm tư vấn cho người học kinh nghiệm chuyên môn, phỏng vấn, và nhu cầu việc làm. Người học có nhiều sự lựa chọn trong việc thực hành, thực tập và có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp.

Với sự phấn đấu, đoàn kết tập thể, cùng sự nhiệt tình quyết tâm của các giảng viên trong khoa. Hàng năm khoa HTKT-CN cũng đạt được nhiều thành tích trong thi đua khen thưởng như: Tập thể khoa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu lao động xuất sắc qua các năm học 2018-2019; 2019-2020, 2021-2022. Thầy TS Nguyễn Kim Cường, trưởng khoa HTKT-CN nhận bằng khen của bộ Xây Dựng. Chi bộ Khoa HTKT-CN có nhiều cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và Chi Bộ trong nhiều năm liền liên tiếp được đánh giá tập thể trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đảng Ủy, Ban giám hiệu nhà trường giao phó. Hơn nữa, Công đoàn khoa HTKT-CN được Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng nhiều bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn. Chi đoàn giảng viên Khoa HTKT-CN được Tỉnh đoàn Phú Yên tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học qua các năm).

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.



Hình 2. Bộ máy Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện nay
Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa Hạ tầng Kỹ thuật – Công nghệ



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Hội đồng trường						
1	Chủ tịch Hội đồng trường	Phạm Ngọc Tiến	1977	Tiến sĩ	0906797515	Phamngoctien@muce.edu.vn
Ban lãnh đạo Nhà trường						
1	Hiệu trưởng	Phan Văn Huệ	1976	Tiến sĩ	0914058937	phanvanhue@muce.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Nguyễn Kim Cường	1982	Tiến sĩ	0707943382	nguyenkimcuong@muce.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Bí thư Chi bộ	Nguyễn Kim Cường	1982	TS	0707943382	nguyenkimcuong@muce.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn	Nguyễn Sĩ Vinh	1986	Ths	0983515306	nguyensivinh@muce.edu.vn

III. Thư ký và trợ lý giáo vụ						
1	Thư ký khoa	Nguyễn Thị Thu Hương	1985	ĐH	0934876161	nguyenthithuhuong@muce.edu.vn
2	Trợ lý khoa	Nguyễn Thanh Vũ	1986	Ths	0399922886	nguyenthanhvu@muce.edu.vn
3	Trợ lý khoa	Nguyễn Thị Diễm	1988	Ths	0917514773	nguyenthidiem@muce.edu.vn
IV. Bộ môn Cầu đường						
1	Tr. Bộ Môn	Nguyễn Kim Cường	1982	TS	0707943382	nguyenkimcuong@muce.edu.vn
2	Phó Bộ Môn	Vũ Quang Thuận	1984	Ths	0905811428	vuquangthuan@muce.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 6

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không		

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	25	5	30
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	25	5	30
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	25	5	30

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	11		11			
5	Thạc sĩ	17		17			

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
6	Đại học	1		1			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	29		29			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 29 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,75%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	11		11		3		25

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
5	Thạc sĩ	1	17		17				17
6	Đại học	0,5	1		1				0.5
	Tổng		29		29				42.5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	11	37.9	10	1		5	6		
5	Thạc sĩ	17	58.6	14	3		10	5	2	
6	Đại học	1	3.5	1				1		
	Tổng	29	100	25	4		15	12	2	

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 37,9%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 58,6%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	80	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
Tổng			

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	131	49	2.7	34	13/18	17.66/20.6	0
2019-2020	118	61	1.9	34	13/18	17.58/21.87	0
2020-2021	122	84	1.5	64	15/18	17.15/20.5	0
2021-2022	169	115	1.47	58	15/18	18.42/22.4	2
2022-2023	130	88	1.48	61	15/18	21.61/21.68	0
2023-2024	106	73	1.5	58	15/18	18.13/22.0	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học	198	145	171	203	200
Trong đó:					
Hệ chính quy	198	145	171	180	184
Hệ không chính quy				23	16
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	01	01	01	02	02
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1248	1248	1248	1248	1248
2. Người học có	21	27	5	12	16

nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	21	27	5	12	16
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	5.4	5.4

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	4/180	10/131	16/149	11/160	18/173
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,2%	7,63%	10,7%	6,9%	10,4%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	47	18	31	15	24

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ chính quy	47	18	31	15	24
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	54	25	24	13	20
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so	(83)	(27)	(26)	(17)	(27)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
với số tuyển vào (%).	65%	92,6%	92,3%	76,4%	74%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	85%	88%	90%	93%	95%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	15%	12%	10%	7%	5%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp.	63,16	60	100	100	83,3

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	36,8	40	0	0	17,6
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	> 5 triệu	> 5,5 triệu	> 6 triệu	> 6,5 triệu	> 7 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	10%	15%	20%	25%	30%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	70%	65%	60%	55%	50%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	20%	20%	20%	20%	20%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0			1			2,0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1					1,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	3	6	1	6	8,5
4	Tổng		2	3	7	1	6	11,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **11,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: : Tổng số đề tài quy đổi /số cán bộ cơ hữu của Khoa = 11,5/29= **0.4**

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	710	10,14	24
2	2020	0	0	0
3	2021	0	0	0
4	2022	37,96	0,5	1,3
5	2023	170	2,4	5,9

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	6	19	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	4	6	19	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0					1	2,0
2	Sách giáo trình	1,5	1					1,5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng		1				1	3,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 3,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số sách (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = 3,5 /29= 0.12

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	1	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	1	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	1	1	2	1	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	1	2	7		13
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	7	4	8	2	3	12
	Tổng		11	6	11	11	4	34

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 34

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = $34/29=1.17$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		6	7
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	7	7

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	8	4	9	9	35
2	Hội thảo trong nước	0,5	2		2	1	3	4

3	Hội thảo cấp trường	0,25				4		1
	Tổng		7	8	6	14	12	40

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 40

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài báo cáo (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = $40/29=1,38$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	3	
Từ 6 đến 10 báo cáo	1		
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	4	3	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			30	

Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			30	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 180.060 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 363 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc : 10.515 m²
- Nơi học : 20.230 m²
- Nơi vui chơi giải trí : 36.878 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 9.611 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,25 m²/ 1 SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 445 đầu sách; 13.366 bản.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT: 292 đầu sách.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 8
- Dùng cho người học học tập: 230

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,17 máy/người học

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 29

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 96,67%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 36.67%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 93,33%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 349 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $349/29 = 12,03$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 64,15% (Khóa 2019-2023)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95 %

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 5%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Theo báo cáo khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp. Năm 2023, sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường ở đại học chuyên ngành Kiến trúc, đạt 95,24%.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 30%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 50%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 5,84 triệu.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,12

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,17

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,38

7. Cơ sở vật chất: Phòng Hành chính – Quản trị viết.

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,17

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,25

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,4

PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TĐG CTĐT

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 385/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐTĐHXDMT ngày 09/9/2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-ĐHXDMT ngày 29/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về Đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.




HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Nguyễn Vũ Phương

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số ...385/QĐ-ĐHXDMT ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Vũ	Phương	PGS.TS. KTS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Phan Văn	Huệ	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Nguyễn Kim	Cường	TS, Trưởng khoa Cầu đường	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Nguyễn Văn	Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên-Trưởng Ban Thư ký
5.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
6.	Nguyễn Văn	Thành	ThS, Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng	Thành viên
7.	Trịnh Tiến	Dũng	TS, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Thành viên
8.	Lê Đàm Ngọc	Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
10.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
11.	Phạm Trung	Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
12.	Lê Trọng	Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
13.	Đình Văn	Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
14.	Trần Minh	Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
15.	Lê Đức	Quân	ThS, Phụ trách bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị	Thành viên
16.	Vũ Quang	Thuận	ThS, Phó trưởng bộ môn Cầu và Công trình ngầm	Thành viên
17.	Lê	Vy	Sinh viên lớp D19CD	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người). 

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 385/QĐ-ĐHXDMT ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)				
1.	Nguyễn Kim	Cường	TS, Trưởng khoa Cầu đường	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Ngọc	Lượng	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên- thư ký
3.	Vũ Quang	Thuận	ThS, Phó trưởng bộ môn Cầu và Công trình ngầm	Thành viên
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)				
1.	Lê Đức	Quân	ThS, Phụ trách bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Sỹ	Vinh	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thanh	Vũ	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)				
1.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt	Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc	Lê	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai	Ly	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Đinh Thị Quỳnh	Anh	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)				
1.	Phạm Trung	Nguyễn	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh	Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên- Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)				
1.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn	Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên- Thư ký
3.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Theo Quyết định số 385/QĐ-ĐHXDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2022
 của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	Trần Minh Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	Nguyễn Ngọc Lượng	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
5.	Nguyễn Sỹ Vinh	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
6.	Phạm Việt Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
7.	Võ Thanh Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
8.	Ngô Văn Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 08 người) *B*

Số: 742/QĐ-ĐHXD-MT

Phù Yên, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-ĐHXD-MT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL. *FB*



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-DHXDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Phan Văn	Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Nguyễn Kim	Cường	TS, Trưởng khoa Cầu đường	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Nguyễn Văn	Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên-Trưởng Ban Thư ký
4.	Nguyễn Nguyễn	Khang	ThS, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
6.	Nguyễn Văn	Thành	ThS, Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng	Thành viên
7.	Trịnh Tiến	Dũng	TS, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Thành viên
8.	Lê Đàm Ngọc	Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
10.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
11.	Phạm Trung	Nguyễn	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
12.	Lê Trọng	Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
13.	Đình Văn	Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
14.	Trần Minh	Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
15.	Lê Đức	Quân	ThS, Phụ trách bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị	Thành viên
16.	Vũ Quang	Thuận	ThS, Phó trưởng bộ môn Cầu và Công trình ngầm	Thành viên
17.	Lê	Vy	Sinh viên lớp D19CD	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người).

2



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 742/QĐ-DHXDMT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)				
1.	Nguyễn Kim	Cường	TS, Trưởng khoa Cầu đường	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Ngọc	Lượng	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên- thư ký
3.	Vũ Quang	Thuận	ThS, Phó trưởng bộ môn Cầu và Công trình ngầm	Thành viên
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)				
1.	Lê Đức	Quần	ThS, Phụ trách bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Sỹ	Vinh	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thanh	Vũ	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)				
1.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt	Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc	Lê	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai	Ly	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Đinh Thị Quỳnh	Anh	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)				
1.	Phạm Trung	Nguyễn	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh	Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên- Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)				
1.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn	Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên- Thư ký
3.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người)

2

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 312/QĐ-DHXDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)



TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	Trần Minh Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	Trịnh Liên Hương	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5.	Lê Thị Kim Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	Phạm Huy Khánh	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
7.	Nguyễn Ngọc Lượng	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
8.	Nguyễn Sỹ Vinh	ThS, Giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
9.	Phạm Việt Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
10.	Võ Thanh Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
11.	Ngô Văn Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-ĐHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học; Quyết định số 712/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học;

Theo đề nghị của các ông Phụ trách phòng Tổ chức – Nhân sự, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học (Hội đồng) gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo (Phụ lục I).


Giúp việc cho Hội đồng gồm có các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký với danh sách kèm theo (Phụ lục II, III).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

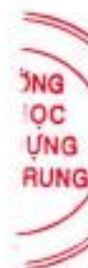
Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng

phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- ĐU, HĐT, BGH (b/c);
- Lưu: VT, QLCL.





LƯU I - DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số 222/QĐ-DHXDMT ngày 11 tháng 1 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Phan Văn	Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Lê Đức	Thường	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3.	Nguyễn Kim	Cường	TS, Trưởng khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Phó Chủ tịch Hội đồng
4.	Trịnh Tiến	Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Ủy viên - Trưởng ban thư ký
5.	Nguyễn Văn	Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Ủy viên
6.	Nguyễn Nguyễn	Khang	ThS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
7.	Dương Văn	Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
8.	Nguyễn Văn	Thành	ThS, Phụ trách Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên
9.	Phạm Ngọc	Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Ủy viên
10.	Lê Đàm Ngọc	Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
11.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Ủy viên
12.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
13.	Phạm Trung	Nguyễn	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
14.	Lê Trọng	Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
15.	Đình Văn	Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Ủy viên
16.	Lê Đức	Quân	ThS, Phó Trưởng bộ môn Cầu đường	Thành viên
17.	Lê	Vy	Sinh viên lớp D19CD	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người).



PHỤ LỤC I - DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số 420/QĐ-ĐHXD-MT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)			
1.	Nguyễn Kim Cường	TS, Trưởng khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Trưởng nhóm
2.	Cao Thanh Chương	ThS, giảng viên khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Thành viên - thư ký
3.	Vũ Quang Thuận	ThS, Phó Trưởng bộ môn Cầu đường	Thành viên
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)			
1.	Lê Đức Quân	ThS, Phó Trưởng bộ môn Cầu đường	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Sỹ Vinh	ThS, giảng viên khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Thành viên - Thư ký
3.	Nguyễn Thanh Vũ	ThS, giảng viên khoa Hạ tầng Kỹ thuật - Công nghệ	Thành viên
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)			
1.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt Cường	CN, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên - Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc Lê	ThS, chuyên viên phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai Ly	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên
5.	Đình Thị Quỳnh Anh	CN, chuyên viên phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)			
1.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh Toàn	ThS, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo	Thành viên - Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)			
1.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn Thống	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên - Thư ký
3.	Dương Văn Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người)

Lu



PHỤ LỤC III - DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHXDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Phạm Ngọc Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Phó trưởng Ban thư ký
3.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
4.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
5.	Trần Minh Loan	ThS, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
6.	Trịnh Liên Hương	ThS, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
7.	Lê Thị Kim Loan	CN, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
8.	Phạm Huy Khánh	ThS, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
9.	Nguyễn Ngọc Lượng	ThS, giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
10.	Nguyễn Sỹ Vinh	ThS, giảng viên khoa Cầu đường	Thành viên
11.	Phạm Việt Cường	CN, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
12.	Võ Thanh Toàn	ThS, chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
13.	Ngô Văn Thống	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

7/2

PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /KH-ĐHXDMMT

Phủ Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH

**Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng,
Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng v/v thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học các ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán được thành lập theo các Quyết định số 384, 385, 386, 387, 388, 389 /QĐ-ĐHXDMMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, mỗi Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

- Giúp Hội đồng chuẩn bị kế hoạch, triển khai hoạt động tự đánh giá CTĐT;
- Chuẩn bị các thủ tục để tiến hành đánh giá ngoài, thẩm định kết quả đánh giá

và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

- Ban thư ký thực hiện phụ lục về cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong báo cáo tự đánh giá của các chương trình;

- Các thành viên của Ban thư ký làm thư ký cho các nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ giúp Trưởng nhóm thu thập thông tin, minh chứng.

b) Các nhóm công tác

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3	Nhóm 1	27/6/2022-;-13/11/2022	
2	Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10	Nhóm 2	27/6/2022-;-13/11/2022	
3	Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7	Nhóm 3	27/6/2022-;-13/11/2022	
4	Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11	Nhóm 4	27/6/2022-;-13/11/2022	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	27/6/2022-;-13/11/2022	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 6/2022

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn

- Quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí; thu thập và xử lý thông tin, minh chứng; đánh giá tiêu chí và viết báo cáo.

VI. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động/cung cấp

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

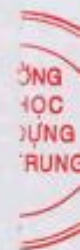
TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng KT&ĐBCL.	27/6/2022 -;- 13/11/2022	

		- Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Tổ chức, cá nhân ngoài trường liên quan. - Cơ sở vật chất, kinh phí.		
2	Tiêu chuẩn 2	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Tổ chức, cá nhân ngoài trường liên quan. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
3	Tiêu chuẩn 3	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
4	Tiêu chuẩn 4	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
5	Tiêu chuẩn 5	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	

X
TR
ĐA
XÁ
HIỆP

		<p>tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV - Giảng viên. - Cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 		
6	Tiêu chuẩn 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 3. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng TC-KT. - Phòng KH&HTQT. - Giảng viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
7	Tiêu chuẩn 7	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 3. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng TC-KT. - Viên chức khôi phục vụ. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
8	Tiêu chuẩn 8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 4. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng CT HS-SV. - Đoàn TNCS HCM. - Sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
9	Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 5. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	

		<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-KT. - Phòng TC-HC. - Phòng CT HS-SV. - Trung tâm TT-TV. - Viên chức toàn trường. - Sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 		
10	Tiêu chuẩn 10	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV. - Đoàn TNCS HCM. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
11	Tiêu chuẩn 11	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 4. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	



VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

1. Ngoài cơ sở giáo dục

- Thông tin về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.

- Các góp ý, phản hồi của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên liên quan đến CTĐT.

- Các thông tin liên quan đến CTĐT của cơ sở giáo dục đại học khác.

2. Ngoài đơn vị thực hiện CTĐT

Minh chứng và số liệu liên quan đến ngành đào tạo được đánh giá.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG
(nếu có)

** Tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo*

- Mục đích: Giúp Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký nắm rõ quy trình, cách thức thực hiện tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT áp dụng.

- Vai trò của chuyên gia: Phân tích, hướng dẫn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT áp dụng.

** rà soát hệ thống thông tin, minh chứng và hiệu chỉnh Báo cáo tự đánh giá*

- Mục đích: Giúp Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký bổ sung thông tin, minh chứng, hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

- Vai trò của chuyên gia: Xem xét và góp ý về thông tin, minh chứng, báo cáo tự đánh giá.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác chuyên trách thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT dự kiến trong 24 tuần (từ 06/6/2022 đến 20/11/2022, theo lịch trình như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 (06/6- 12/6/2022)	<ol style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các Khoa để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3 - 4 (13/6-26/6/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị); • Trình Hiệu trưởng phê chuẩn Kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 – 8 (27/6-24/7/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 14 (25/7-4/9/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm công tác chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 15-16 (5/9-18/9/2022)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Ban thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 (19/9-02/10/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-22 (03/10-30/10/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ nhà trường và Khoa có CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 23-24 (31/10-	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;



Thời gian	Các hoạt động
13/11/2022)	2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo tự đánh giá cho lãnh đạo Khoa thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 25 (14/11-20/11/2022)	1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.

Thông qua Kế hoạch, Hiệu trưởng yêu cầu:

Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Kế hoạch này theo đúng tiến độ đã vạch ra.

Ban thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm kiểm tra tiến độ công việc của các nhóm công tác chuyên trách theo định kỳ 02 tuần/ lần và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá.

Ban thư ký Hội đồng xây dựng kế hoạch chi tiết theo tuần cho từng vấn đề cụ thể để các nhóm công tác chuyên trách triển khai thực hiện và giúp Hội đồng tự đánh giá kiểm tra, giám sát tiến độ công việc.

Ban thư ký Hội đồng phối hợp với phòng Tài chính Kế toán xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện công tác tự đánh giá.


Phòng Tài chính Kế toán thực hiện quá trình thương thảo với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục để hoàn thiện hợp đồng thẩm định hồ sơ tự đánh giá, hợp đồng đánh giá ngoài, hợp đồng thẩm định và công nhận kết quả chương trình đào tạo.

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phải có trách nhiệm phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách, thu thập minh chứng của đơn vị mình để phục vụ công tác tự đánh giá.

Sau khi hoàn thành Báo cáo tự đánh giá, mỗi nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký được Nhà trường hỗ trợ kinh phí và công nhận như một sáng kiến cải tiến cấp trường.

Tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- CT HĐT, BGH;
- Các Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Các nhóm công tác chuyên trách;
- Ban thư ký;
- Lưu VT, KT&ĐBCL. 



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Nguyễn Vũ Phương

Số: 66 /KH-ĐHXDMT

Phú Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2023

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH
Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng,
Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán**

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-ĐHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán.

Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch điều chỉnh thời gian thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Các hoạt động
1	06/6/2022- 12/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các Khoa để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
2	13/6/2022- 26/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho đội ngũ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thống qua:



Số: 66 /KH-ĐHXDMT

Phú Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2023

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH
Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng,
Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán**

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-ĐHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán.

Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch điều chỉnh thời gian thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Các hoạt động
1	06/6/2022- 12/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các Khoa để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
2	13/6/2022- 26/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho đội ngũ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:

BỘ

3

TT	Thời gian	Các hoạt động
		<ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị); Trình Hiệu trưởng phê chuẩn Kế hoạch tự đánh giá.
3	27/6/2022-27/11/2022	<ol style="list-style-type: none"> Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
4	28/11/2022-16/7/2023	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm công tác chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
5	17/7/2023-29/10/2023	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; Ban thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
6	30/10/2023-05/11/2023	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
7	06/11/2023-03/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ nhà trường và Khoa có CTĐT. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
8	04/12/2023-17/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo tự đánh giá cho lãnh đạo Khoa thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét.



TT	Thời gian	Các hoạt động
9	18/12/2023- 24/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường báo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.

Hiệu trưởng yêu cầu Hội đồng tự đánh giá, các Nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung của Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Các Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Các Nhóm công tác chuyên trách;
- Ban thư ký;
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Văn Huệ

